

# VIÊN GIÁC

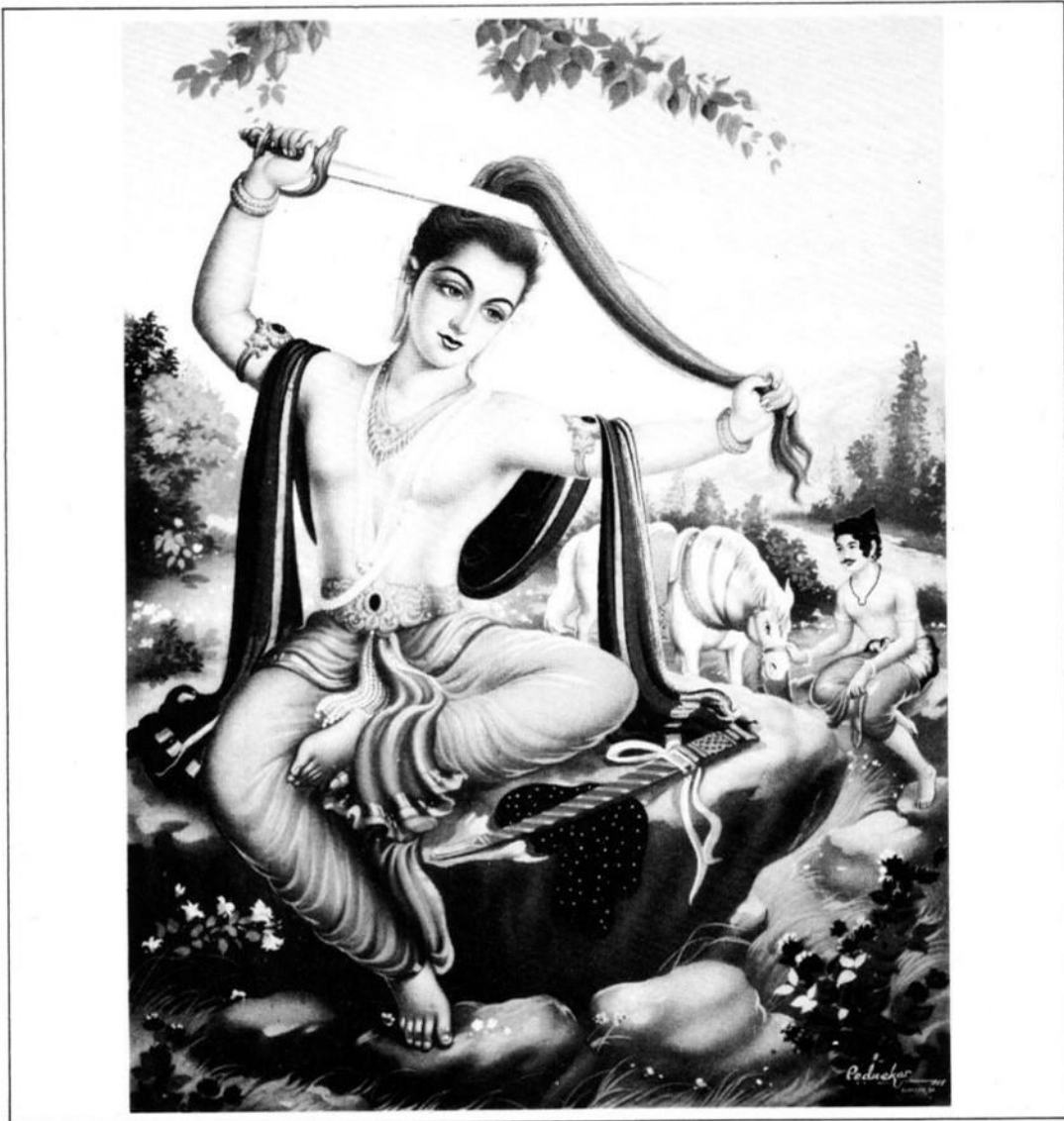


BỘ MỚI  
SỐ

18

THÁNG MƯỜI HAI NĂM 1983  
DEZEMBER 1983

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESESISCHEN BUDDHISTEN  
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Trong số này  
in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	
Thư So Sánh.....	trang 01
Biển chân tâm diệu minh.....	03
Quan điểm Phật Giáo.....	07
Lá thơ Tịnh Độ.....	09
Tuyển tập Phật Giáo.....	12
Việt Nam Phong Sự.....	15
Quốc Sử tạp lục.....	17
Truyện Hùng Đạo Vương.....	20
Triết học Đông Phương.....	23
Allgemeine Buddhalehre.....	27
Gefangener des Vietcong.....	30
Die ill.Geschichte Buddh.....	33
Das Wunder,Wach zu sein.....	36
Bereichern.....	40
Thơ.....	41
Những ngày đi đăng ký.....	42
Đường không biên giới.....	45
Văn Chương nhân đạo.....	48
Tạp ghi về ngày.....	52
Hạnh phúc của Thi.....	54
Lễ Quy Y Tam Bảo.....	57
Công Đức thọ tri chú.....	59
Trang Giáo Lý ĐPPT.....	62
Gia chánh chay.....	63
Tin Tức.....	64
Mục lục thư viện.....	70
Phường danh.....	74

Chủ trương Thích Như Điển  
Herausgeber  
Kỹ thuật Thi Chơn  
Lay out

Cùng sự cộng tác của  
Mitwirkung der  
Hội Sinh viên và Kiều bào  
Phật tử Việt nam  
tại Cộng hòa Liên bang Đức  
Vereinigung d.vietn.buddh.  
Stud.u.Vietn.in d.BRD e.V.  
Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC  
Redaktion  
Trung tâm Văn Hoá Phật Giáo VN.  
Vietnam.buddh.Kulturzentrum  
Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81  
Tel. 0511. 864638



## Thư tòa soạn

Hôm nay Viên Giác số 18 lại đến với Quý vị độc giả b ộ n phương - tròn 3 năm bộ mới và 5 năm kể luôn cả 6 bộ cũ. Viên Giác hình thức và nội dung tuy có cải tiến đi nhiều nhưng vẫn chưa đầy đủ những yếu tố của một tờ báo Đạo đi vào cuộc đời. Vì lẽ đó cho nên có nhiều độc giả cho là quá khô khan, hoặc có nhiều bài viết cao quá, ít có người chăm chú đọc hết bài. Vì thế cho nên có nhiều vị đề nghị thêm vào một vài truyện ngắn để tờ báo có phần hương sắc.

Chúng tôi đã đề nghị với văn sĩ Hồ Trường An lo cho vấn đề này, đã được anh chấp thuận - và kể từ số 19 trở đi - mục "Những ngày đi đăng ký" sẽ được thay thế bằng "truyện ngắn". Ngoài ra chúng tôi cũng mong đón nhận những bài viết của những văn sĩ khác khắp nơi trên thế giới về nhiều thể tài khác nhau, để tờ báo Viên Giác là tờ báo chung của mọi người và mọi lứa tuổi - Có như thế hạnh nguyện của Viên Giác mới được tròn đầy. Hạnh nguyện của những người con Phật - mong muốn hạt giống giác ngộ, giải thoát được nảy mầm và lớn mạnh trong tâm thức của mọi người ở a n i g sống rải rác trên khắp 5 châu 4 bể này.

Chúng tôi cũng không quên cảm tạ những vị đã có tư t ả m giúp đỡ, khuyến khích, hoặc viết bài cho Viên Giác lâu nay cũng như quý vị Thiện hữu tri thức và quý vị Phật Tử đã đóng góp tịnh tài để tờ báo Viên Giác đến đều đặn 2 tháng một lần với Quý vị.

Lời cuối chúng tôi xin nguyện cầu Chư Phật, Chư Tổ Sư, Chư Thánh Tăng, Thánh Tử Đạo tử bi gia hộ cho tất cả Quý vị Đạo tâm kiên cố và Phật Đạo chóng viên thành.

Nam Mô Hoan Hy Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

VIÊN GIÁC

Hình bìa: Thái Tử Tất Đạt Đa cắt tóc bên dòng sông Anoma

# Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

## THÍCH HẠNH TUẤN

— tiếp theo —

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép rằng: "Vua A Xà Thế thái tử vương xá thành nổi loạn chống lại vua Tần Bà La và hạ ngục nhà vua này. Hoàng Hậu cũng bị giam vào một nơi. Sau đó Hoàng Hậu thỉnh đức Phật chỉ cho một quốc độ nào tốt đẹp hơn, nơi không có những tai biến xảy ra như vậy. Đức Thế Tôn liền hiện thân trước mặt bà và thị hiện cho bà thấy tất cả các Phật độ và bà chọn quốc độ của Phật A Di Đà coi như tối hảo. Đức Phật bèn dạy bà cách tụng niệm để được vãng sanh về quốc độ này."

Tiến xa hơn nữa, ngoài việc tin tưởng chắc chắn vào một thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà ở Tây phương tịnh độ niệm Phật cầu vãng sanh. Chư vị tổ sư của Tịnh độ tông đã xem thế giới Cực Lạc không ngoài tự tâm chúng ta. Tổ Châu Hoảng Vân Thê trong Di Đà sứ sớ có chép "... sớ là với các niệm mà KHÔNG là chơn niệm, với việc sanh mà hiểu là vô sanh. Bởi niệm danh hiệu Phật tức niệm tâm ta, còn sanh qua ước Cực Lạc cũng không lìa cõi ta bà này mà có. Vì rằng: Tâm, Phật và Chúng sanh tuy ba mà vẫn đồng một thể, giữa dòng và hai bên đều không nhất định ở một chỗ nào nên gọi là: Tự tính Giác là Phật Di Đà, Duy tâm là cõi tịnh độ. (Cái do niệm không chơn niệm sanh nhập vô sanh, niệm Phật tức niệm thị niệm tâm, sanh bị bắt sanh thư, Tâm, Phật, Chúng sanh nhất thể, trung lưu lượng ngàn bất cứ, số vị tự tánh Di Đà Duy tâm tịnh độ).

Như vậy, theo ngài Vân Thê Châu Hoảng thì thế giới tịnh độ và Đức Phật A Di Đà không ngoài tự tâm chúng ta. Cho nên, ngài Huệ Năng đã trả lời cho một người hỏi về thế giới Cực Lạc như sau:

"Có Tây phương tịnh độ hay không?"

Ngài đáp: "Tây phương là tự tánh thì cần gì cầu sanh tịnh độ" (Tây phương thị tự tánh, hà dụng cảnh cầu sanh).

Kinh Quán Vô Lượng Thọ trong phép quán thứ tâm - quán Phật và Bồ Tát - đã nêu rõ ý nghĩa này: "... Nay A Nan! Vì thế Hy s a u khi thấy tướng hoa tòa rồi, kế tiếp nên quán hình tượng Phật. Việc ấy như thế nào? Chư Phật Như Lai là Thân pháp giới vào trong tất cả tâm tướng của chúng sanh, cho nên khi tâm các người tương Phật, tâm ấy chính là Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, Tâm ấy làm Phật, Tâm ấy là Phật." (... Thị tâm tác Phật, Thị tâm thị Phật)

Như vậy, Thế giới Cực Lạc chính là một thế giới Lý tướng rất hoàn bị không có các duyên dục, không có những sự khổ đau về thân, cũng như về tâm, ở đó không có tám thứ khổ như: sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc, oán tăng hội, ngũ ấm xí thạnh, ngược lại, nhân dân ở cõi nước ấy đặng hưởng những sự vui thú về thân cũng như về tâm. Cảnh trí chung quanh ở đây được bao bọc có bảy hàng cây báu, phía trên có bảy lớp lưới báu giăng để che, quanh cây thì có bảy lớp bao lớn bao bọc, những vật ấy đều toàn bằng những thứ báu như: vàng ngọc, lưu ly, xa cừ mã não, san hô, hộ phách trần châu. Trong cõi Cực Lạc có bảy ao báu, có nước tám công đức trên bờ ao có đường bằng phẳng đi chung quanh, mặt đáy ao toàn bằng cát vàng. Có hoa sen nhiều màu sắc to như bánh xe, mỗi hoa sen tỏa ra nhiều màu tuyệt đẹp. Có chim Ca Lãng Tăng Già reo hát Phật Pháp, nào Pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, bát chánh đạo, 37 phẩm trợ đạo. Chúng sanh sanh vào cõi này đều được hóa sanh từ hoa sen, nghe pháp



rồi nhớ niệm Phật Pháp Tăng...

## D. - SỰ GẶP GỠ GIỮA TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘ N G CỦA THIÊN VỚI TỊNH

### I/. TRÊN LÃNH VỰC TRIẾT LÝ

Nhìn lại phần triết lý của Thiên và Tịnh độ mà chúng tôi đã đề cập ở trên, chúng ta thấy rằng: Thiên tông chủ trương không dùng văn tự, mà chỉ trực chỉ nhân tâm để kiến tánh thành Phật. Như vậy Thiên muốn đệ tử nhập trực tiếp vào bản tâm bản tính của con người để thành Phật, không tìm cầu đức Phật nào ngoài bản tâm của mình. Trong quá khứ hay trong vị lai, sự sanh tử luân hồi khổ đau và sự giải thoát an vui cũng chính do tâm này tạo tác. Thế nên Phật Tổ cũng do tâm này mà thành tựu.

- Một hôm Triệu Châu hỏi Nam Tuyền:

Đạo là gì? Đáp: "Tâm bình thưng là đạo"

Triệu Châu hỏi tiếp: "Đến đó được không?"

Sư nói: "Nghĩ đến đã sai".

Triệu Châu hỏi thêm: "Không nghĩ đến làm sao biết đó là đạo?"

Sư nói: "Đạo không thuộc chuyện biết hay không biết - Biết là sai, không biết thì có ăn thua gì - Nếu quả thật đến đó được bấy giờ cũng như Thái Hư trống không khoáng khoáng há có thể gượng cho là phải trãi sao? Triệu Châu liền ngộ."

Không qua trung gian luận bàn diễn giải, chỉ cần chỉ thẳng (trực chỉ) còn nghi quẩn là sai. Như thế tâm là đạo, tâm là tất cả còn tìm kiếm gì ở nơi đâu? (Vô môn quan tặc thứ 19).

Riêng ngài Đại Mai thì trả lời cho Mã Tổ thẳng thắn hơn.

- Mã Tổ hỏi: "Phật là gì?" Sư đáp: "Tức tâm tức Phật", ngoài tâm không tìm đâu ra Phật!

- Một ông Tăng hỏi Mã Tổ: "Phật là gì?"

Sư đáp: "Chẳng tâm chẳng Phật" (Phi tâm phi Phật)

Ở khía cạnh này, Tịnh độ giáo trong quán vô lượng thọ kinh khi Đức Phật dạy ngài A Nan rằng: .... Chư Phật Như Lai là thân Pháp giới vào trong tất cả tâm tướng của chúng sanh cho nên khi tâm các người sống Phật tâm ấy chính là Phật (Thị tâm tấ c Phật, thị tâm thị Phật). Tịnh độ giáo tuy chủ trương có một thế giới Cực Lạc do Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ ở cách xa cõi ta bà này 10 vạn ức cõi Phật về phương tây. Thế nhưng tiến xa hơn trở lại thế

giới nội tâm - Tịnh độ đã nằm trong lòng chúng ta, hay tâm ta chính là Phật, như Mã Tổ đã đáp cho Đại Mai: "Tức tâm tức Phật" Vì thế ngài Văn Thế Châu Hoảng không ngần ngại gì khi đặt bút diễn tả tâm ý ấy như sau: "Linh minh đồng triết, trạm tịch thố hùng hăng, phi trước, phi thanh, vô bối vô ô hướng, đại tai chơn thế, bất khả đắc như tư nghĩ giả, kỳ duy tự tánh dư... Tâm Phật chúng sanh nhất thể, trung lưu lưỡng ngại bất cứ, cố vị tự tánh Di Đà duy tâm Tịnh độ".

Ở đây Thiên và Tịnh đã cùng nhau khai thác tự tâm tự tánh không cầu gì ngoài tự tâm của con người.

Tuy nhiên, trên bước đường tu tập để đạt ngộ chân tâm, cũng có kẻ nhanh người chậm ấy là do căn cơ. Cho nên tu tập theo thiên đã từng chia thành hai hạng là lối tu tiệm (dành cho hạng căn cơ thấp kém chậm lụt) lối tu đốn (dành cho hạng căn cơ cao lanh lạ). Khi nhìn bản tâm tự tánh thiên liền muốn trực nhập thế ngộ chơn tâm không qua trung gian suy luận. Lối nhìn trực chỉ này có thể nói là phân lý chỉ dành cho hạng thượng căn. Trong khía cạnh này Huệ Năng đã phát biểu: "Bồ đề bốn vô thọ, Tâm phi minh cảnh dài, Bốn lai vô nhất vật, Hà xứ n h a trần ai". Còn Thần Tú thì "Thân thị Bồ đề thọ, Tâm như minh kính dài, Thời thời thướng phát thức, Vật sử nhạ trần ai".

Còn hành giả tịnh độ tông khi tu hành muốn được vắng sanh tịnh độ phải niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà khởi đi từ loạn động cho đến giai đoạn nhất tâm.

### II/. TRÊN LÃNH VỰC TU TẬP

Về phương pháp y tu hành, Thiên có lối tu tập công án là đặc sắc, còn tịnh thì có lối tu niệm Phật. Hai lối tu này của hai tông phái rất phổ thông cho mọi giới. Như vậy chúng ta hãy tìm xem lối tu tập công án của Thiên có liên hệ gì với lối niệm Phật của Tịnh. Phép tu niệm Phật rất cổ xưa thế dưới triều nhà Minh. Phép niệm Phật chuyên rộng niệm danh hiệu: "Nam Mô A-Di-Đà Phật". Hình thức niệm Phật này đã xuất hiện đầu tiên tại Trung Hoa do nhóm tín đồ niệm Phật là Bạch Liên Xã do ngài Tuệ Viễn lãnh đạo. Từ đó lối niệm Phật dương như đối lập hẳn với Thiên, vì Thiên chủ trương không nương tựa vào một ai cả, ngay đến Đức Phật. Trong khi đó Tịnh cầu nguyện sự tiếp dẫn

*trang xem tiếp trang 6*



# Biển Chân Tâm Điều Minh

## TẠI SAO KHỞI VỌNG ?

TINH LIÊN NGHIỆM XUÂN HỒNG

tiếp theo

Về vấn đề Bản thể luận, qua các Kinh, tác giả thể nhận thấy rằng: đối với những câu hỏi siêu xuất này, Đức Phật thường có thái độ dè dặt, đôi khi giữ im lặng, không muốn diễn giải nhiều về vấn đề này.

Tỷ dụ như xưa kia, khi có người Bà la môn say mê triết học tới vấn nạn Ngài về 14 câu hỏi siêu hình (như: Vũ trụ này là có cùng tận hay không cùng tận?... v.v...) thì Phật thường hay giữ thái độ im lặng không trả lời những câu hỏi thuộc Bản thể luận ấy.

Hoặc trong kinh Địa Tạng (phẩm 4), có 4 Ngài Tứ thiên vương đứng lên hỏi rằng: "Ngài Địa Tạng đã phát nguyện rộng lớn cứu độ tất cả chúng sinh như vậy, lại thêm có vị Trần số Đại Bồ Tát cũng phát nguyện cứu độ như thế, vậy thì thưa Thế Tôn, tại sao các Ngài lại chưa độ được HẾT chúng sinh, mà vẫn còn HOAI HOAI những chúng sinh chưa được độ?!!..." Câu hỏi này rất hay, và có nghĩa rằng: Chúng sinh là TẬN hay VÔ TẬN... Nhưng trong kinh Địa Tạng, Phật cũng không trả lời thẳng vào điểm này, và cứ để cho chúng sinh phải suy nghĩ.

Trong kinh Lăng Nghiêm, thì Ngài Phú Lâu Na đứng lên thưa hỏi: "Bạch Thế Tôn! Nếu quả thực cái Điều tâm ấy là bản nhĩ thanh tịnh, không có một vật, thì tại sao bỗng nhiên lại thấy có đủ các hình tướng hữu vi như núi, sông, sơn hà đại địa... thứ lớp đối đãi, trước sau quanh lộn...?!" Tức là Ngài muốn hỏi về nguyên nhân Khởi Vọng, làm phát hiện nên thế giới này.

Lần này, thì Phật trả lời. Song những câu

trả lời của Ngài cũng vẫn rất ẩn mật và cô đọng, có thể lược tóm như sau:

- Này ông Phú Lâu Na! Các ông là những bậc Thanh văn, đã gột được sạch những hoặc lậu thô, nhưng các ông nên nhớ rằng: cái Chân tâm ấy nó vốn Điều vốn Minh, nó thường điều thường minh. Chứ không phải là vì kết quả hành đã gắng, công lao chùi gột rửa mãi, nên nó mới trở thành minh thành điều đầu... Nếu các ông còn giữ cái kiến chấp, cho rằng vì mình lau chùi nên nó mới trở thành Minh, thì các ông vẫn còn luẩn quẩn ở trong vòng Vọng thức của năng minh và sở minh, và không chứng nhập được Tâm ấy.

- Sự Khởi Vọng của chúng sanh vốn là một cơn Mê sáng, và đã gọi là mê sáng hay chiêm bao, thì đâu có thể có nguyên nhân? Rồi Ngài kể câu chuyện chàng Diên Nhã Đạt Đa, bỗng nhiên đứng trước tấm gương để TỰ SOI.

- Rồi mấy chục trang sau, Phật lại nói một bài kệ, để diễn giải thêm một chút nữa. Trg đó, có câu:

Tự tâm TRỞ LẠI chấp tự tâm,  
Không phải huyền, trở thành pháp HUYỀN...

.....  
Vậy thì tại sao Phật lại có thái độ dè dặt và lời dạy lại ẩn mật như vậy?... Ngài không diễn giải rõ rệt không phải là vì Ngài không có đáp số. Trái lại, Ngài có tất cả đáp số. Bằng chứng là về những điểm nào chưa rõ rệt thì trong những bộ Đại Luận sau này như Đại Trí Độ Luận, các bậc Bồ Tát như Ngài Long Thọ đã đem ra diễn giải rất kỹ càng.

Sở dĩ Phật thường dè dặt ẩn mật, là vì những lẽ sau đây:

- Những câu hỏi về Bản thể luận, tuy gọi là siêu xuất, nhưng vẫn nằm trong vòng Vọng thức phân biệt, vẫn đều là những thối mắc

của những kẻ chưa tỉnh giấc chiêm bao. Khi tỉnh rồi, thì những thắc mắc ấy tự rơi rớt.

Nếu trả lời nhiều và dài giòng cho kẻ vẫn nạn, thì lại khiến cho kẻ ấy cứ tiếp tục lòng vòng đi hoài trong vọng thức... Trg khi mục tiêu của giáo lý, là để ra những pháp môn, khuyến tấn hành giả chú trọng tới việc HÀNH TRI, để tự mình ra khỏi mê đồ của vọng thức chiêm bao.

- Kẻ hành giả, khi được biết khá rành rẽ thông suốt về những điểm tốt bổ mé rồi, thì dễ khởi tâm ĐẠI NGÃ MẠN. Thậm chí nghĩ rằng: "Mình thật là quán thông siêng tụyệt ngoài mình ra, không ai có thể biết rành rẽ như vậy...". Có tâm ngã mạn rồi thì chấp ngã, chấp pháp, rồi khởi tâm tham dục lạc vào thiên ma... Đó là trường hợp của Ma vương, của Thiện Tinh tỷ kheo, và của ngài Đề Bà Đạt Đa... Ma vương là một vị tu hành, đạt tới mức độ thần lực xấp xỉ với bậc A La Hán hoặc Bồ Tát đệ Bát Địa, nhưng khởi tâm ngã mạn cũng tham dục. Có tâm này rồi, thì không thể tiến xa hơn nữa không thể đi sâu vào giáo lý Như Hư yên của Bồ Tát Đạo.

Riêng về ngài Đề Bà Đạt Đa, thì cần hiểu rằng các kinh Pháp Hoa và Đại Bát Niết Bàn... đã thuyết minh về trường hợp của ngài. Trong quá khứ, ngài đã từng là vị thiện trí thức dạy kinh Pháp Hoa cho một tiên thân Phật (phẩm 12). Rồi đến kiếp này khi Phật ra đời, ngài lại đắm đuối vào vai trò phá tăng hại Phật. Để làm gì? Để Phật có cơ duyên chế định thêm giới luật, cũng giảng giải rõ rệt về nhân quả nghiệp báo khiến hàng Thanh văn gắng công trì giới... Chư Phật là bậc đã trở thành 1 biển rộng đức không lường, đã sạch hết mọi vết tích nghiệp báo, thì làm gì còn phải trả nghiệp nữa?! Trong bộ Đại Trí Độ Luận, ngài Long Thọ dạy rằng: Phật trước kia có trải qua 9 nạn, (như vụ phải ăn lúa mạch của ngựa thương ấn, hoặc bị một người nữ Bà La Môn vu khống rằng Phật đã chung chạ với nàng khiến nàng mang thai... ) đều là những phương tiện thiện xảo do chính Ngài thị hiện, để làm nhân duyên chế giới, cũng diễn giải rõ về nhân quả nghiệp báo, để khuyến tấn hàng Thanh văn cẩn trọng về giới luật... Cho nên, trường hợp ngài Đề Bà Đạt Đa chỉ là một trường hợp thị hiện nghịch duyên, vì đôi khi, một bậc Đại Bồ Tát cũng thị hiện làm Ma vương để cảnh giác chúng sanh. Ngoài ra, kinh có nói rõ rằng:

tuy ngài Đề Bà Đạt Đa bị đọa xuống đọa ngục, nhưng ngài vẫn thấy an lạc vui sướng như một tỷ kheo nhập đệ tam thiên. Hơn nữa trong kinh Pháp Hoa, Phật cũng thọ ký cho ngài sẽ thành Phật...

- Ngoài ra, một kẻ hành giả, khi hiểu biết được nhiều điểm cao siêu, thường cũng hay đắm trước sự hiểu biết đa văn, và xao lãng việc Hành trì. Trên phương diện tu chứng, sự hành trì đôi khi còn quan trọng hơn sự đa văn, vì hành trì mới chính là sự bố thí đắp cái cối gốc vi tế, và mới là con đường đi sâu vào Vô phân biệt trí.

Bởi vậy, nên đối với những vấn đề Bản thể luận, giáo lý nhà Phật thường ít khi muốn diễn giải kỹ càng, và thường chỉ đưa ra 4 chữ: PHÁP NHƯ THỊ để trả lời sự vẫn nạn mà thôi. Pháp như thị có nghĩa là pháp như vốn là như vậy, lý ứng là như vậy cái sự vận hành của Đạo lý và của Pháp giới vốn là như vậy. Khó thể miêu tả được và mỗi chúng sanh đều cần suy ngẫm lâu dài rồi tự chứng nghiệm, thì sẽ hiểu... Nay nếu nương theo Chân lý Duy tâm hiển mà diễn giải rõ rệt ra, thì có thể tạm nói rằng: cái diễn trình vận hành của Pháp giới vốn là như vậy, cái màn Vô minh tuy chỉ là chiếc bóng mờ của Diệu tâm, nhưng nó cũng bắt tư nghĩ và luôn luôn hãm ng khí không đoạn tụyệt. Nó hãm khởi không ngưng nghỉ để làm gì? Chỉ là để mơ cuộc hành trình chuyển hiện, từ MỘT biến hiện thành NHIỀU, từ MỘT loé ra thành VÔ LƯỢNG... Rồi lại từ cái NHIỀU hay VÔ LƯỢNG ấy do sức huân tập thấm hút của Chân tâm tức là Pháp lực, cũng như do Thần lực cứu độ của Chư Phật cùng Bồ Tát, cái Nhiều hay Vô Lượng ấy lại mở cuộc hành trình để trở về cái MỘT của Biển Diệu Tâm... Cho nên, bản lai diện mục của Pháp giới là như vậy: luôn luôn không ngưng nghỉ, chuyển hiện từ cái MỘT sang Nhiều, cũng như chuyển hiện từ Nhiều sang MỘT. Nghĩa là Tâm vô tướng mạo luôn luôn chuyển hiện thành Vật muôn hình vạn trạng, và Vật cũng luôn luôn chuyển hiện trở về Tâm... Do đó, các chúng sanh không thể nói là TẬN hay VÔ TẬN được. Vì Tận hay Vô tận đều chỉ là những khái niệm giả lập của Vọng thức phân biệt, và không tương ứng với bình diện Tốt bổ mé của Thực tại. Và một kẻ hành giả, nếu còn ĐỘNG NIỆM, thì vì đó vẫn còn thấy chướng ngại sanh xuất hiện bờ bờ, vô cùng vô tận như những lớp sóng biển cả. Nhưng nếu hành giả đạt tới chỗ BÁT NIỆM, thì các lớp chướng



sanh tự nhiên HẾT, trở thành TẬN, và tuyệt nhiên chẳng thấy một chúng sanh nào cả. ... Và đó cũng là lời dạy của kinh Lăng Nghiêm.

Có một vài vị học giả, vì không nhận định được rõ về chân lý Song chiếu này của nhà Phật, nên thường thắc mắc rằng: "Quái lạ! Tại sao Đức A Di Đà, trước kia đã thệ nguyện rằng nếu tất cả chúng sanh ch ưa được độ, thì Ngài quyết không thành Phật, vậy mà nay, chúng sanh vẫn còn bỡ ngỡ lạc vào ác đạo, mà Ngài vẫn thành Phật ở phía trời Tây rồi???... Lại nữa, tại sao Đức A Di Đà cũng Nhị Thành Tây phương cực lạc công độ hoài độ huy mãi mà chúng sanh vẫn không hết, như thế chẳng hoá ra các Ngài chỉ là những Đấng Đã Trùng xe cát bụi ển Đông, nhọc mình mà chẳng nên công cán gì hay sao?!?..."

Nói như vậy, tức là vẫn còn đem những tập quán vọng thức phân biệt để nhận định nơi Tột bờ mê, vẫn còn đem tâm trạng hữu tâm hữu tác của người phạm phu để suy luận những động tác thị vi của những bậc Vô tâm Vô tác. Vẫn chưa hiểu chân lý Song chiếu, cũng bị ảnh hưởng của vọng niệm và Bất niệm. Vẫn chưa hiểu Pháp nhĩ như thị... Trong pháp giới này, Vô minh hằng khởi để tượng trưng cho cái chiều hướng. Một chuyển hiện thành Nhiều, của Tâm chuyển hiện thành Vật. Còn Chư Phật Thế Tôn cũng Đại Bồ Tát cũng thường xuất hiện nhiều như vi trần, độ hoài độ huy, là biểu tượng cho chiều hướng của Nhiều trở về Một, của Vật trở về Tâm. Tuy các Ngài độ hoài độ huy như vậy, nhưng vì các Ngài đã đạt tới Vô tác diệu lực, nên các Ngài cũng chẳng phải dụng tâm, chẳng thấy khó khăn hay khổ nhọc gì. Như trong kinh Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, ngài Văn Thù đã diễn nói rõ ràng... Nhưng thực ra, thì trong cái vòng triển chuyển nói trên của pháp giới hay của Đạo lý, cần hiểu rằng thần lực của Chư Phật, chi phối cả toàn bộ vòng triển chuyển, chứ không phải chỉ riêng chi phối chiều hướng trở về Tâm mà thôi. Vì sao vậy? Là vì Chư Phật tức là Diệu tâm, còn Vô minh chỉ là cái bóng mờ của Diệu tâm. Bởi thế nên tất cả mọi tác động thị vi của Ma vương đều chỉ là tùy theo nghiệp của chúng sanh mà xuất hiện, và cũng đều nằm trong vòng chi phối của thần lực Chư Phật. Và cũng bởi thế nên trong pháp hội Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, Ma Vương chỉ mới nghe đến danh tự của

kinh, mà cả 2 chân 2 tay đều bị trời chặt với căn cơ, không thể thi thố việc gì phá được nữa...

### TẠI SAO KHỞI VỌNG ?

Biển Chân tâm diệu minh đã nói ở trên rồi nay nói về: Tại sao khởi vọng?, và Vọng là cái chi chi?

Lẽ dĩ nhiên là những câu hỏi ấy cũng đều là do vọng thức phân biệt cả. Nhưng chúng ta vốn là phạm phu sống trong thế giới nhị biên của vọng thức tư tưởng vô thủy, nên vẫn cần đến ngôn ngữ để hỏi và để đáp để trao đổi sự hiểu biết với nhau, để cùng tìm một con đường ra khỏi vọng, và CHUYỂN Vọng thành Chân.

Muốn hình dung mộng tượng được ít nhiều về cái bản chất của sự KHỞI VỌNG, thiết tưởng cần lưu tâm suy nghĩ về mấy hình ảnh cùng mấy đoạn kinh luận sau đây:

1/- Hình ảnh thứ nhất là: Khi ánh sáng mặt trời xuyên qua một tấm lăng kính tam giác bằng thủy tinh, thì làm phát hiện một quang phổ (spectre lumineux) có 5 màu hay 7 màu. Ánh dương xuyên qua một làn mưa bụi cũng làm phát hiện một ảnh tượng cầu vồng (arc-en-ciel) hay quang phổ, có 5 hoặc 7 màu. Ánh sáng mặt trời, vốn màu trắng tức là gần như không màu, nay lại làm phát hiện 7 màu... Như thế thì là thế nào?

Như thế nghĩa là: Ánh sáng mặt trời, vốn cùng một màu trắng, vốn là THUẦN NHẤT, vốn là MỘT, nay chạm phải một lớp LƯU NGẠI (tức tấm lăng kính hay làn mưa bụi), nên trở thành SAI BIỆT, mất cái thuần nhất, chuyển động CHẠM lại, trở lại TỰ GIAO THOA (interférer) với nhau, và làm phát hiện 1 quang phổ sai biệt có 7 màu.

Vậy thì có thể nói rằng: Cái tác động TRỞ LẠI TỰ GIAO THOA tức là KHỞI VỌNG.

Cái 7 màu kia là vọng, vì nó được phát hiện ra, chứ đâu phải nguyên nhân là thực có?!... Vậy nó từ đâu mà phát hiện, từ đâu mà tới? Từ tấm lăng kính chăng? Không phải vì tấm lăng kính cũng chỉ là một duyên thứ yếu... Cũng không phải từ hư không, vì hư không cũng là một duyên thứ yếu, là nơi môi trường hoạt dụng thôi.

Vậy thì nó tới từ ánh sáng mặt trời chăng? Theo lối nhìn của thế gian, thì có thể tạm gọi là như vậy, tạm coi ánh sáng mặt trời là Sanh nhân của 7 màu. Nhưng ánh sáng ấy



phải quay trở lại tự giao thoa thì mới có 7 màu. Và ánh sáng có thể tạm coi là Chân Nhưng nếu ta chuyển lối nhìn lên cao hơn nữa, sâu hơn nữa, thì sẽ nhận thấy rằng : Ánh sáng cũng chỉ là một Duyên thôi, tuy là duyên có vẻ chính yếu. Vì thực ra, cả ánh sáng trắng cùng 7 màu đều đột k h ởi lên như huyền như hóa từ nơi Chân không mà thôi.

Trở lại giáo lý nhà Phật, thì ánh s á n g trắng kia có thể tạm so sánh với tâm thức chúng sanh, còn quang phổ 7 màu có thể so sánh với những cảnh giới huyền diệu của pháp giới.

Tóm lại, Tự giao thoa là Khởi vọng, k h ởi vọng thì quang minh chuyển động chậm lại và đi theo đường cong. Chậm lại và x o á y tròn nên Hiện tượng, làm LOÉ lên tướng . Loé lên hình tướng nên có ảnh tượng s ự vật... Và như thế, Tâm vô tướng mao đ ấ chuyển hiện thành Vật... Đó là cái Maluc (sortilège) lạ lùng của những ảnh b i ến hiện của quang minh... , của quang m i nh tâm thức...

(còn tiếp)

## Sophokles

Ngã lưng tựa ngủ bên đồi  
 Nghe chân kiến bé trong hồi ra đi  
 Suối rừng mùa nắng có khi  
 Nước trong hòn sỏi còn ghi mãi rặng  
 Thị thành tâm sự đã mang  
 Tuổi xanh sâu khở lại càng bỏ trôi  
 Gốc cây ngời ngó mây trời  
 Nước trôi bên dưới nửa với nửa đây  
 Thân già vạch cỏ khắc cây  
 Nửa đêm tâm sự nửa ngày đi quanh  
 Đồi trông cho rõ ngọn ngành  
 Rồi khi xuống phố tập tành hát ca  
 Làm sao diễn mãi cho ra  
 Nhưng lời không thể diễn là làm sao?  
 Trên trần đất rộng trời cao  
 Ta ra đứng giữa đón chào mùa Thu

NGUYỄN CHI TRUNG - CỎI XỨ TRĂNG RÀM  
 1975

## tiếp theo trang 2

của Đức Phật A Di Đà. Nhưng phân tích về tâm lý của Phép niệm Phật này vẫn có sự tương đồng như sự duy trì một công án mà thiền đã thực hiện. Một thiền sư phảisông chết với công án của mình quên cả ăn ngủ Thiền sư Mông Sơn Đức Di đời thứ T á m thuộc dòng thiền ngũ tổ Pháp diễn kê lại kinh nghiệm thiền của mình như sau.

"... Sau này khi đến tìm trưởng lão Hoàn Sơn, ngài dạy tôi hãy nhìn vào ý nghĩ chữ "VO" và nói thêm rằng: Hãy chăm chú vào chữ "VO" suốt cả ngày đêm không n g ứ ng nghĩ như con mèo đang rình chuột, như g à mái ấp trứng. Khi chưa thấy rõ hãy như con chuột gặm nhấm cái hòm gỗ và đừng baogiờ xao lãng công phu. Thực hành công phu như vậy chắc chắn thời cơ bùng sáng của tâm người sẽ đến... ". Cũng như phương p h áp niệm Phật điều kiện tối thiểu để đ ợc vắng sinh tịnh độ là sau khi nghe danh h i ệu của Phật A Di Đà phải NHẤT TÂM niệm danh hiệu tứ, một ngày cho đến bảy ngày không cho gián đoạn mới chắc chắn vắng sanh cực lạc. Hình thức nhất tâm niệm Phật mà Tịnh độ yêu cầu chẳng khác gì một thiền sư tu tập công án không được xao lãng.

Công án gần như được đồng hóa với phương pháp niệm Phật cho nên niệm Phật cũng là công án. Vì vậy Thiền sư Vĩnh Minh Di ên Thọ (tịch năm 975) không ngại ngừng gì tr ợ khi mang hình thức niệm Phật vào T h i ến đường. Ngài chú trọng đến những hành giả tu thiền chăm chỉ phép niệm Phật, ngài bảo rằng: "Những người theo học thiền mà không niệm Phật, trong mười người tu hết chín người không đạt đến đích, còn nh ữ ai thực hành niệm Phật sẽ chứng đắc hoàn t o à n chẳng sót một, nhất là những người v ớ a hành thiền vừa niệm Phật, vì họ như c ỏ p lại có thêm sừng".

(còn tiếp)



# Quan điểm của Phật Giáo

## PIYADASSI MAHÀ THERA



PHẠM KIM KHÁNH trích dịch từ quyển *The Buddha's Ancient Path*

Một trong những đặc điểm đáng ghi nhận đã phân biệt hẳn Đức Phật với tất cả các vị giáo chủ khác là Ngài chỉ là một con người, không có bất luận liên hệ nào với 1 Thần Linh hay một nhân vật "siêu nhiên" nào. Ngài không phải thần linh, không phải hiện thân của thần linh, cũng không phải là một nhân vật nào trong huyền thoại thần kỳ. Ngài là một người, nhưng là một người siêu phàm, một siêu nhân, một con người phi thế (accariya manussa, một người khác thường) Mặc dầu bên ngoài Ngài sống như một người thường nhưng bên trong Ngài vượt hẳn trạng thái người. Chính vì lẽ ấy mà Ngài được tôn là chúng sinh duy nhất (purisuttama), một người toàn thiện, tuyệt hảo.

Đức Phật dạy: "Này chư Tỷ Khưu, cũng như hoa sen, dù trường thành từ bùn nhơ nước đục nhưng vượt lên thanh khí trong lành và không nhiễm nước đục bùn nhơ, cùng thế ấy, này chư Tỷ Khưu, Như Lai sinh trưởng trong thế gian nhưng đã sống vượt lên khỏi, không chung đụng với thế gian. (Tập A Hàm, III, 138).

Chỉ tùy thuộc nơi ý chí và nỗ lực bất khuất của chính Ngài, không nương nhờ sự giúp đỡ của vị đạo sư nào, dẫu người hay thần linh, Ngài đã thành đạt sự chứng ngộ trí thức và tinh thần cao thượng nhất, đã tiến đến mức trong sạch tuyệt đỉnh và đã toàn hảo trong những phẩm hạnh cao cả nhất của con người. Ngài là hiện thân của tử bi và trí tuệ. Và tử bi, trí tuệ là nguyên tắc chỉ đạo trong Phật Giáo.

Do nơi kinh nghiệm bản thân Ngài thì hầu như hiểu tính chất tối thượng của con người và đối với Ngài, khái niệm về một nhân vật

"siêu nhiên", hay một thần linh thống trị định mệnh của những chúng sinh dưới quyền của mình chỉ là một ảo tưởng. Đức Phật không bao giờ tự xưng mình là vị cứu thế và không bao giờ tự hào là mình cứu rỗi những linh hồn bằng một tôn giáo thần khai. Do nơi sự bền gan trí chí và sự hiểu biết của chính Ngài Ngài chứng minh rằng bên trong con người có một khả năng vô cùng tận và con người phải nỗ lực tinh tấn mở mang và phát triển những khả năng ấy. Do kinh nghiệm của chính bản thân Ngài Ngài chứng tỏ rằng giác ngộ và giải thoát tuyệt đối và trọn vẹn nằm trong tay của con người. Chính Ngài đã truyền dạy nếp sống kiên trì tinh tấn bằng những quy tắc đạo đức và gương lành trong sạch, và khuyến khích hàng môn đệ hãy trau dồi hạnh tự lập, không ỷ lại nơi ai khác như sau: "Chính các con là nương tựa của các con. Còn ai khác có thể là nương tựa của các con?" (Kinh Pháp Cú, câu 160).

Cũng chính Đức Phật, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, đã dạy rằng sự giải thoát có thể thành đạt mà không nhờ đến một nguyên lý ngoại lai, rằng để vượt qua khỏi mọi khổ đau của đời sống mỗi người phải chính mình tự đặt mình lên hòn đá và uốn nắn, đập dũa bằng hành động của chính mình

Không có bất luận ai có thể ban bố sự giải thoát cho người khác bởi vì người này chỉ làm có mỗi một việc là van vái cầu nguyện. Người khác có thể gián tiếp giúp ta một tay, nhưng tự do tối thượng chỉ có thể thành đạt bằng cách tự liễu chứng và tự giác ngộ Chân Lý. Tự liễu chứng chỉ có thể đến với người hoàn toàn tự do suy tư về những vấn đề khó khăn của mình mà không

bị trở ngại hay cản ngăn. Mỗi cá nhân phải cố gắng thích nghi để bề bầy những xiềng xích đã giữ chặt mình trong vòng trói buộc, phải vượt qua khỏi mọi tầng thức đã cột chặt mình vào những kiếp sinh tồn bằng cách kiên trì, bền gan, quyết chí bằng nỗ lực gia công và trí tuệ chớ không phải bằng cách vái van thỉnh nguyện một chúng sinh tối thượng nào. Đức Phật cảnh cáo hàng môn đệ không nên trao gánh lại cho một cái gì hay một nhân vật nào ở ngoài mình, một đảng cứu thế, một Thần Linh hay Phạm Thiên. Ngài khuyến khích và chỉ dạy đường lối phân biệt và khảo sát, và thúc giục các vị đệ tử nỗ lực trong công trình phát triển năng lực và phẩm chất bên trong mình. Ngài dạy: "Như Lai hướng dẫn các con đến giải thoát. Chân lý, Dhamma, phải được tự mình chứng ngộ". (Trung A Hàm, 38).

Chư Sư Phật Giáo không phải là những vị đạo sĩ thực hành nghi thức tế lễ thần linh. Các Thầy không hành lễ để cho hàng tín đồ tiêu trừ tội lỗi. Một vị tỷ kheo chân chính không thể và không bao giờ đặt mình vào địa vị một trung gian giữa người và một năng lực "siêu nhiên"; bởi vì Phật Giáo dạy rằng mỗi cá nhân phải riêng mình tự lực gia công thực hiện giải thoát cho mình, mỗi người phải đơn độc lãnh lấy trách nhiệm giải thoát cho mình. Do đó, không có nhu cầu phải mưu tìm đặc ân của một tu sĩ trung gian. "Các con hãy tự gia công nỗ lực, các Đấng Như Lai chỉ vạch ra con đường". (Kinh Pháp Cú, câu 276).

Con đường này cũng chính là Con Đường Xưa Cũ mà Chư Phật trong mọi thời đại phải trải qua và chỉ vạch lại cho chúng sinh. Đó là con đường Bát Chánh Đạo dẫn đến giác ngộ và châu toàn tối thượng.

Một đặc điểm khác là Đức Phật không bao giờ dành riêng cho Ngài sự giác ngộ tuyệt đỉnh. Đối với Đức Phật, rõ ràng không thể quan niệm được rằng sự liễu ngộ toàn giác sự khám phá và chứng ngộ Tứ Diệu Đế (Đạo Quả Phật), là đặc quyền của một chúng sinh duy nhất đã được Thần Linh Thiên Hộ chọn trước hay đó là một diễn biến chỉ xảy ra một lần duy nhất và không bao giờ còn lặp lại nữa trong lịch sử nhân loại. Đây là một thành tựu mà bất cứ ai đã tiến đến hoàn toàn trong sạch, trí tuệ tuyệt hảo và

trau dồi Bát Chánh Đạo với một ý chí bất khuất đều có thể thành đạt.

Những ai đã trau dồi con đường đúng mức và tiến đạt đến chứng ngộ tuyệt đỉnh (arahatta, A La Hán), giải thoát cùng tột ra khỏi mọi khổ đau, đã được Đức Phật tuyên bố là đứng ngang hàng với Ngài trên phương diện tận diệt hoặc lậu (những ô nhiễm tinh thần ngủ ngầm trong tâm tử vô lượng kiếp và giải thoát cùng tột:

"Là những người chiến thắng cũng như ta, quả thật vậy, Những ai đã tận diệt mọi bợn nhơ ngủ ngầm trong tâm..." (Trung A Hàm, 26).

Tuy nhiên, Đức Thế Tôn cũng truyền dạy rõ ràng sự khác biệt giữa bậc Chánh Đẳng Giác (Phật) và chư vị A La Hán:

"Này chư Tỷ Khưu, Như Lai, trong khi cũng là A La Hán, là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác Chính Như Lai đã tuyên bố (chỉ vạch) con đường trước kia chưa từng được tuyên bố, Như Lai đã thấu đạt Con Đường (Magganmu), đã tận tường hiểu biết Con Đường (Maggavido), đã vẹn toàn trải qua Con Đường (Maggakovidu). Và giờ đây hàng đệ tử của Như Lai là khách lữ hành bước theo dấu chân của Như Lai. Đó, này chư Tỷ Khưu, là sự khác biệt, là những đặc điểm phân biệt giữa Như Lai, trong khi cũng là A La Hán, là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, với vị đệ tử đã thành đạt giải thoát bằng trí tuệ". (Tập A Hàm, III, 66).

(còn tiếp)







(tiếp theo)

Đã tin chắc rồi, cần phải phát nguyện là cõi Ta Bà như tù nhơn mong ra khỏi ngục, nguyện sanh về Cực Lạc như viễn khách nhớ quê xưa. Nếu chưa được sanh Tịnh độ, dù có ai đem ngôi báu của Thiên vương dâng cho cũng xem là nhân duyên dọa lạc, không mong một niệm ưa thích. Cho đến việc: đời sau đổi thân nữ ra nam, tuổi trẻ xuất gia, nghe một hiểu ngàn, được đại tổng trì, cũng nên xem đó là đường lối tu hành qu a nh quần, không sanh lòng mong ước, chỉ m u ổn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn về Tây phương mà thôi. Khi được vãng sanh, tất sẽ thoát vòng sanh tử, vượt cảnh phàm vào cõi thánh, ở hàng bất thối, chứng quả vô sanh. Chứng ấy nhìn lại mới biết ngôi vua ở cõi trời, người, cho đến việc tái sanh xuất gia làm tăng, là sự nhọc nhằn nhiều kiếp, không biết chừng nào mới được giải thoát. Rồi so sánh lại, thấy những điều ấy đối v ớ i phàm sen của mình ngày nay, khĩ khác nào lửa dóm cùng vàng nhứt rạng và con kiến bò lên núi Thái Sơn! Cho nên, ng. tu Tịnh độ quyết không nên cầu phước báo ở c ố i trời, người và đời sau trở lại xuất g i a làm tăng. Nếu có may may những niệm ấy, tức không phải là tin sâu nguyện thiết, ngăn cách với lối tu thế của đức A Di Đà không được cảm ứng và nhờ Phật tiếp dẫn. Thật đáng thương lắm! Đáng tiếc lắm! N ớ đem hạnh mẫu không thể nghĩ bàn cầu lấy quả vui hữu lậu, để khi hưởng hết phước rồi lại bị sa đọa, theo dòng hoặc nghiệp chịu sự khổ vô cùng ư? Trong vị để hờn ửu để thuốc độc, chất ngon ngọt ấy sẽ g i ết người; tu Tịnh độ mà không khéo dụng tâm thì sự tai hại cũng y như thế! Vậy p h ải dứt tuyệt những niệm lối lầm như trên, mới có thể hoàn toàn thọ dụng sự lợi ích

# Lá thư Tịnh Độ

ÃN QUANG ĐẠI SƯ

Thư gửi Nữ sĩ

TỪ PHƯỚC HIỀN

của môn Tịnh độ.

Đã tin sâu nguyện thiết, lại cần phải chấp trì sáu chữ hồng danh "Nam mô A Di Đà Phật" không luận lúc đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, cho đến khi d ạ i tiểu tiện, đều giữ chắc sáu chữ ấy nơi tâm (hoặc trì bốn chữ cũng được). Phải gắng làm sao cho mỗi niệm đều hiện tiền, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một, niệm cho đến chỗ chỉ cực quên cả trần tình. Chứng ấy l ờ ng không, Phật hiện, đương đời có thể thân chứng Niệm Phật tam muội, đến khi lâm chung, sanh về thượng phẩm. Tu trì như thế có thể gọi là dùng hết công năng vậy. Đến như t r ong công việc hằng ngày, có may may điều lành và các công đức tụng kinh lễ Phật, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất c ả hành môn đều là trợ hạnh của Tịnh độ, như gom cát bụi thành đất, hợp sông ngòi thành biển, sự sâu rộng sẽ vô cùng. Lại cần phải phát lòng Bồ đề, thế độ chúng sanh, đem công tu hồi hướng bốn ân ba cõi và loài, h ữ u tinh trong pháp giới. Đó là rộng kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, như lửa thêm dầu, mưa được mưa, làm cho thắng hạnh Đại thừa của mình sớm mau thành tựu. Nếu không biết nghĩa này thì thành ra kiến chấp tự lợi của phàm phu, Nhị thừa, tuy tu hạnh mẫu, cảm quả rất thấp kém. Dù rằng trong sự niệm Phật, tất cả thời, tất cả chỗ đều không ngại, nhĩ cũng phải thường giữ lòng kính sợ, lại phải trọng tượng Phật như Phật sống, xem k i nh Phật lời Tổ như Phật, Tổ đời trước m i n h thuyết pháp, không dám có chút khinh mạn nghĩ ngờ. Lúc bình thường niệm Phật h o ặc thầm hay ra tiếng tùy ý, song những khi nằm ngủ, đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân và d i ngang qua chỗ không nghiêm sạch, đều phải

niệm thâm, nếu ra tiếng tức là không cung kính. Nên biết, niệm thâm công đức cũng dễ như niệm ra tiếng. Tôi thường nói: muốn dè sự lợi ích thiết thật trong Phật pháp phải tìm nơi lòng cung kính; có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ, có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, thêm mười phần phước huệ. Nếu không cung kính, tuy cũng gieo viển nhân, nhưng ác quả của tội khinh lớn thật chẳng thể tưởng nghĩ! Ng. tại gia đời nay trong khi đọc kinh Phật đều phạm bệnh này, nên với kẻ hữu duyên, tôi thường nhắc đi nhắc lại mãi.

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm chótâm khởi, tiếng từ miệng ra, mỗi câu mỗi chữ đều rành rẽ, rõ ràng. Lại phải lắng tai nghe kỹ, in câu niệm Phật vào tâm. Nếu nhiếp nhĩ cần thì các căn kia không còn buông chạy theo bên ngoài, mới có thể mau được như tâm bất loạn. Đại Thế Chí Bồ Tát bảo: "Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, dè Tam ma địa, đây là bậc nhất", chính là ý này. Đức Văn Thù nói: "Nghe vào, nghe tánh minh. Tánh thành đạo vô thượng", cũng đồng một nghĩa trên đây. Rất không nên chophép trì danh là cạn cợt, rồi tu theo các phép Quán tướng, Quán tướng, Thất tướng. Trg bốn phép niệm Phật chỉ có môn Trì danh là rất hợp cơ, nếu giữ đến một lòng không loạn, thì lý mẫu thật tướng toàn thể lộ bày, cảnh lạ Tây phương hiện ra rõ rệt. Chonên tức nơi Trì danh mà chứng được thật tướng không cần quán tướng cũng thấy Tây phương một pháp Trì danh chính là cửa mẫu vào đạo, con đường thẳng tắt đến quả bồ đề. Ng. đời nay phần nhiều không hiểu về giáo lý của phép quán, nếu tu theo Quán tướng Thất tướng, hoặc có khi bị ma dựa vào. Vậy tốt hơn là nên lựa hạnh dè tu, cũng cảm được quả nhiệm mầu, đừng học khéo thành vụng, cầu siêu trở lại bị dọa, thì đáng tiếc lắm!

Quyển Tịnh độ thập yếu do Ngẫu Ích đại sư dùng mắt Kim cương, lựa lấy những đoạn hợp lý hợp cơ trong các kinh sách Tịnh độ mà làm thành, đáng liệt vào bậc nhất. "Tịnh độ thánh hiền lục" ghi chép những hạnh nguyện trong nhân, công đức trên quả của Phật, A-Di-Đà cùng các vị Bồ Tát: Quán Âm, Thế Chí Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đó lại ghi việc tự tu dạy người của các bậc Tổ sư, Thiện trí thức, như ngài Huệ Viễn, Trí Giả, cùng những sự tích vãng sanh của các chúng và hàng vua, quan, sĩ, thư, phụ nữ

người tội ác, loại súc sanh. Trong ấy có phụ vào những ngôn luận thiết yếu, khiến cho người xem có chỗ nương tựa, không còn nghi ngờ. Đọc quyển này, có thể lấy người xưa làm thầy, mà gắng tu tịnh nghiệp, so với sự di tham hỏi các bậc trí thức lại càng thân thiết hơn. Bộ Long Thọ Tịnh độ văn phân loại về các môn tu trì, cạn lời khuyên tỏ, khiến cho người dứt nghi, sanh lòng tin, là một pho sách rất hay dễ dẫn dắt kẻ sơ cơ. Ba thư trên đây và Vô Lượng Thọ kinh sơ, Quán kinh tư thiệp sơ, có ở ng lại là năm, trước kia tôi đã nói với Thầy Phước Nghiêm thỉnh giùm gởi đến, khê biết nữ sĩ có được chăng? Nếu không, xin h ỏi âm, tôi sẽ do nhà bưu cuộc gởi tặng. Được mấy thư sách ấy, có thể biết đủ các nghĩa của Tông Tịnh độ, dù không xem khắp các kinh cũng chẳng hại gì! Nếu không rõ pháp môn Tịnh độ, gia sư có hiểu sâu ba tạng kinh, ngộ suốt tự tâm chẳng nữa, muốn thoát vòng sanh tử, còn trải qua không biết bao nhiêu đại kiếp mới làm tròn bốn nguyện. Niệm Phật như thuốc A Đà Đà trị hết muôn bệnh, pháp môn kỳ diệu như thế mà k h ông biết, há chẳng đau tiếc lắm ư? Biết mà khê tu, và tu mà không chuyên tâm gắng c h í, lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!!

Người nữ ra khỏi nhà có nhiều c h ư ở ng duyên, hưởng chi thêm sự độ dụng khó khăn lại càng bất tiện. Nếu là người nam xuất gia làm tăng, còn phải vào thiền đường học nghi tắc cho biết quy củ nhà chùa, rồi đi du phương mới không trở ngại. Chấnng t h ệ thì cả mười phương tông lâm, không ở chỗ nào được. Việc thọ giới đối với nữ nhơn, như người gia tư đầy đủ có thể tự chủ, cê nên đi đến chùa xin thọ, bằng không dư dả hà tất phải cố định như thế! Chi' cần một lòng tha thiết chí thành, đối trước b à n Phật sám hối bảy ngày, tự thê xin thọ giới Sám hối đến ngày thứ bảy xong, quí trước Phật xưng rằng: "Đệ tử là Phước Hiền, thê thọ nam giới, làm mãn phần Uy Bà Di (Uy Bà Di dịch là cạn sự nữ, mãn phần là giữ trọn nam giới). Thê suốt đời không giết h ạ i, suốt đời không trộm cắp, suốt đời k h ông dâm dục, (nếu có gia đình thì nói không tà dâm), suốt đời không nói dối, suốt đời khê uống rượu". Nói như thế ba lần tức là đắc giới. Điều cần yếu là phải hết lòng t h ọ trì, thì công đức sánh với sự cầu chắtng truyền giới cho vẫn không hơn kém. Chonên nghĩ rằng thọ giới như thế không d ú n g pháp, phải biết cách thức trên đây là do



# Ánh Đạo Vàng

\* HỒ TRƯỜNG AN

Cõi Diêm Phù hồn mang dậy sóng  
Hồn nguyên trinh khuất bóng mây mù  
Mặt trời trí tuệ âm u  
Bao chân bước lạc thiên thu neo trên  
Cuộc xấu xí tương tàn tiếp diễn  
Chúng sinh vùi trong biển đau thương  
Neo về, đầu xóa lớp sương  
Nhìn gương soi bóng, mơ màng giả chân  
Trên tham, kịch, tim hăng vết của  
Người giết người huống nửa khác loài  
Hung thân ác quỷ khắp nơi  
Tà ma, ngoại đạo rối bởi thế gian  
Thăm tười ấy tuổi vàng xuân sắc  
Tóc mềm xanh, lưng thắt, vai thon  
Mặt, sáng mịn, môi tươi non  
Tuổi hồng tàn rụng, đạt mòn dung nhan  
Cơn gió độc bàng hoàng, ngậy ngất  
Giao bao hành, bệnh tật, ốm đau  
Trên giường run rẩy, xanh xao  
Phép phù, thang thuốc trái bao bồi hồi  
Nên tồn, sinh đang soi vệt tắt  
Thần thức liả thân xác tanh hôi  
Là xong, là hết một đời  
Đến đài gương báu mà soi đời mình  
Thấy lại hết tội tình, quả phúc  
Nghiệp xấu đưa xuống ngục Âm Ty  
Đề' rồi thêm một chuyến đi  
Vòng luân hồi đó, mấy khi vượt ngoài?  
Bóng vô minh đời đời chất nặng  
Gông dục tình đeo đẳng vào thân  
Trôi theo lớp sóng vọng tâm  
Đề' rồi sa sây hang hầm, hố' chông.  
Bóng giáng sinh vào trong cõi thế  
Nước Ca Tỳ La Vệ sáng danh  
Đấng Đạo Sư, đấng Cha lành  
Rọi soi chính đạo chúng sanh tìm về  
Trong tâm cảnh Bồ Đề phiến nào  
Nướng neo về trung đạo đi lên  
Tùy căn cơ, giảng kệ' kinh  
Vớt người khỏi biển tư' sinh ngàn trùng.

Phật đã sống trong lòng kinh điển  
Lịch sử' loài người Phật hiện thoáng qua  
Mà đây trong cõi Ta Bà  
Cơn mưa pháp mãi chan hòa quân sinh  
Ta tìm Phật trong kinh chẳng gặp  
Kinh chỉ' về hướng Phật đã đi  
Đã đi, Phật đã đi rồi  
Kinh đồng vọng lại bao lời vàng xa

theo thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng. Ở Phố Đà, mùa thu khô có truyền giới, chỉ truyền vào khoảng tháng t u ân tháng giêng đến mười chín tháng haithôi. Nhưng rất mong nữ sĩ ở yên nơi nhậutĩnh nghiệp đừng bồn ba sương tuyết đến d â y làm chi. Nếu còn chấp trước không dôi ý , ấy là chẳng biết điều hay dở, đã hại s ự thanh tu của chính mình, lại phụ lời thành thật của lão tăng này nữa. Tôi muốn chonữ sĩ hiện dôi thành tựu đạo nghiệp, q u yết không có ý chỉ làm ngăn trở pháp duyên , xin nghị kỹ sẽ tự rõ. Đến như việc không được xuất gia, ý muốn quyền sinh, xét r a chỉ nguyện tuy có mãnh liệt, nhưng t â m niệm ấy thật là si cuồng. Giữa thời m ạ t pháp này, kẻ chân tu rất ít, mấy ai là bậc hạnh giải cao siêu kham làm thầy dẫn dắt cho người? Nữ sĩ chỉ biết xuất gia làm n i là giải thoát, nhưng chưa rõ nhiều n ố i chướng ngại của ni tăng. Và, cũng d ự n g tưởng rằng quyền sinh là rành nợ dôi dẫu một khi chết rồi, thần thức sẽ bị nghiệp lực dẫn dắt di dẫu thai, còn e do tâm niệm phẫn uất ấy, bị sa đoạ vào loài bàng sanh muốn trở lại làm thân người nữ cũng l à việc cầu may khó được. Dù cho lại được làm thân người nữ, hoặc thân nam, hay là thân vua chúa cõi người, cõi trời, dẫu có b a o dám còn gặp Phật pháp mà tu hành? Và dẫu chắc rằng ở' trong Phật pháp lại hân hạnh gặp môn Tịnh độ là một pháp hiện dôi vượt thoát vòng sanh tử? Dù có gặp được nữa, cũng dẫu bằng bây giờ cứ nhân nại yên s ợ mà tu trì, đợi đến khi hết báo thân liền sanh về cõi Cực Lạc? Tôi đã cạn lời khuyê' nhắc, thứ hỏi từ trước đến nay có ai vinvữ sĩ chỉ rõ sự lợi hại ấy chẳng? Nếu không y như lời lão tăng, tức là phụ ơn dạy bảo sự khổ về sau sẽ còn gặp bội hơn ngày hôm nay nữa!

"Đường đạo tuy bằng song khó dất. Phải do nơi kẻ quyết lòng đi". Vậy nghe cùng khog nữ sĩ tự nên suy xét. Xin nhớ đem n h ững lời trên đây chuyển lại cho trínhnữPhước Liên được biết.

(Còn tiếp)

Lối tìm kiếm, bóng ma thấp thoáng  
Vai chất chông năm tháng mù sương  
Bước lui, ngã gục bên đường  
Mà đi tới nửa chân chướng thân tâm  
Ngồi xuống nhẹ thảng năm bờ hết  
Xô Niết Bàn mãi miết cầu xin  
Là đây, mình đối diện mình,  
Ta tìm gặp Phật an lành ở ta.



# ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM BẢO ĐỐI VỚI DÂN TA

Đoàn Trung Còn

Học giả Nguyễn Doãn Can lược sưu lục

(tiếp theo)

Trong "KIM THẠCH KỶ DUYÊN", ta thấy:  
Nghiêng vai, ngửa vái Phật Trời,  
Đương cơn hoạn nạn, độ người trầm luân.  
Gần đây, nợ sẵn am vân,  
Vào đó họa nhờ thang thuốc.

Ứng ai chú phương Phật, ơn chín Trời mười  
Phật, cứu nạn si siêu sanh. Tôi nói thiệt,  
Sau nhân dẫu gặp vận thời hanh, Lòng khấn  
nguyện sùng tu Phạm Võ.

Nợ chín Kiếp đời nào để lại, để lại,  
Khấn ba heo thoát khỏi trận này, trận này

Oan kết theo hồn tinh vệ,  
Lụy rơi hóa huyết đỏ quyên.  
Minh mộng sóng thắm bữa dầu thuyền,  
Lai láng gió sâu xao mặt nước.  
Phú quý tợ môn tiên tuyết,  
Còn ân tình như thảo thượng sương.

Chữ dính hư hũ số,  
Tình chung thì bất vong.

Công danh như bào uyển,  
Phú quý tợ phù vân.

Hoa viên kiếp tới, mặt ngọc tỏ trình,  
Cơn rứa chữ, đóng đưa 1 chiếc thuyền tình,  
Đầu Kim Ngọc là Phật Bồ Tát đi nữa, là  
cũng phải: Chìm đắm mấy con sóng sắc, chớ

Tôi có nghe trên chùa Thiên Trước là m  
chay,

Chữ, thất theo ruột tâm quá dối.  
Lần hồi chơn gượng phải đi,

Họa là nhờ cửa tử bi,  
Ngỡ dặng qua cơn khổ não.  
Vãng nghe mõ cá chuông kinh,  
Gượng lần bước tới ngõ dành hóa duyên.

Tham những giàu sang trước mắt,  
Ai dè cực khổ sau lưng.  
Mình làm ra sự tẻ,  
Trời thiệt có mắt coi.

Trong "KIM VÂN KIỀU" ta thấy:  
Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Ấu đành quả kiếp nhơn duyên,  
Cũng người một hội một thuyền dâu xa.

Ví chẳng duyên nợ ba sanh,  
Làm chi những thói khuynh thành trêu người

Tái sanh chưa dứt hương thề,  
Làm thân trâu ngựa đến nghè trúc mai.

Nợ tình chưa trả cho ai,  
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan.

Trông ra ngọn cỏ lá cây,  
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

Nào hay chưa hết trần duyên,  
Trong mê dương đã đứng bên một nàng.  
Ri rãng: "Nhơn quả dở dang,  
Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?  
Số còn nặng nghiệp má đào,  
Người dẫu muốn quyết, Trời nào đã cho.

Đánh liều nhấn một hai lối,  
Nhớ tay tế độ vớt người trầm luân.

Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
Kiếp này chẳng kéo đến bù mới xuôi.

Vẽ chi chút phận bèo mây,  
Làm cho bề' ái, khi dầy khi vơi.  
Trăm đều ngang ngửa vì tôi,  
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho.

Người này nặng kiếp oan gia,  
Còn nhiều nợ lăm, sao đã thác cho?

Khichè chén, khi thuốc thang,  
Đem lối phương tiện, mở đường hiếu sinh.

Đã dành túc trái tiên oan,  
Cũng liều ngọc nát, hoa tàn mà chí!

Lãnh lối, nàng mới theo sang,  
Biết đâu địa ngục, thiên đường là đâu.

Tìm đâu cho thấy cố nhân,  
Lấy câu vận mạng, khuây dần nhớ thương.

Bề' trần, chìm nổi thuyền duyên,  
Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời.

Sinh rằng: Thật có như lối,  
Hồng nhan bạc mạng, một người nào vay.  
Nghìn xưa âu cũng thế này,  
Tứ bi âu liệu bớt tay mới vừa.

Phật tiên, thắm lấp sâu vùi,  
Ngày pho thủ tự, đêm nhồi tâm hương.  
Cho hay giọt nước cành dương,  
Lửa lòng, tưới tắt mọi đường trần duyên.

Sớm khuya lá bối phướn mây,  
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sường

Đầu xanh đã tội tình gì,  
Má hồng đến quá nửa thì, chưa thôi.

- Người sao hiếu, nghĩa đủ đường,  
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?  
- Sự rằng: Phúc họa đạo trời,  
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Có trời mà cũng tại ta,  
Tu là cội phúc, tình là dây oan.

Sự rằng: Song chẳng hề chi,  
Nghiep, duyên cần lại, nhắc đi còn nhiều.

Khi nên, trời cũng chịu người,  
Nhẹ nhàng nợ trước, đến bởi duyên sau.

Giác duyên đầu nhớ nghĩa nhau,  
Tiền đường thả một bề lau rước người.  
Trước sau cho vẹn một lối,  
Duyên ta mà cũng phúc trời dư không.

Tâm thành đã thấu đến Trời,  
Bản mình là hiếu, cứu người là hơn.

Còn nhiều hưởng thọ về sau,  
Duyên xưa dầy đặn, phúc sau dồi dào.

Một nhà chung chạ sớm trưa,  
Gió trăng mát mát, muối dưa chay lòng.

Đã đem mình bỏ am mây,  
Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.  
Mùi thiên, đã bén muối dưa,  
Màu thiên, ăn mặc đã ưa nâu sồng.  
Sự đời, đã tắt lửa lòng,  
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.  
Dở dang, nào có hay gì,  
Đã tu, tu trót qua thị thi thôi.  
Gẫm hay muốn sự tại Trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bất phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.  
Có đâu thiên vị người nào,  
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.  
Có tài mà cậy chi tài,  
Chữ tài liền với chữ tai một vần.  
Đã mang lấy Nghiệp vào thân,  
Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.  
Thiện căn ở tại lòng ta,  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Trong "CUNG OÁN NGÂM KHÚC" ta thấy:  
Vắt tay năm nghĩ cơ trần,  
Nước dương muốn rẩy nguội lẩn lửa duyên.

Kìa thế cuộc như in giấc mộng,  
Mây huyền vi mở đóng khôn lường.  
Vẽ chi ăn uống sự thương,  
Cũng còn tiên định, khá thương lộ là.

Gót danh lợi bùn pha sắc sạm,  
Mặt phong trần nắng râm mùi dẫu.  
Nghĩ thân phù thế mà đau,  
Bọt trong bể khổ, bèo dẫu bến mê.  
Mũi tục lụy, lưỡi tế tân khổ,  
Đường thế đồ, gót rở' kỳ khu.  
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,  
Chiếc thuyền bào ảnh thấp thổ mặt gành.

Cánh bướm bẽ' hoạn mệnh mang,  
Cái phong ba khéo cợt phượng lợi danh.  
Trăm năm còn có gì dẫu,  
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì.  
Ngày mơn thú tiêu diêu của Phật,  
Mối thất tình quyết dứt cho xong.  
Đeo mang chi nửa dèo bông,  
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.  
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,  
Mượn hoa dâm, duốc huệ làm duyên.

Hắn tức trái làm sao dây tá?  
Hay tiền nhơn hậu quả xưa kia.  
Hay thiên cung có điều gì,  
Xuống trần mà trả nợ di cho rồi.

Miếng cao lương phong lưu nhưng lạt,  
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.

Trong "QUAN ÂM THỊ KÍNH" ta thấy:  
Nhơn sanh thành Phật để dẫu,  
Tu hành, cứu khổ rồi sau mới thành.  
Ai hay bền dạ làm lành,  
Chứng minh trự chốn minh minh cũng tướng

Có phen thế thốt dưới trăng,  
Một răng thế thế, hai răng sinh sinh.

Vì dẫu phút hợp, phút ly,  
Kiếp này đã lỡ, chắc gì kiếp sau?

Có khi dốc chí tu hành,  
Lánh mình trần tục, nương mình thiên môn.  
Độ tri nhờ Đức Thế Tôn,  
Lỡ làng thuở trước, vương tròn mai sau.

Cửa thiên sẽ lên chơn coi,  
Trông lên sự cụ vừa ngồi tụng Kinh.  
Mưa hoa rải khắp bên mình,  
Nhảy nhỏ đá cũng xếp quanh gặt dẫu.

Chán vùng danh lợi, phồn hoa,  
Chấp tay xin đến thiên già qui y.

Đoái trông thế sự nực cười,  
Như đem trò rối mà chơi khác gì.  
Phù vân một dóa bay đi,  
Khi thì đỏ trắng, lúc thì chỢ đen.  
Chặt dượng hồ thi như nen,  
Cần dai cố phục người quen với mình.  
Chẳng thêm ra áng công danh,  
Mà đem thân thế làm hình dịch chi.  
Cho nên mền cảnh tử bi,  
Dám xin nhờ đức tạng ni mở lòng.

Kìa bảo, kìa ảnh phút qua,

Kìa sương, kìa chớp, kìa là chiêm bao.  
Lừa là tranh trí thấp cao,  
Kẻ xem khoái chí, người gào thất thanh.  
Lấy ai làm nhục làm vinh,  
Trăm năm là áng ngàn xanh rì rì.

Vâng lời, lẳng cảnh ngọc phương,  
Khêu đèn Bát Nhã, đóng chuông Tam Thiên.

Này gươm trí huệ mài dầy,  
Bao nhiêu phiền não cắt ngay cho rồi.

Lấy chi làm chuyện giải phiền?  
Quyển Kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa.

Chữ rằng: Nhân nhục nhiệm hòa,  
Nhân đều khó nhẫn mới là chơn tu.

Nhưng, thời trong dạ hiểu sanh,  
Phước thì làm phước, dơ dành tiếng dơ.

Đã xây chín đợt phù đồ,  
Sao bằng làm phước cứu cho một người.

Miền bát nhã tìm vào mây khói,  
Nương bề tử vượt khỏi sông mê.  
Đuốc quang minh đốt cháy thành sâu,  
Biển khổ hạnh bỗng cháy lên Đại Giác.

Do những lời ăn tiếng nói, những câu c a dao, những danh từ trong các văn thơ, tuồng truyện, ta thấy rằng người Việt Nam t a nhiệm với tinh thần nhà Phật một cách dằm thắm, sâu xa. Từ trên tới dưới, từ già ch i trẻ, từ nam tới nữ, dẫu có coi Kinh đ i ền nhà Phật dẫu không, dẫu có năng viếng chùa lay Phật hay vẫn ở nơi thế trần, ai n a y đều thấm nhuần lý tử bi hỷ xả của Phật , lý nhơn quả, luân hồi và linh hồn trự các Kinh Phật. Nhờ vậy mà sự sống của dân tộc ta có bề êm ái, điều hòa và thuần túy.

Vậy thì từ đây, mong rằng những vị c h ưa từng xem qua Kinh điển nhà Phật nên đ ừa chút ít thì giờ mà đọc về Phật lý, sự ấy rất dễ giúp cho mình dung hòa cõi đ ối với cõi đ ạo, rất dễ làm cho mình an ổn t h ân tâm, và có công hiệu như trự cuộc khuyến lơn, an ủi mình để mình nông chi mà t a n bước lên trong công cuộc ích mình lợi ng ề. Và cũng mong rằng những vị đã coi qua Kinh sách nên xem cho nhiều thêm và tùy s ự c mình mà thi hành theo giáo lý của đ ứ c Phật, đ ặng cho hạt giống Bồ Đ ề càng ngày càng nở nang ra vậy.

N. M. A. D. D. P.  
Sài Gòn 1-10-1946





# Việt Nam phong sử

Nguyễn văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mặc Khách sưu lục

(kỳ 17)  
CHƯƠNG 59

*Tầm sao tầm chẳng ăn dâu?  
Tầm sao ăn ruộng ăn trâu ăn nhà?*

Thơ phong sử này thuộc phú.  
Đất nước Nam ta ở vào vùng ôn đới, chonên mùa lúa chín xong thì đến mùa tầm, lại giáp núi giáp biển, dâu sản xuất lại nhiều

Thuế ruộng dâu vào thời triều nhà Lý định thâu mỗi mẫu 9 quan tiền, hoặc 7 quantiền

Vua Thái Tông nhà Lê lại định lại thuế ruộng dâu, nên thuế ruộng dâu ngày nay thêm nặng khiến dân chúng than oán, cho nên lấy tầm ra mà nói.

Này, tầm dâu hẳn là mối lợi to của thiên hạ. Đạo trị nước không ngoài việc làm ruộng trồng dâu.

Những nghề nông thì người cường tráng mới có thể tận lực làm việc ở ngoài ruộng (Nam mẫu, mẫu ruộng ở phía Nam).

Còn nghề tầm thì con trẻ nhỏ bé cũng có thể mang rổ bưng lá dâu, đàn bà và người già cả cũng có thể nuôi được.

Sức ít, công mỏng, trong khoảng một tháng đã có số lợi thu vào rồi.

Mà ở nước ta vào thời bấy giờ, môn học về tầm và dâu chưa thịnh, vả lại việc kéo tơ chưa có phương pháp, cho nên con đường đem ra xuất cảng tiêu thụ chưa rộng.

Từ khi có Chính phủ Bảo hộ đến nay, Công nghệ Âu Á được đưa vào, nuôi tầm thì có nơi ươm tơ thì có máy, thương cuộc xuất cảng tơ ngày thêm phồn thịnh.

Môn học về công nghệ và thương mại của người mình chưa thể phát đạt đến mức cùng tột, mà khai khẩn thì không có sức, chonên nếu bỏ nghề nuôi tầm ra thì không có mưu kế sinh nhai nào khác.

Chỉ mong người mình bắt chước cách thức nuôi tầm của người Âu Tây, học cái khéo léo về máy móc kéo tơ của người Âu Tây, và bắt chước phép trồng dâu ở dưới tương của người xưa thì con đường no ấm cho dân tộc thật ở đây vậy.

CHƯƠNG 60

*Gánh vàng đi đở sông Ngô,  
Đêm đêm mang tướng đi mò sông Thương.*

Thơ phong sử này thuộc phú.  
Sông Ngô thuộc tỉnh Lạng Sơn. Sông Thương tức sông Tương thuộc tỉnh Bắc Ninh.  
Thơ này không biết nói gì. Có kẻ bảo: Vua Lê Chiêu Thống tránh nạn Tây Sơn, đem vàng đi cầu viện với nhà Thanh (Nguyễn văn chếp sai ra nhà Tống) nhưng việc không thành. Người đương thời tiếc việc ấy mà đặt ra câu ca dao này. Có người nói: Cối Nam Giao nước ta ngày xưa chia ra 9

quận: Nam Hải, Thương Ngô, Quê Lâm tức nay là những tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (sách chép sai ra Quảng Nam) và Vân Nam đều là đất cũ của nước ta, mà đất Nam Kỳ lục tỉnh không thuộc vào đây.

Từ sau khi bị Bắc thuộc, Giao Châu và Quảng Châu bị Ngô Tôn Quyền chia ranh giới thì đã không còn một ngày nào châu hoàn Hợp phố nữa.

Đến khi Hồ Quý Ly cắt đất dâng cho vua Thành Tổ nhà Minh, kể đến Mạc Đăng Dung cắt đất hiến cho vua Túc Tông nhà Minh thì đất Giao Châu đã bị triều đình Trung Quốc thôn tính hết phần nữa.

Gian thân bán nước, tội ấy không thể dung tha khỏi chết. Người đương thời phớt lờ việc ấy mà luyện tiếu.

Vua Thế Tổ (Nguyên văn chép sai ra Thái Tổ) triều ta mở cơ nghiệp ở phương Nam, việc mất đất ngày trước về triều đình Trung Quốc lại được bù vào ở miền Nam mà lãnh thổ muôn dặm không mất một thước tấc núi sông nào cả.

Cô người nói ý nghĩa câu phong sự này bao hàm rất rộng. Đại để nói về sự yếu kém về giới thương mại của nước Nam ta.

Nước Nam ta từ khi văn minh Trung Quốc đưa vào chỉ chuộng văn chương mà thôi, giới công nghệ và giới thương mại đều ý lại vào hàng hóa của người Tàu. Mỏ vàng mỏ bạc đều giao phó cho người Tàu khai thác chỉ có nghề làm ruộng trồng dâu làm thực nghiệp. Người Tàu hằng năm đưa vào những hàng hóa không thiết thực, rồi no đủ chờ những thực sắc như vàng bạc mà về, mỗi năm tính ra không biết là mấy ức triệu. Do đó mất những đất đai hữu hình thì ít mà mất những đất đai vô hình thì nhiều. Cho nên người ta đặt câu phong dao này mà nói bóng bẩy về việc đó.

Còn nói việc mĩ mai khỏi việc mất vàng là sao? Đáp:

- Giới công nghệ và thương mại ngày thêm phát đạt, hàng hóa xuất cảng thì nhiều, hàng hóa nhập cảng thì ít, thì vàng bỏ ở sông Ngô có thể thu phục lại, còn vàng mỏ ở sông Thương cũng không đến nỗi hộc lòng, thì quốc gia ngày thêm giàu có.

Ba giải thuyết này xin ghi chép lại đây,

chưa biết giải thuyết nào đúng, mong hỏi các bậc quân tử.

Nay hát cửa đình (Nước ta ngày xưa, mỗi làng có một ngôi đình thờ Thành Hoàng. Thành Hoàng là bậc công thần khai quốc, hoặc con hiếu tối trung, hoặc người giàu lòng nhân đức có công cứu giúp nhân dân, sau khi chết được lập đền thờ và dưng vua phong làm Thành Hoàng để giữ gìn và giúp dân. Thành Hoàng được dưng nghi vụ ở một cửa vua chúa, cho nên ngày Thần Đản hoặc ngày mở hội cũng coi như ngày khánh điển của triều đình, dân làng tìm cô dậu về hát thơ, gọi là hát cửa đình hay đình môn ca) lại có mấy câu thơ:

Ai lên xứ Lạng cùng anh?  
Hỏi thăm bác mẹ sanh thành ra em.  
Tay cầm vò rượu gỏi nem,  
Mảng vui quên hết lời em dặn dò.  
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,  
Đêm đêm tư tưởng đi mò sông Thương.  
Vào chùa thắp một nén hương,  
Lâm râm khấn vái bốn phương Phật Trời.

Cảm thấy thơ thơ này không biết nói gì.  
(còn tiếp)

## núi rừng Thị Vải

Một mình giữa chốn Thiên môn  
Chung quanh rừng núi tưởng chôn một đời  
Nào hay giữa buổi thiếu thời  
Nghiệp còn chân bước đối đối bốn ba  
Đường gần cho chí nẻo xa  
Nói nào cũng quyết vậy mà lo tu  
Không sản, không giận lu bu  
Không thù không oán cho dù ra sao  
Tu cho sạch dứt nghiệp nào cũng tiêu  
Cuộc đời cực khổ bao nhiêu  
Chén cơm chay lạt sớm chiều giữ y  
Thế gian người có khinh khi  
Một lòng nhớ Đạo Tứ Bi nhân hòa.

\* Lý Chơn Không



# QUỐC SỬ TẠP LỤC

## 3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

### SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố

Học giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOẠN: Quốc Hiệu nước ta - Sử ta so với sử Tàu của Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố. Bài này đã được đăng trên tuần báo THANH NGHỊ ở Hà Nội trong những năm 1944 và 1945. Kể đến năm 1964 lại được tái đăng trên TÍN SỬ ĐỊA của Ban Báo Chí Nhóm Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Nay Viên Giác xin trích đăng lại để làm quà văn hóa cho quý vị độc giả bốn phương.

Cũng vì không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo Tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tịnh tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của Quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong Quý vị niệm tình hy thứ cho.

(tiếp theo)

13, - ĐẠI CỔ VIỆT, - 14 ĐẠI VIỆT, - 15 ĐẠI NGU, - 16 VIỆT NAM, - 17 ĐẠI NAM

Năm 938, Ngô Quyền giết được Kiều Công Tiễn đánh phá được quân Nam Hán, giết được con chúa Nam Hán ở sông Bạch Đằng. Sử chữ nho thường gọi sông ấy là "Hải Môn". Bộ Khâm Định Việt Sử (tiên biên, q.5 tờ 5a) chép: "Trần Hải Môn ở phía Tây huyện Bắc Bạch, châu Uất Lâm (bên Tàu) cách mười lăm dặm, ngày xưa là đường của Tàu sang nước ta: Cao Biền đóng quân ở đây, để tiện sang. Có người cho Hải Môn trần ở Hải Dương; thế là nhầm với Hải Môn của Ngô Quyền giống cộc để đánh Hoàng Tháo".

Năm 939, Ngô Quyền tự lập xưng vương, đóng kinh đô ở Cổ Loa, lập Dương thi làm Hậu, xếp đặt trăm quan, chế ra triều nghi, định ra phục sắc, có thể thấy cái quy mô của đế vương, thế mà chưa kịp đổi tên nước, đã t niên hiệu, thì đã mất, năm 944. Em vợ là Dương Tam Kha cướp ngôi, con cả Ngô Quyền

là Xương Ngập chạy trốn, con thứ là Xương Văn lấy lại được, trải qua một thời kỳ 20 năm, từ năm 945 đến năm 965 nước ta chưa đặt tên nước, mà bên Tàu thì Nam Bắc tranh nhau không họ nào được chính thống, nên không đủ quyền sang chiếm cứ nước ta, duy có họ Lưu ở Nam Hán vì gần nước ta, và quyền thế họ Lưu bấy giờ mạnh hơn họ Ngô bên ta, cho nên khi Xương Văn thân chinh có sai sứ sang Nam Hán. Chúa Hán bấy giờ là Lưu Thành cũng lạm quyền cho Xương Văn làm Tĩnh Hải quan tiết độ sứ, kiêm đô hộ, việc ấy vào năm 954.

Bắt đầu từ năm 968, ngang với bên Tàu là năm thứ nhất hiệu Khai Bảo đời Tống Thái Tổ. Đinh Bộ Lĩnh tức Đinh Tiên Hoàng dẹp yên 12 sứ quân, lên ngôi hoàng đế, gọi tên nước là Đại Cổ Việt, phong con là Đinh Liễn làm Nam Việt Vương, sai đi sứ sang nhà Tống. Vua Tống phong cho Đinh Liễn Hoàng làm Giao Chỉ quân vương, lại phong cho Đinh Liễn chức Kiểm Hiệu Thái sử Tỉnh



Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ.

Khâm Định Việt Sử (chính biên, q.1 tờ 5a) và Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản kỷ (q.1 tờ 4a) đều chép năm thứ 5 hiệu Khai Bảo (972), Đinh Tiên Hoàng sai Đinh Liên sang sứ năm (973). Đinh Liên về, nhà Tống sai sứ sang phong.

Sở với An Nam Chí Nguyên (q.3 tr.183) lại thấy chép rằng: "Khi Hậu Ngô là Xương Văn mất (năm 954) bọn dưới làm loạn, Đinh Bộ Lĩnh và con là Đinh Liên dẹp yên, tự lĩnh việc Châu Giao, hiệu Vạn Thắng Vương (968) riêng thứ cho Đinh Liên làm Tiết độ sứ. Được 10 năm, Đinh Bộ Lĩnh mất, Đinh Liên nối ngôi, được 7 năm ngang với năm thứ 4 hiệu Khai Bảo nhà Tống (971) nhà Tống sai tướng Lê Phạm Mỹ sang dẹp Lĩnh Nam. Đinh Liên sợ, dâng biểu, sai sứ sang cống, xin nội phủ. Tống Thái Tổ cho Đinh Liên làm Tiết độ sứ An Nam đô hộ". Thế là sử Tàu chép khác hẳn sử ta.

Còn như Tống Sử (q.3 tờ 2a) thì nói năm thứ 6 hiệu Khai Bảo (973) Đinh Liên ở Giao Châu sai sứ sang cống đồ phương vật.

Đến năm Khai Bảo thứ 3 (975) Khâm Định (q.1 tờ 6a) chép rằng: Mùa thu, sứ nhà Tống sang lúc bấy giờ Đinh Tiên Hoàng sai Trịnh Tú đem phương vật cho nhà Tống, vua Tống lại sai Hồng Lô Tự Khanh Cao Bảo Tí và Vương Ngạn Phủ đem chế sách phong cho Nam Việt Vương, Liên làm Khai phủ nghi đồng tam ty kiêm Hiệu thái sử Giao Chỉ quân vương, từ bấy giờ trở đi sai sứ sang Tống lấy tên Đinh Liên làm chủ.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản kỷ (q.1 tờ 4b) chép: "Đinh Tiên Hoàng sai Trịnh Tú đem vàng, lụa, tê giác, ngà voi sang nhà Tống."

Sở với An Nam Chí Nguyên (q.3 tr.183) thấy chép: năm Khai Bảo thứ 8 (975) tháng 5 Đinh Liên đem vàng, lụa, tê giác, ngà voi và nước được sang cống, tháng tám năm ấy vua Tống sách phong cho Liên làm Giao Chỉ quân vương

Tống Sử (q.3 tờ 4a) chép: "Năm Khai Bảo thứ 8 (975) tháng 5, ngày Nhâm Ngọ, An Nam đô hộ là Đinh Liên sai sứ sang cống".

Cứ như thế, thì sử Tàu và sử ta chép năm tháng có chỗ khác nhau, nhưng công việc cũng giống nhau. Đại khái lúc bấy giờ ở trong nước thì Tiên Hoàng xưng đế, t

nước là Đại Cổ Việt, mà bên Tàu thì gọi là Giao Chỉ quân vương, cũng gọi là An Nam đô hộ, lại gọi là Tĩnh Hải vương Tiết độ sứ.

Đến đời Lê Hoàn (980-1005) cướp nước của nhà Đinh và truyền cho Long Đinh tức Ngọa Triều được 4 năm (1005-1009). Trong nước, vẫn theo hiệu nước của nhà Đinh mà gọi là Đại Cổ Việt. Còn bên Tàu thì Tống Thái Tông trước còn phong cho Lê Đại Hành làm Kiêm Hiệu thái úy, An Nam đô hộ. Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Kinh Triệu quân Khai quốc hầu (vào năm 986), năm 988 phong làm Khai quốc công đến năm 993 mới phong làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Giao chỉ quân vương, năm 997 lại gia phong Nam Bình Vương. Như thế bên Tàu bấy giờ vẫn chưa chịu công nhận ta có tên nước, mà chỉ gọi là An Nam đô hộ Tĩnh Hải tiết độ và Giao Chỉ quân vương, nhưng vua Tống sợ dĩ chịu phong cho Lê Hoàn Nam Bình Vương, cũng đã biệt đãi hơn các chức đời trước.

Đến đời con Lê Hoàn tức Long Đinh, thì vua Tống lại phong Giao Chỉ quân vương, lĩnh Tĩnh Hải Tiết độ sứ, nhưng có hơn trước là đức ân "Giao Chỉ quân vương" đem cho, lại truy phong Lê Hoàn làm Nam Việt Vương, sắm đủ lễ tế điệu.

Sang đến đời Lý, thì từ Lý Thái Tổ (1009 - 1028) Thái Tông (1028-1054) vẫn theo tên nước của nhà Đinh mà gọi là Đại Cổ Việt, đến năm 1054, Lý Thánh Tông lên ngôi đổi tên nước là Đại Việt.

Chữ Đại Việt nguyên của Lê: Nham ở Quảng Châu, Bộ Tư Tri Thông Giám (q.27C tờ 1b) chép: Năm 917 Liễn Nham lên ngôi Hoàng Đế ở Phiên Ngung, gọi nước là Đại Việt.

Đời Lý đổi với Tàu, thì từ Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Thần Tông, đời nào cũng thế, hề lên vua, thì sai sứ sang Tàu xin phong, mà vua Tàu lúc bấy giờ thuộc về nhà Tống, mỗi đời vua ta sang sứ, bên Tàu lại phong làm hai lần: lần đầu phong làm Giao Chỉ quân vương, lần thứ hai mới phong làm Nam Bình Vương.

Mãi đến năm 1164, bên Tàu mới chịu phong cho Lý Anh Tông làm An Nam Quốc vương, nước ta đối với Tàu mà xưng là nước bắt đầu từ đây. Khâm Định (q.5 tờ 12a và 13b) chép rằng: "Nhà Tống sách phong vua Lý Anh Tông làm An Nam Quốc vương, đổi Giao

Chỉ làm An Nam quốc". Lại dẫn Nguyên Sĩ loại biên chép rằng: "Nước An Nam n g ấy xưa gọi là Giao Chi, đến đời Đường vua Cao Tông đặt làm An Nam đô hộ phủ (năm 679), cái tên "An Nam" bắt đầu từ đây, đến đời Tống vua Hiếu Tông phong Thiên Tô (tức vua Lý Anh Tông) làm An Nam Quốc vương. An Nam gọi là nước bắt đầu từ đây".

Khâm Định dẫn sử ký của Ngô Thì Sĩ rằng: "Nhà Tống từ khi cho nước ta là nước phụ dung, mỗi khi sứ nước Nam sang cống, phải đi đường từ Quảng Tây rồi chuyển giao, sứ giả chưa từng đến kinh, đến năm ấy (1164) gặp kỳ tuế cống, vua Lý gửi thư sang nhà Tống, xin cho sứ giả tới kinh, vua Tống y cho. Theo lệ cũ, những sứ sang cống ch ưa từng đủ ba sứ giả, lần này Lý Anh Tông cho Trung vệ Đại phu là Doãn Tư làm đại sứ, lại cho Thừa Nghị Lang là Lý Bang Chính làm Chánh sứ, Trung Dục lang là Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ, những quan hầu ba bộ s ứ đều đủ cả. Khi tới nơi, vua Tống khen là có ý chân thành, lại thấy nhân vật ôn văn, y quan hòa nhã, rất là vui lòng, sai hữu ty bàn cho tên nước, mới cho tên là An Nam quốc, gia phong vua Lý làm An Nam quốc vương.

Khâm Định và Toàn Thư q.4 tờ 14a đều chép việc ấy vào năm Giáp Thân (1164). An Nam Chí Nguyên (q.3 tr.197) cũng chép vào năm 1164. Duy có Việt Kiều Thư (q.4 tờ 5a kể từ dưới) chép vào năm Thuận Hy thứ I, tức là năm 1174. Việt Kiều Thư chép như sau này: "Năm Thuận Hy thứ I (1174) tháng giêng, dẫn sứ An Nam yết kiến vua Tống, tháng 2, ban chiếu nước An Nam sang cống, lễ ý đáng khen, sai hữu ty bàn định để ban tên nước, bấy giờ cho tên là "An Nam Quốc", phong Nam Bình Vương, nhưng gia hiệu Thủ Khiêm Công Thần

Qua đời Lý (1009-1225) sang đời Trần (1225-1413), trong nước vẫn gọi là Đại Việt, mà người Tàu thì gọi là An Nam Quốc.

Đến năm 1400 cha con Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, đổi tên nước là Đại Ngu.

Năm 1407, người Minh bắt được con Quý Ly đem sang Tàu mới đổi tên nước An Nam làm Giao Chi Bồ Chánh Án Sát Ty.

Minh Sử (q.6 tờ 3a) chép: Năm thứ 5 h i ệu Vĩnh Lạc (1407), tháng năm ngày giáp tý, Trương Phụ bắt sống Lê Quý Ly (tức Hồ Quý

Ly), Lê Xương (tức Hồ Hán Thương) đem về kinh sư, tháng 6 ngày quý mùi An Nam dẹp y ê n ban chiếu thiên hạ, đặt làm Giao Chi Bồ Chánh Ty.

Năm 1418, vua Lê Lợi khởi binh, đánh nhau với quân Minh, ròng rã 10 năm, quân Tàu thua luôn, mãi đến năm 1427, mới xin hòa. S a ng năm sau, vua Lê Lợi chính thức lên n g ồi Hoàng Đế ở Đông Đô, gọi tên nước là Đại Việt.

Thế là mất hơn 20 năm, ta bị Bắc thuộc lần cuối cùng đến năm (1428) mới lại được gọi là nước Đại Việt.

Người Tàu thì lại gọi là "An Nam Quốc" vì vua Tàu đã bãi "Giao Chi Bồ Án Ty" năm 1427.

Minh Sử (q.9 tờ 2a và 2b) chép: "Năm thứ 2 hiệu Tuyên Đức 1427 mùa đông tháng 10, ngày Mậu Thân, Vương Thông bỏ Giao Chi, cộ với Lê Lợi (sic), tháng 11, ngày ất dậu, tha Lê Lợi (!), sai thị lang là Lý Kỳ, La N h ữ Kính lập Trần Cao làm An Nam quốc vương, với tất cả các quan văn võ và lại sĩ về" (sic)

Gần bốn trăm năm (1428-1802) nhà Lê, tuy có họ Mạc và Tây Sơn tiếm vị một thời kỳ, nhưng vẫn dùng hai chữ "An Nam" đối với Tàu, mà trong nước thì gọi là Đại Việt.

Mãi đến năm 1802, vua Gia Long lấy d ự ợc Bắc Hà, lên ngôi hoàng đế tháng 11 ta năm ấy, sai Lê Quang Định đem quốc thư và các phẩm vật sang Tàu xin phong và xin d ổi i tên nước là Nam Việt (Đại Nam thực l ự c, nhật kỳ, q.19 tờ 10a). Tháng giêng năm giáp tý, là năm 1804, lại sai Lê Quang Định sang nhắc về việc đổi tên. Trong tờ quốc t h ự đại lược nói rằng: "Đời trước chúng tôi mở cõi đất ở Viêm Giao, mỗi ngày mỗi rộng, có các nước Việt Thường và Chân Lạp, gọi tên là Nam-Việt, truyền nối đã hơn 200 năm, n a y quét sạch cõi Nam lại có cả toàn Việt, nên đem lại hiệu cũ, để tên tốt được chính..." Vua nhà Thanh cho chữ "Nam Việt" cùng với Đông Việt, Tây Việt (tức Quảng Đông, Quảng Tây) mặt chữ giống nhau ý không muốn cho vua Gia Long hai ba lần đưa thư, biện bạch khúc triết, và nói thêm rằng: nếu khệ cho đổi tên nước thì không nhận phong vua. Nhà Thanh sợ mất lòng nước ta, bèn lấy c h ữ "Việt Nam" đặt tên nước, phúc thư lại nói

*xem tiếp trang 22*



# TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học giả Mặc Khách sưu lục

## HỒI THỨ MƯỜI SAU

Nghiêm thưởng phạt, phép nước công minh,  
Vui sơn thủy, đại vương cáo lão.

Hùng Đạo vương bình định xong quân Nguyên vua thấy ngài có công to với nước, k í nh trọng muôn phần, tiến phong cho ngài lên làm Thái sư thượng phụ Thượng quốc công Bình bắc đại nguyên súy Hùng Đạo đạivươg Cho phép khi vào châu được ngồi, tấu đối không phải xưng danh. Vua gọi đến ngài c g gọi là thượng phụ, chớ không dám gọi đến tên.

Bấy giờ Thái úy Trần Nhật Hiệu, T h ứ ợng tướng Trần Quang Khải đã mất cả rồi. Công việc triều đình, nhất thiết do tự Hùng Đạo đại vương và Chiêu văn vương Trần N h ật Duật.

Qua sang tháng tư, bản định công b i n h Nguyên, phong cho Hùng Võ vương Nghiênlàm khai quốc công, Hùng Nhượng vương Tán làm Tiết độ sứ, Hoài văn Hầu Quốc Toản c ử ợng được tiến tước phong vương. Còn Hùng Trì vương Nghê vì trái tướng lĩnh, chặn đường lúc quân Nguyên tha về, không được t i ến trật.

Các tướng khác họ, ai có công to thì cho quốc tính. Ông Khắc Chung được làm đại hành khiển, Nguyễn Khoái được phong tước hầu, cho ăn lộc một làng Khoái Lộ (tức là phủ Khoái bấy giờ), Phạm Ngũ Lão làm q u ả n Thánh dục quân, Nguyễn Chế Nghĩa đ c phong làm Nghĩa xuyên công, Ông Hành được phong làm Quan nội hầu. Còn bọn Dã Tượng, Y ết Kiêu, Cao Mang, Đại Hành, cũng là các tướng

hết thấy được chức tướng quân.

Khi trước quân Nguyên mới sang, vua s a i Phùng Sĩ Chu bói một quẻ. Sĩ Chu bói r ô i đoán rằng tất đại thắng. Vua lại sai Trần Thời Kiến bói một quẻ nữa. Thời Kiến gieo quẻ được quẻ Dự biến thành quẻ Trăn, đoán rằng: "Mùa hạ sang năm, quân Nguyên tất thua to". Thứ sau quân Nguyên đến, vua lại s a i Thời Kiến bói một quẻ, thì bói được q u ẻ Quân biến thành quẻ Hoán, đoán rằng: "Quẻ này là điềm ly tán, quân Nguyên tất p h ại thua". Đến khi phá được quân Nguyên, q u ả nhiên nghiệm cả. Bởi thế phong cho Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển, Trần Thời Kiến làm An phủ sứ ở châu An Khang.

Trương Hán Siêu tham tán có công, được cất làm Hàn lâm học sĩ.

Phạm Ngộ, Phạm Mại, hai anh em mưu trínhieu khi giúp được việc to, được thưởng 80 mẫu ruộng ở làng Kim Đôi, tỉnh Hải Dương (tức là tổ họ Phạm ở làng ấy bấy giờ).

Chúa Mông là bọn Lương Kiệt, Hà Bổng, Hà Tất Năng, Hà Chương có công đem dân binh ra cự giặc, cũng được phong hầu.

Ban thưởng đầu đầy cho các tướng ăn yến 1 tiệc, rồi ai nấy lĩnh chức thăng quan.

Vua lại sai văn thần ghi chép công trạng của các tướng, hợp biên làm một quyển sách gọi là TRUNG HUNG THỰC LỤC. Lại sai thợ vẽ tranh truyền thần các tướng, treo trong các công thần.

Ban thưởng cho các công thần đầu đầy, rồi nghị đến tội hàng giặc. Khi quân N g u yên đang cường thịnh, triều thần lắm kẻ hailong có giẫy mã đi lại với Nguyên. Khi bình định xong, bắt được một tráp biểu hàng của các quan tư thông với giặc. Thành thần muốn lục ra xét để trị tội. May có thượng hoàng m ở lòng nhân đức, thương kẻ ngu dại, sai đốt cả



tráp ấy đi, không lục đến làm gì. Duy những người nào quả thực đã hàng với giặc, thì mới trị tội, hoặc đem đây, hoặc xử tử. Vì thế bọn Trần Kiện, Trần Văn Lộng tuy đã chết rồi, nhưng con cháu phải tước họ tôn thất, phải đổi làm họ Mai. Trần Ích Tắc khi trước theo Thoát Hoan chạy về Tàu, về sau hai nước giao hòa, lại trở về nước Nam. Vua nghĩ tình cận thân, không tước họ, nhưng phải đổi gọi là á Trần, nghĩa là bao nhút nhát như đàn bà, gọi thế để cho sĩ nhục.

Đặng Long trước là cận thân, vì không được thăng làm Hàn lâm học sĩ, căm tức t h e o hàng với Nguyên, khi sau lại bị bắt được, nghị vào tội trăm quyết.

Còn quân dân thì thứ tội cho, duy có hai làng: Bằng Hà, Ba Điểm, trước hết hàng giặc cả làng phải đổi làm binh lính, không khi nào được làm quan.

Triều đình khu xử trong việc thưởng, phạt rất là công minh, quan, dân ai cũng vui lòng

Bấy giờ thiên hạ vô sự, bốn phương t h ái bình, kể được mùa luồn mây năm, trăm họ vui vẻ. Thượng hoàng nghĩ đến công đức Hưng Đạo Đại Vương, sai quan về nơi dinh cũ của ngài ở Vạn Kiếp, sửa sang một tòa sinh tử, thực là tráng lệ, để thờ sống Hưng Đạo Đại Vương. Thượng hoàng lại thân soạn ra một bài văn bia, kể công trạng của ngài, so sánh ngài với Thái công thượng phụ nhà Chu khi xưa từ thời bát tiết, sai quan đem lễ về tận nơi sinh tử tế bái.

Tháng năm, năm Canh Dần, thượng hoàng băng hà. Qua sang năm Tân Mão, Nguyên chúa sai Thượng thư là Trương Lập Đạo sang sứ dụ vua vào châu. Vua liền sai sứ sang cống hiến, xin từ việc vào châu. Nguyên chúa ưng lời, từ đó cứ ba năm một lần sang cống như thường.

Năm Quý Tị, vua nhường ngôi cho Thái tử, tức là Anh Tôn hoàng đế. Anh Tôn lên ngôi tôn Nhân Tôn lên làm thượng hoàng, c á i niên hiệu gọi là Hưng Long thứ nhất (Niên hiệu Chí Nguyên thứ 30 nhà Nguyên, 1293).

Hưng Đạo vương bấy giờ đã già, danh tiếng quyền thế lừng lẫy một nước, mà tư vua đến dân, ai ai cũng mến đức ngài, dù đến người bên Nguyên triều, cũng tôn kính ngài, gọi ngài là Hưng Đạo Đại Vương, chứ không dám gọi tên. Ngài muốn cáo lão về nhà ở dưới

mới dâng biểu tâu với Thượng hoàng và vua xin giao trả quyền chính, trí sĩ về nhà. Vua không muốn để ngài về, nhưng thấy ngài khẩn khoản xin mãi, vua không nỡ trái ý ngài, mới thưởng cho ngài 5.000 lạng bạc, 3.000 lạng vàng, gấm vóc 5.000 tấm, cùng là ngựa quý, xe bát ngọc không thiếu thứ gì lại sai mở tiệc đại yến để khoản đãi tiễn hành, trăm quan đều ra bái tiễn ngài về hưu trí. Vua cũng thân tiễn ngài ra khỏi thành 10 dặm mới trở lại. Ngài có dinh cũ ở Vạn Kiếp, và mới có sinh tử của Thượng hoàng lập cho, ngài về tại đó hưu dưỡng. Khi nào triều đình có công việc gì to tát hoặc gặp có lễ triều, lễ cận, thì ngài lại vào chầu, xong việc lại về nghỉ ngơi.

Đền sinh tử lập ở trên núi Vạn Kiếp, hình núi như tay long ngài, tục thường gọi là núi Tay Ngài. Mệ sau dựa vào núi Huyền Đẳng, có hàng mây trăm ngọn cao trở vờ. Mệ trước trông xuống sông Lục Đầu, ngoài sông có một bãi cát, hình như lưỡi kiếm. Hai bên tả hữu lại có hai ngọn núi: gọi là Nam Tào, Bắc Đẩu, hình thế quanh co, trùng trùng điệp điệp, trông ra rất là ngoạn mục. Trong sân đền có hai cái giếng, một bên trong, một bên đục.

Hưng Đạo vương được chỗ thiên nhiên cảnh thắng ấy, thực là một nơi vui vẻ trong lúc cảnh già. Có khi dắt hai ba tiểu đệ ở n g, trèo núi nọ qua đồi kia, nhìn xem p h ong cảnh; có khi đem một vài đầy tớ, túi đàn, hồ rượu, bơi một chiếc thuyền nhỏ, t h ung thăng chơi giữa dòng sông. Hoặc có lúc vui cùng bạn hữu, đánh chén trong vườn h o a; hoặc có lúc dắt đi một hai thầy t á ng, chơi giãng trước cửa động. Thường thường lại hội vợ con đầy tớ mở cuộc vui v ã y. Khi nhàn thì xem sách vịnh thơ chơi. Ngài có soạn ra một bộ binh thư, nói các mưu lược dùng binh huyền diệu, gọi là sách VẠN KIẾP TÔN BÍ TRUYỀN.

Người sau có bài tràng thiên vịnh phong cảnh và thú hứng của ngài như sau này:

*Trời Nam riêng một cõi Doanh bồng,  
Sơn thủy thiên nhiên cảnh lạ lung!  
Bắc Đẩu, Nam Tào chia tả hữu,  
Huyền Đẳng trăm ngọn đá chông vông.  
Mây chòm cổ thụ bóng sâm uất,  
Một dãy cao phong thế chập chùng.  
Bãi nổi xè xè hình lưỡi kiếm,  
Nước trong leo leo một dòng sông.  
Véo von vườn hót trên đầu núi,  
Lác đác hươu ẩn dưới gốc thông.*

Dáng tỏa chiếu hôm chim riu rít,  
 Mây tuôn ban sớm khói mịt mùng.  
 Phong quang bốn mặt trông như vẽ,  
 Một tọa lâu dài cao sát không.  
 Rèm ngọc sáng quang mây núi bắc,  
 Góc hoa bóng lộn sóng triều đông.  
 Đại vương khi nhân rờ trượng trúc,  
 Theo sau một vài gã tiểu đồng.  
 Khi đeo bầu rượu qua sườn núi,  
 Lúc dạo cung đàn bơi giữa dòng.  
 Thủng thỉnh cuộc cờ khi gió mát,  
 Ung dung ngâm vịnh lúc trăng trong.  
 Nghỉ mình thú hứng vui ngày sớm,  
 Ngắm cảnh giang sơn thỏa khúc lòng!  
 Tuổi già, cảnh thú, công danh trọn.  
 Than ôi! Đại vương thực anh hùng!

Bấy giờ Hưng Đạo vương dưỡng lão ở nhà, các con và các đầy tớ thì làm quan tại triều, hoặc trấn thủ ở ngoại quận. Vua thò thường sai quan mang rượu thịt, hoặc lãvi thuốc quý đến thăm nom ngài. Cũng có khi vua ngự giá đến nhà hỏi thăm. Một hôm ngài đứng chơi núi, sực có đầy tớ chạy lại báo rằng:

- Bẩm Đại vương, có thánh giá đến. Ngài vội vàng xuống núi về dinh, thì thấy Nhân Tôn thượng hoàng, Hoàng thái hậu (tức là con gái ngài) và vua, cùng các quan thị vệ đã ở cả trong nhà.

Ngài vội vã lạy mà tâu rằng:  
 - Lão thần không được biết trước tình hình giá đến đây, lỗi sự nghinh tiếp, xin thánh thượng cùng bệ hạ thứ tội cho.

Vua vội vàng đỡ ngài đứng dậy, mừng một bên, rồi nói rằng:

- Thượng hoàng, Thái hậu và Trẫm, lâu nay không thấy Đại vương vào kinh, có lòng mong nhớ, cho nên đến thăm.

Thượng hoàng, Thái hậu cũng lấy lời phướy Đại vương rằng:

- Trẫm và Thái hậu khi trước ngày nào cũng được quyền luyện với Đại vương, lâu nay xa vắng, Trẫm lấy làm khát khao lắm.

Hưng Đạo vương tạ ơn Thượng hoàng, Thái hậu và vua.

Vua lại hỏi rằng:

- Lâu nay Đại vương có được mạnh khỏe không?

- Tâu Bệ hạ, lão thần nhớ hồng phúc nhà nước, vẫn được bình yên như thường.

Vua sai thị vệ mở hòm lấy ra một vỏ rượu ngự tấu, 10 cân quế Thanh và 10 cặp nhung ban cho ngài, mà nói rằng:

- Trẫm ban cho Đại vương hai thứ này, để Đại vương thưởng chơi lúc nhàn nhã, chớ bổ dưỡng thêm tuổi già.

Hưng Đạo vương lạy tạ.

Hôm ấy Đại vương mở tiệc dâng tiến Thượng hoàng, Thái hậu, cùng vua và thết đãi các quan thị tụng, rất là vui vẻ.

Thượng hoàng, Thái hậu, cùng vua nghỉ lại trong dinh một đêm, sáng hôm sau xa giá về cung, ngài tiến ra 3 thối đường đất rồi trở về.

Từ đó vua thường thường năm ba tháng lại ngự giá đến thăm một lần.

Đó là:

Cảnh thú vui vầy non nước cũ,  
 Ôn trên quyền cố mọc mưa nhuần.

Chưa biết về sau thế nào, sẽ xem hồi sau phân giải.

### tiếp thu trang 19

rằng: "Từ trước vẫn có Việt Thường, đã gọi là Nam Việt, nay lại được toàn cảnh An Nam theo tên hiệu cũ sự thực, nên gồm cả những bờ cõi trước sau mở được, đặt lấy tên tốt thì nên để chữ Việt ở trên, tỏ ý nước ta đã noi theo bờ cõi cũ mà nối cái công rực rỡ của người trước đặt chữ Nam ở dưới, tỏ ý nước ta mở rộng cõi Nam mà mới d'ư ở c mệnh trời, tên gọi chính đại chữ nghĩa tốt lành, và đối với chữ Đông Việt, Tây Việt ở đất Tàu rõ ràng khác hẳn".

Rồi vua Tàu sai Bồ Xâm đem cáo sắc quốc ấn sang ta để tuyên phong lại, cho gắm với đồ đặc các thứ (Đại Nam Chính Biên q. 23, tờ 2b).

Đến đời Minh Mạng đổi là Đại Nam. Xem Đại Nam quốc sử diễn ca ngay trang đầu có chép rằng: "Trong đời Minh Mạng (1820 - 1840) triều vua ta, đổi làm Đại Nam. Không thấy chép rõ về năm nào, nhưng cứ xem nhữ giấy má về đời Minh Mạng, thì năm Minh Mạng thứ 14 (1833) đã thấy dùng chữ Đại Nam.

Những sách chữ nho để tên chữ Đại Nam, cũng bắt đầu có từ năm ấy, như quyển Đại Nam Hội Điện Toát Yếu (bản sao của Trương Bắc Cổ số A-1446 và A-2254) trên có tờ đầu của Lục Bộ đề ngày 2 tháng 12 năm 14 hiệu Minh Mạng, tức 1833, và câu "Minh Mạng thập tự niên khâm định" (vua định năm thứ 14 hiệu Minh Mạng).

Nếu thế, có thể nói rằng: tên nước ta đổi làm Đại Nam vào khoảng 1820-1833. Từ bấy giờ đến nay, chưa thấy đổi sang tên khác. Vậy sách vở giấy má nên theo chữ "Đại Nam".

(còn tiếp)

# Dịch lý Sào Nam Phan Bội Châu

NẠI SƠN sao lục

## BÁT THUẦN CĂN

Quẻ này là Bát Thuần Căn, căn hạ cũng là nội căn, căn thượng cũng là ngoại căn. Trên dưới trong ngoài thấy là Căn, nên tên quẻ đọc bằng Bát Thuần Căn.

## TỰ QUÁI

Tự quái, chân giả động dã, vật bất khả dĩ chung động, chỉ chỉ; cố thụ chi dĩ căn, căn giả chi dã.  
Ý sắp đặt thứ tự quẻ. Sau quẻ chân t i ếp lấy quẻ căn, là vì sao? Trên ấy là quẻ chân chân nghĩa là động vật lý không lẽ động hoải, động dã cực tất nhiên phải chỉ Căn nghĩa là chỉ. Lại căn có tượng là núi, núi là giống chỉ đứng yên một chỗ, lặng mà chỉ, thành ra nghĩa Căn. Nguyên quẻ gốc là quẻ khôn, vì nét thứ ba gốc ở quẻ căn, đổi vào cho khôn, nét âm thứ ba biến, mà làm ra dương, thành ra quẻ Căn, một nét dương ở trên hai nét âm, dương tiến đến cùng thời phai chỉ, hai âm ở dưới vẫn cứ lặng, thế là trên chỉ mà dưới lặng, nên đặt tên quẻ bằng Căn (tĩnh chỉ).

(Quý vị độc giả nhân xét sơ qua khi đọc quẻ để dễ thâm lý lời văn, đọc quẻ thì đọc trên đọc xuống, còn hào vạch thì đọc dưới đọc lên. Như quẻ Căn này vạch dưới hết hào âm, đọc là sơ lục, hào trên hết, hào dương đọc là thượng cửu, lục là âm, cửu là dương)

## SOÁN TỬ

CĂN KỶ BỐI, BẤT HOẠCH KỶ THÂN; HÀNH KỶ ĐINH BẤT KIẾN KỶ NHÂN, VÔ CỬU  
Quái tử đây hoàn toàn thuộc về triết lý, bây giờ hãy chỉ theo mặt chữ mà thí nghiệm đến thời như thế này: Căn là Chỉ; chỉ ở phía lưng, không được thấy thân mình đi ở trước mặt sân không thấy người ta. Như thế là Vô Cửu, thích nghĩa đến như vậy thật không thấy gì hay.

Chúng ta muốn hiểu cho ra ý quái tử, trước hãy nhận cho ra nghĩa chữ Bối, Bối vẫn là lưng; nhưng vì sao lại nói Chỉ ở nơi lưng (chữ Chỉ ở đây như: Chỉ ở chỉ thiên). Chỉ thiên là rất lạnh kia.

Bối vì tâm chỉ của người ta, hết tình thời không có ác cơ, mà động thời có ác cơ. Tức như tuyên thế trọng thân mình, tay chân miệng lưỡi, tai mắt rất là giống hay động động vì tình dục mà sinh ra làm ác, là vì các giống hữu cơ thế, duy có cái lưng thì cố tĩnh tĩnh luôn, vì nó tĩnh luôn nên không động cơ làm ác, tức là chỉ thiên, bây giờ lấy cái lưng mà hình dung lẽ rất lạnh, ấy là Căn Kỳ Bối.

Ý từ ba chữ Căn Kỳ Bối đã minh bạch như thế, mới có thể giảng xuống ba câu dưới ở đây.

Người ta sợ dĩ sinh ra lòng tự dục, mà ấy nở ra vô số ác cơ, chỉ vì trong trí nghĩ với trong mắt thấy, chia hẳn ra giới hạn ta với người; vì giới hạn ta với người, mới để ra lòng tự tư tự lợi, thời làm sao mà được chỉ ở chỉ thiên nữa?

Duy bậc thánh nhân, chân chính quân tử, trong óc chỉ thấy có Đạo rất lạnh mà thôi trong quên được mình mà không thấy mình ở đâu, như thế là bất hoạch kỳ thân. Ở trí đã quên được mình, mà ở ngoài cũng quên cả người mà không thấy người ở đâu, ấy là hành kỳ đình, bất kiến kỳ nhân.

Đã nói rằng: Bất hoạch kỳ thân, thế là Ngã không thấy Ngã, mà còn tự tư tự lợi nữa ư? Đã nói rằng: Bất kiến kỳ nhân. Thế là Nhân không thấy Nhân, mà còn cầu danh lợi mua cảm tình vào đâu, có như thế, mới là vật ngã lưỡng vong, chỉ có nhất khối thiên lý nên "Chỉ ở chỉ thiên" được.

Nói tóm lại, quái tử chú trọng nhất chỉ là



câu: Cấn Kỳ Bối. Mà sở dĩ cấn kỳ bối được tất trước phải có tinh thần như haicâu ở dưới.

Bất hoạch kỳ thân, là bảo cho mình quên được mình. Hành kỳ đình, bất kiến kỳ nhân, là câu bảo cho mình quên cả người.

Bảo rằng quên há phải tuyệt đối quên cả mình quên cả người đâu, chỉ là thấy lẽ phải thời làm, tuyệt nhiên không giới hạn mình và người, nói tắt lại, "vong ngã vong nhân là vừa hết ý nghĩa."

Phụ chú.- Ba chữ "Hành Kỳ-Đình" không quan trọng gì, vì đối với chữ "kỳ thân" thì dĩ nhiên là nội, mà nhân là ngoại, muốn thay chữ ngoại mà phải dùng chữ đình.

Đình là chốn trước sân, là chốn rất gần người ở chốn rất gần mà còn không thấy hưởng gì năm châu bốn bể mà thấy người ở

Triết học Đông phương rất cao là Phật học Kinh Kim Cang có câu: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng". Chữ Tướng ở trong Kinh Phật, tức là chữ "Hoạch" chữ "Kiến" trong kinh Dịch.

Vì phân biệt ra hình sắc ngã, nên hoạch kỳ thân. Vì phân biệt ra hình sắc nhân, nên kiến kỳ nhân, bây giờ vô nhân tướng tức là bất kiến kỳ nhân.

Văn tự tuy có khác nhau, nhưng nghiên cứu cho hết ý nghĩa thời Dịch Lý phải phát rất nhiều với Phật Học.

Tây phương tôn giáo như Jésus Christ có câu: Ái nhân như kỷ, nhưng còn chia giới hạn Nhân với Kỷ mà phải dùng đến chữ Như

### SOẠN TRUYỆN

Soạn viết: Cấn, chỉ dã, thì chỉ tác c h i; thì hành tác hành, động tịnh bất thất kỳ thì, kỳ đạo quang minh. Cấn kỳ chi, chỉ kỳ sở dã. Thượng hạ dịch ứng, bất tương dự dã. Thì dĩ bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân vô cữu dã.

Đây là thích tên quê, nhưng lại phát minh ra nghĩa ngoài tên quê. Tên quê thời chỉ có Cấn là chỉ mới thôi, nhưng Soạn truyện lại thêm ý vào.

Chỉ tất có hành, nhưng cốt cho đúng với thì, thì nên an lặng thời an lặng, thì nên hành động thời hành động. Hành chi động tịnh có khác nhau, nhưng tất thấy đúng với thì, mà không trái với thì nghĩa, như thế, thời đạo cấn chi mới quang minh được

Phụ chú.- Thì chỉ mà chi, vẫn là c h i; thì hành mà hành cũng là chi. Bởi vì hợp với thì nghĩa, tức là rất lành, mà lại chi ư chi thiện.

Chỉ cho vừa đúng chốn, là nghĩa Cấn kỳ chi Đạo lý trong thiên hạ, sự gì vật gì, đúng được nguyên chốn của nó gọi bằng kỳ sở, đúng được kỳ sở của nó là vừa được rồi. Như thế là chỉ kỳ sở. Suy cho đến rất nhỏ con chim thả nó lên rừng, rừng tức là kỳ sở, con cá thả nó xuống nước, nước là kỳ sở. Hễ giống gì việc gì tất có sở của giống ấy việc ấy, ta cứ khiến cho nó vừa đúng kỳ sở, thời cấn gì có nhân ngã nội ngoại nữa đâu. Nên hạ văn lại thích luôn cho rõ nghĩa quái tứ.

Theo như thế quê, tuy vẫn có hai thể trên dưới. Nhưng trên vẫn là Cấn, mà dưới cũng là Cấn, trên dưới cấn dịch mà ứng với nhau nhị thể mà in như nhất thể, không bị thứ tướng đối. Vậy nên, trong ta không thấy mình khác người mà biết mình, ngoài ta không thấy người khác mình, mà biết là người. Trong ngoài quên cả hai bên, nhân ngã chỉ là nhất thể. Nên nói rằng bất hoạch kỳ thân, vô cữu.

### ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, kiêm sơn. Cấn; quân tử, dĩ ty bất xuất kỳ vị.

Trên sơn, dưới sơn, gồm cả hai thể, gọi bằng: kiêm sơn.

Cấn tượng là chỉ, người quân tử xem tượng ấy mà nghĩ một cách chi, hễ như tư tướng gì không để ra khỏi vị trí nó. Tỷ như ở, phận làm người, thời lo làm sao cho đúng phận làm người, mà chớ trật ra ngoài phận làm người, người quy y tu hành thì lo làm sao cho đúng giới hạnh, đứng trật rang ngoài giới hạnh. Như thế là ty bất xuất kỳ vị. (Vi là ngôi, cũng là bốn phận; Ty là lo nghĩ, lo nghĩ cho đúng bốn phận). Năm chu "Ty bất xuất kỳ vị". Giảng sơ qua thiệt rất tầm thường, mà giảng cho kỳ thời ý

nghĩa rất cao thâm. Tỷ như: làm Thầy lo cho đúng bốn phận làm Thầy, làm đệ tử thì lo cho đúng bốn phận đệ tử, làm quốc dân lo cho đúng bốn phận quốc dân. Tỷ làm sao cho đúng kỷ vị; thế là vừa tròn hết đạo là m người.

Trời ở vị trên, đất ở vị dưới, người thành vị ở giữa có gì quý trọng hơn vị làm nghề cho nên người.

## HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.- Sở lục, Căn kỳ chỉ, vô cữu, lý v i n h trính.

Sở Lục ở dưới hết que Căn, tượng như ngón chân; người ta đứng dậy đi, tất trước động ngón chân, Sở Lục bắt đầu vào thị C a n , chính là động chỉ sở, mà biết căn thận hay chỉ, ấy là Căn kỳ chỉ. Nghĩa là: lúc dữa động mà biết chỉ ngay thế thời được v o cữu (vô cữu: không mắc lỗi). Nhưng mà nghĩa thì Căn, cốt nên chỉ mà chỉ, tất phải thủ đg kiên cố lậu dãi; hữu thì hữu chung, không bao giờ mắc lỗi táo động; như thế, mỗi đg hoàn toàn mỹ mãn, nên hào tử lại rắn rãng Lý vinh trính.

Tượng viết, Căn kỳ chỉ, vi thất chính đã. Chỉ hư lúc đầu, tượng như chỉ ở ngón chân thời không đến đối sai mất chính đạo vậy. Vì lúc cử sở, có nghi là thất chính, n e n tượng tử rắn cho như thế.

2.- Lục nhị, Căn kỳ phi, bắt chủng kỳ tùy kỳ tâm bất khoái.

Lục nhị cử trung đắc chính, vẫn là h a n g người đứng được đạo chỉ, nhưng chỉ, vi trện không người ứng viện. Nhị lại ở dưới Cửu tam, Tam đứng củng bắt trung mà lại c ó quyền hạn chế được nhị, nhị đã không sức hạn chế được tam, thế tất phải thuận theo với tam, thành ra nhị, tượng như bấp chân, chỉ theo vào về chân mà động, nên nói rằng Căn Kỳ Phi, nghĩa là: chỉ bằng một c á c h cái bấp chân. Tam có quyền chỉ được mình, mà mình không sức chỉ được tam, dẫu có biết Tam lầm lỗi mà không thể sửa được, t e ra Nhị chỉ, một kẻ tùy mà thôi. Nên nói rằng: bắt chủng kỳ tùy. Nhị đã là một người tùy với Tam, nên trong lòng Nhị không lấy g i làm vui thích.

Phụ chú.- Hào tử này in như việc t h ấy Mạnh với Tề Tuyên Vương, Vương nói h i ếu sắc, thấy cũng chịu mà nói: Thái V ử ố n g hiếu sắc. Vương nói hiếu hóa, thấy c ử n g

chịu mà nói: Công lưu hiếu hóa, hã t h ấy không muốn chúng Cửu Tề Vương dữa, nhưng kết quả Tề Vương không biết nghe lời thầy phải bỏ nước Tề mà đi, ấy là bắt chủng kỳ tùy, kỳ tâm bất khoái.

Tượng viết, bắt chủng kỳ tùy, vị thối hình đã.

Lục Nhị tùy với Cửu Tam, mà khg cứu chúng được lục tam, nhưng há phải tội tại N h i dữa, chỉ vì Tam ở trên chẳng chịu luixuống nghe lời Nhị đó vậy.

3.- Cửu Tam, Căn kỳ hạn, liệt kỳ dẫn, l ệ huân tâm.

Cửu Tam ở trên hết nội quái, làm chủ que Căn, xử vào địa vị trung đoạn. Theo về thế người, chính là đứng ở chôn, yêu hạn (Hạn là khoảng phân, cách trên dưới, ta thường gọi eo lưng). Cửu Tam đứng củng bắt trung mà ở vào chôn hạn, chôn phân cách t r ê n dưới, như thế, tiến lên mà kẻ trên không nghe lui xuống kẻ dưới không phục, in những người mắc bệnh quan cách đứt ngang giữa xuống sống, nguy khốn biết chừng nào, e đến, đối buồn bã ầu sầu, mà lo đến nổi chảy caruột nên nói rằng: Căn kỳ hạn, liệt kỳ dẫn, l ệ huân tâm. Dẫn: xuống sống; Liệt: chia xé; Huân: un đốt; chia xé xuống sống nguy đến nổi chảy cả ruột. Hình dung tịnh hình của Tam, mặt lòng trên dưới, đến nổi kết q u a nguy khốn như thế.

Tượng viết, Căn kỳ hạn, nguy, huân tâm đã. Căn, Chỉ mà bằng một cách hạn tuyệt trên dưới, kết quả chỉ, nguy chảy lòng mà thôi.

4.- Căn kỳ thân, vô cữu.

Lục tử bắt đầu vào thượng quái, ở về đoạn giữa que là vừa đứng, với thân người. Lục cử tử là đắc chính, ở vào thì Căn, nên biết chỉ mà chỉ, tượng như Căn kỳ thân, vì hào tử ở đoạn giữa, nên thu tượng bằng thân, thân đã chỉ được đứng, tuy chủa công nghiệp gi lớn, nhưng củng khỏi mắc lỗi gì.

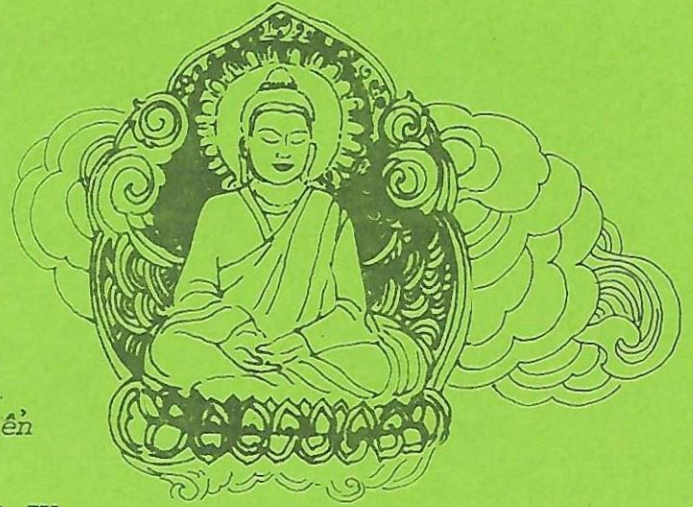
Phụ chú.- Chữ Căn kỳ thân ở đây c ử n g tượng tự như Căn kỳ bồi ở trên quái tứ, duy quái tứ thời bắt hoạch kỳ thân, là quên được cả mình. Còn lục tử đây thối chỉ có căn kỳ thân, là còn biết có thân mình, khác nhau chỉ hai chữ, mà giới hạn Thánh với phàm rất xa; đọc Dịch nên biết ỷ ấy.

Tượng viết, Căn kỳ thân, chỉ chủ cung, đã. Lục tử, căn thân là hay chỉ được giữa bản





# Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa  
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

## KAPITEL IV

---

### Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode oder die Dreifache Zuflucht (ti-sarana)

---

#### A. Zur Einführung

#### B. Themen:

##### I. Begriffe und deren Bedeutungen.

Was versteht man unter:

- 1) die Zufluchtnahme(sarana)
- 2) die Drei-Kleinode(ti-ratana)
- 3) die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode(ti-sarana)  
oder die Dreifache Zuflucht.

##### II. Drei Stände von Drei-Kleinode

- 1) Gleicheingenschaftliche Drei-Kleinode
- 2) Die Welt verlassende Drei-Kleinode
- 3) Weltlich verweilende Drei-Kleinode

##### III. Der äußere Sinn der Dreifachen Zuflucht

- 1) Zuflucht zum Buddha(der Erleuchtete)
- 2) Zu Flucht zum Dharma(Lehre)
- 3) Zuflucht zum Sangha(Mönchsorden)

##### IV. Der innere Sinn der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Zufluchtnahme zum Buddha
- 2) Zufluchtnahme zum Dharma
- 3) Zufluchtnahme zum Sangha

##### V. Die Feierlichkeit der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist säubern und besänftigen.
- 2) Seine Willen zur Dreifachen Zuflucht vor Drei-Kleinode klar und deutlich sprechen.

##### VI. Die Wohltaten der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode.

- 1) In Unwissenheit des weltlichen Weges nicht verfehlen, in das Meer des Leidens nicht untergehen.
- 2) Die Willen zur Dreifachen Zuflucht dienen zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zufluchtnehmers, da Buddha und Mönchsorden diese bezeugen.

#### C. Schlußfolgerung.

Buddhistische Anhänger sollen den zweifachen Sinn der Dreifachen Zuflucht ins Herz nehmen, und sie klardenkend fortschreiten.



### III. DIE AUSSERE SINNE DER DREIFACHEN ZUFLUCHT

Nach Kenntnisnahme über Dreifache Zuflucht folgt nun selbverständlich das Umsetzen dieser Einfühlungsgabe in die Praxis. Die Ausübung der Dreifachen Zuflucht mit ehrerbietiger Betrachtung aller heiligen Dinge, Gehorsamkeit der Drei-Kleinode, ..., sind nämlich aussere Forme der Dreifachen Zuflucht.

#### 1.- Zufluchtnahme zum Buddha

Täglich, nach Möglichkeit, sollen wir an Buddhas denken, Ihren heiligen Namen rezitieren, Ihren Standbilder ehrfurchtsvoll betrachten. Mit inneren Willen und wahrer Entsehlaffenheit verbeugen wir vor Buddhas, um unsere Verehrung zum Ausdruck zu bringen und letztlich geloben wir, Buddhas Eigenschaften lebenslang nacheifern.

So ist es aussere Form der Zufluchtnahme zum Buddha.

#### 2.- Zufluchtnahme zum Dharma

Tägliche Rezitation von Sutras, ernsthafte Befolgung der Sittlichkeitsregeln, Studieren der dogmatischen Abhandlungen; regelmäßige Verrichtung Morgens- und Abendsandacht; Sich Bemühen die heilige Bedeutungen von Dharmas zu verstehen, wenn diese nicht geht, wäre die reine Rezitation auch nicht unnütz! Beim Rezitieren wird unsere Gedanken nicht zerstreut, wobei wir nicht an unvernünftige Dinge, schlechte Angelegenheiten denken, und unsere Leidenschaften im Zaum halten können, um den Geist unter Kontrolle zu bekommen.

#### 3.- Zuflucht zum Sangha

Man spricht: Buddha-Verehrung bedeutet auch Sangha-Verehrung, d.h. je Ehrfurchtsvoller wir Buddhas betrachten, desto mehr verehren wir Sangha, weil Schüler-Buddhas-Mönche und Nonnen-Buddhas-Vertreter sind. Sangha-Verehrung ist die aussere Form der Zuflucht zum Sangha.

Verehrung Reliquiar-, Standbilder-Buddhas; Sutras-Rezitation; Befolgung der Sittlichkeitsregeln; Dharmas (die Lehre) - Studieren; Verehren wahrer Sangha sind aussere Formen der Dreifachen Zuflucht bzw. bedeuten die Bekehrung zur Buddha-Lehre.

### IV. DIE INNERE SINNE DER DREIFACHEN ZUFLUCHT

Wenn wir nur nach ausserer Formen der Dreifachen Zuflucht praktizieren, wobei ihre innere Sinne vernachlässigen, so daß wir die wahre Bedeutung der Dreifachen Zuflucht nicht wahrnehmen.

Die innere Formen der Dreifachen Zuflucht bestehen aus:

- Die Selbst-Zufluchtnahme zum Buddha
- Die Selbst-Zufluchtnahme zum Dharma
- Die Selbst-Zufluchtnahme zum Sangha

(in Pali-Sprache wird so in feierlicher Weise ausgesprochen)

Buddham saranam gacchàmi  
Dhammam saranam gacchàmi  
Sangham saranam gacchàmi

das bedeutet



Ich nehme meine Zuflucht zum Buddha  
Ich nehme meine Zuflucht zum Dharma  
Ich nehme meine Zuflucht zum Sangha

Mit dem schlichten Akt des dreimaligen Aussprechens dieser Formel bekennt man sich als Anhänger der Buddha-Lehre).

### 1.- Die Zufluchtnahme zum Buddha

Es ist das Sich-Wiederkehren zur Eigenen-Buddhaschaft, welche in uns vorhanden ist, somit man die Erleuchtung-Buddhastand-erreichen kann. Wahrlich ist diese Auffassung Sakya Muni Buddha-Rede, die uns belehrt hatte. Diese vorhandene Buddhaschaft des Menschen wird jedoch von unwahrer Wahrnehmungen (Vikalpa) bedeckt. Vikalpa gleicht der Wolken, und Buddhaschaft wie des klaren Monds. Die Wolken können den hellen Mond überziehen, aber nicht seine strahlende Helligkeit erlöschen!

Trotz von Vikalpa bedeckt, ist die Buddhaschaft allerdings beständig (Nitya)! Weshalb vergessen wir ja unsere Eigene -Buddhaschaft, jedoch nur die aussere Forme der Buddhanatur anzuflehen?

### 2.- Die Zufluchtnahme zum Dharma

Sie bedeutet die Beherzigung unserer Eigenen-Dharmaschaft. In uns sind doch alle Dharmas (Eigenschaften) vorhanden wie z.B. Barmherzigkeit (Maitri), klar-denkendes Wissen (Jnana), Gleichheit (Samata), des Hinnehmen (Kshanti), Willen-skraft (Prayoga), ... Wir sollen diese Eigenschaften erkennen weiter entwickeln, befolgen und ausüben.

### 3.- Die Zufluchtnahme zum Sangha

Es ist die Gehorsamkeit unseres Eigenen-Lehrer, des Geistes, welcher unserer Eigenschaft der reinen Eintracht gleicht. Diese reine Harmonie stellt die aussere Form des Sangha dar. Wegen geistiger Verblendung haben wir diesen Eigenen Geistigen-Lehrer noch nicht erkannt.

Buddha-Lehre hat uns gelehrt und gezeigt, wo wir diesen Lehrer der Reinheit identifizieren können.

Deshalb sollen wir uns zunächst. Zuflucht zu diesem Lehrer nehmen!

Wir nehmen Zuflucht zum Buddha, d.h. das Wiederkehren zur Eigenen-Buddhaschaft wir nehmen Zuflucht zum Dharma, d.h. die Ausübung der tugenden Eigenschaften wie Barmherzigkeit, freundliche Hingebung (Upeksha), ... ; wir nehmen Zuflucht zum Sangha, d.h. die Erkennung, Weiterentwicklung, Ausübung der Eintracht, Reinheit unseres Geistes. Nach dieser Auffassungen haben wir doch die innere Forme der Dreifachen Zuflucht wahrgenommen!

(Fortsetzung folgt)



# GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN  
IN SÜDVIETNAM

1963–1976

VON  
RUDOLF PETRI

## INHALT

Erster Teil  
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil  
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil  
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977  
Dr. R. Petri  
Reinbekerweg 50  
D- 2050 Hamburg 80



(Fortsetzung)

Baderaum und europäische Toilette hatten wir seitlich vom Vihàra gebaut; es war gefährlich, dorthin während der Nacht oder am frühen Morgen zu gehen, denn lange blieb ich ohne elektrisches Licht, bis Herr P. aus Saigon die Leitung legen liess, zumal seine alte Schwiegermutter in das kleine Haus unterhalb des Vihàra eingezogen war, um dort ihre letzten Jahre als buddhistische Religiöse zu leben, ohne aber direkt Nonne zu werden. Die alte Dame war Chinesin, aber in Vietnam geboren, ihre Tochter war Mestizin, d.h. sie hatte einen französischen Vater, welcher sich seinerzeit zum Buddhismus bekehrte, aber schon seit Jahren gestorben war. Wenige Tage nachdem die Dame in das Haus eingezogen war, kam sie zum Vihàrakreidebleich. Sie schlug die Hände vors Gesicht und stotterte erregt: "Es - es - es gibt böse - Geister bei mir!!". Ich grinste und antwortete: "Warum böse Geister?" "Haben sie ihnen etwas angetan

"Nein das nicht, aber sehr erschreckt haben sie mich!"

"Madame, Sie sprechen von Geistern, wieso, ich habe bisher nur einen gesehen".

"Was? auch Sie haben den Geist gesehen?"

"Schon mehr als ein Mal!"

"Haben Sie denn keine Angst? Ich auf jeden Fall werde wieder nach Saigon fahren - wenn der Geist wiederkommt".

"Keine Sorge, ich werde mit ihm reden, so dass er Sie in Ruhe lässt; übrigens ist es ein freundlicher Geist, und Sie haben überhaupt nichts von ihm zu befürchten". Kopfschüttelnd ging die alte Dame zurück zu ihrem Häuschen. Ich lachte hinter ihrem Rücken und - vor mir stand der alte Geist mit dem Bart, auch er lachte - lautlos.

Ich bat den Geist, die alte religiöse weiterhin nicht zu belästigen, denn sie könnte wohl einen Herzschlag bekommen.

Der Geist versprach mir auf Ehrenwort, nur noch bei mir zu erscheinen. Der Geist erschien noch etliche Male, dann verschwand er, zuvor jedoch verabschiedete er sich und sagte, dass er wieder nach der Phuc Long Provinz gehe, um dort einigen Verwandten Besuch abzustatten - ob sie

es wünschten oder nicht.

Oft zitterte die Erde, wenn Artillerie und amerikanische Bomben, irgendwo in der Umgebung, Vietcong-Stellungen bombardierten. Die FNL setzte keine Flugzeuge ein, sie entschuldigten sich scheinheilig, dass sie keine Dörfer bombardieren wollten, weil dabei immer Unschuldige getroffen würden. Die Wahrheit ist ganz einfach die, dass Nordvietnam und die FNL garnicht in der Lage waren, irgend welche Angriffe zu fliegen, ihre Miniatur Luftflotte reichte dazu nicht aus und wäre auch sehr bald von amerikanischen Fliegern vernichtet worden. Nur über Nordvietnam kam es zu kurzen Gefechten zwischen russischen MIGs und amerikanischen Jagdflugzeugen usw.

Ich gründete das Bodhisattva Csoma Institut für Buddhologie, mit dem Gedanken, aus diesem Institut - später nach dem Kriege, ein höheres Lehrinstitut für buddhistische Mönche und Nonnen zu machen. Vorläufig konzentrierte ich mich auf Übersetzungen aus dem Sanskrit, Pàli und anderen Sprachen. Ich machte solche Übersetzungen in Esperanto, Englisch und Deutsch. Es gelang mir - trotz Krieg und damit verbundenen Schwierigkeiten, wie schlechte Ökonomie, Zensur usw. drei Veröffentlichungen zu machen.

Zuerst veröffentlichte ich TIEL PAROLIS LA BUDHO KAJ LIAJ DISCIPOJ (so sprach der Buddha und seine Jünger) im Jahre 1971. Das kleine Taschenbuch (in Esperanto) enthielt eine Sammlung der besten Aussagen des Buddha und einiger seiner prominenten Jünger. Das Taschenbuch war sehr rasch vergriffen. Danach gab Herr Frederic Moyse, Frankfurt am Main, im Jahre 1972 mein Manuskript GRUNDLAGEN DES JAINISMUS - RELIGION DER GEWALTLOSIGKEIT heraus und zwar auf eigene Kosten und im Namen unseres Instituts in Vung Tau. Herr Moyse, gebürtiger Bretoner, war überzeugter Buddhist und sehr in der deutschen Tibet-Hilfe tätig. Leider muss ich erwähnen, dass unser guter Freund am 26. Juni 1976 im Alter von 68 Jahren verstarb. Die tibetischen Flüchtlinge in Indien und Deutschland und wir europäische Buddhisten haben durch seinen Fortgang einen grossen Verlust erlitten



Möge seine Wiedergeburt eine glückliche sein!

Ferner veröffentlichte ich meine Übersetzung des Dhammapada (Der Wahrheitspfad unter dem Haupttitel LA VOJO AL NIRVANO (Der Weg zum Nirwana). Der Dhammapada besteht aus 423 Stanzen und die Tradition will es, dass der Ehrwürdige Sariputto in Anwesenheit des Buddha und vieler Jünger diese Stanzen rezitierte und, dass der Buddha am Ende die Rezitation lobte und als authentisches Buddhawort erklärte. Ferner schrieb ich noch mehrere Manuskripte u.a. eine Arbeit über den Vajrayana (Diamantfahrzeug) Buddhismus Tibets und über die christliche Missionstätigkeit in Indien, das letztere Manuskript ging in Vietnam verloren - von Vietcongs beschlagnahmt! Etwa 500 Exemplare des LA VOJO AL NIRVANO und meine gesamte Bibliothek ging ebenfalls verloren. Darüber später mehr.

## 13.

### DER TIGER VON VUNG TAU

Schwere Felsblöcke stürzten von der Bergterrasse und hielten haargenau vor dem Institut d.h. auf der Rückseite. Nur kleine Steinstücke fielen hier und dort auf das Dach. Eines Tages, als ich mich auf der Rückseite befand und mir die heruntergestürzten Felsblöcke anschaute, machte ich eine für mich sehr omenreiche Entdeckung ich fand einen ziemlich flachen, aber doch gewölbten Stein, welcher fast die Form eines Vajra hatte, Regenwasser hatte den Stein in dieser Form gewaschen. Ich hob ihn auf und betrachtete ihn eingehend; tatsächlich hatte er die Form der göttlichen Waffe Indras (womit er den Dämonen Vrta schlug).

In Deutsch sagt man Donnerkeil zu dieser göttlichen, indischen Waffe. Im tibetischen Buddhismus hat er die Bedeutung eines Diamanten, aber auch die der Waffe gegen Dämonen und Geister. Jeder Lama ist Besitzer eines Vajras. Für mich war dieser Fund von symbolischer Bedeutung, und ich entschloss mich, mein Vihara zum Vajrayanatempel zu machen, obwohl es noch an tibetischen Kultgegenständen fehlte.

Meine vietnamesischen Freunde, welche mich meistens nur Sonnabends und Sonntags besuchten, staunten über den seltsa-

men Fund, alle waren sich einig, dass es ein Vajra darstellte und mir als gutes Omen dienen sollte.

Eines Nachts hörte ich Fauchen und andere Geräusche. Zuerst glaubte ich, dass Hunde um das Institut strichen, doch dann verstand ich, dass es ein anderes Tier sein musste. Ich dachte an meine Katze, nicht Fritz der Kater, er war schon verschwunden. Ich hatte mittlerweile eine andere Katze bekommen. Ich fürchtete für ihr Leben, darum stand ich auf, nahm meine amerikanische Armeelampenschalenlampe und ging zur Küche. Ich öffnete die Tür, welche ins Freie führte. Der grosse, grelle Strahl der Taschenlampe beleuchtete zwei grünlich blitzende Augen - die Augen eines Tigers! Ehrlich gestanden blieb mir fast der Atem weg. Der Tiger hielt meine Katze im Maul! Ich blieb stehen, war aber bereit, wieder in die Küche zu springen im Falle, dass der Tiger seine Beute zu wechseln wünschte. Ich hielt ständig den Lichtstrahl in seine Augen. Es kam mir der grossartige Gedanke, laut wie ein Löwe zu brüllen, vielleicht könnte ich das gefährliche Raubtier damit in die Flucht schlagen. Gesagt, getan. Ich brüllte, was die Lungen hergeben wollten. Der Tiger, er schien noch jung zu sein, liess vor Schreck die Katze aus dem Maul fallen, welche die neue Lage sofort erfasste und mit Windeseile in die Küche verschwand. Der Tiger machte kehrt und sprang mit einem Satz hoch zur Terrasse hinauf, um sogleich im Dschungel zu verschwinden.

Ich konnte es kaum glauben, dass hier in dieser bewohnten Gegend, so nahe der Stadt ein Tiger herumstreifen sollte. Wahrscheinlich war das Raubtier aus der Berggegend durch dort stattfindende Kämpfe vertrieben worden und hielt sich nun in den Hügeln in Meeresnähe auf. Wie gesagt schien der Tiger noch jung zu sein, dennoch gefährlich.

Zwei Tage später hatte ich Besuch. Der Vietnameser erzählte sogleich, dass ein Amerikaner im Jeep auf einer Strasse durch diese Berge von einem Tiger angegriffen wurde, er jedoch schoss das Tier mit seiner Maschinenpistole nieder und nahm es mit, um den Kameraden zu zeigen,

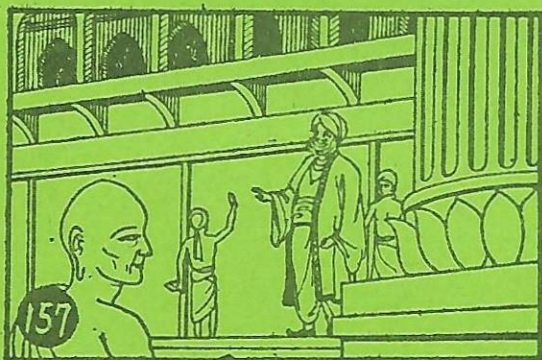
Lesen Sie bitte auf Seite 35



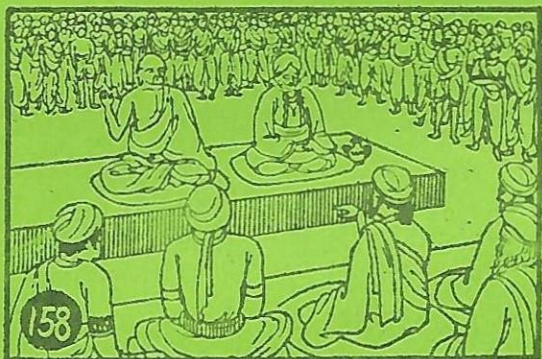
# Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

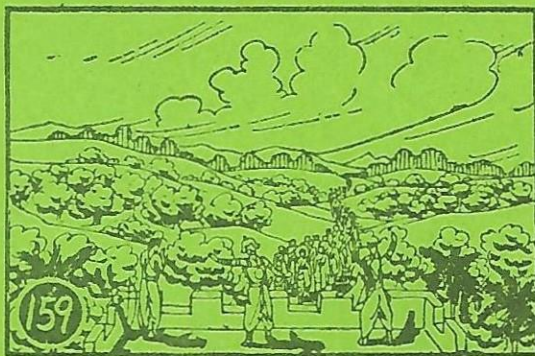
(Fortsetzung)



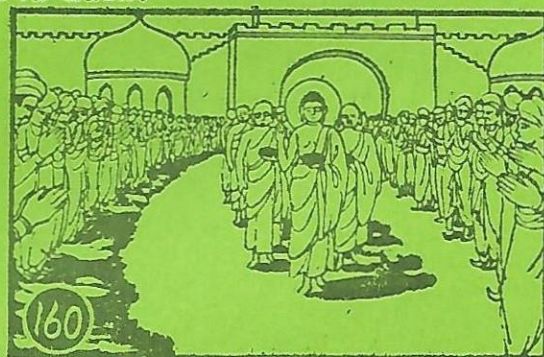
Auf Anordnung des Sakyamuni übernahm Ehrwürdige Sariyutta die Bauaufsicht. Nach der Vollendung war Jetavana noch größer und schöner als der Veluvana-Vihara in Bambushain.



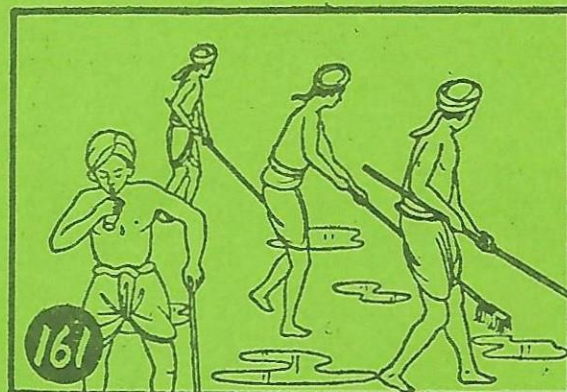
Während dieser Zeit wollten Anhänger anderer Religionen prüfen, wie mächtig ein Buddha-Jünger sein könnte. Sie konnten sich nicht vorstellen, daß Sariyutta besser als sie war. Auch Anâthapinkika war bei der Diskussion anwesend. Er freute sich sehr darüber, daß Sariyutta der Sieger war. Das war ein Signal dafür, daß Buddha edlen Tugende besitzt. Zum Schluß nahmen alle Diskussionsteilnehmer Zuflucht bei dem Erhabenen.



Sakyamuni Buddha verließ den Bambushain und zog mit allen Jüngern nach Jeta-Hain.



Alle Bewohner von Savâtthi standen in zwei Reihen entlang des Weges um den Erleuchteten zu begrüßen. Buddha wußte bereits, daß es höchste Zeit war der Bevölkerung des nördlichen Landes Freude und Glück zu bringen. Deshalb hatte er sich entschlossen, hier in Jetavana zu bleiben und seine Lehre zu überliefern.

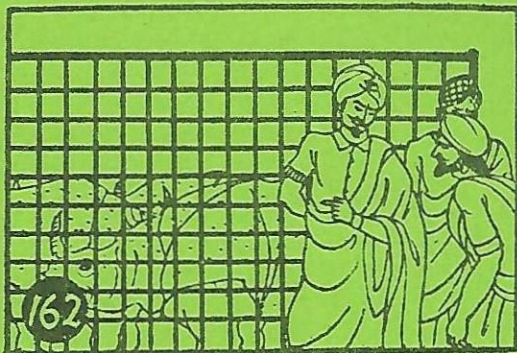




Nach der Einweihung des Jetavans - Viharas blieb Buddha mit seinen Jüngern dort und setzte die Verbreitung des Dharmas fort. Dieser stille Ort war für sie ein ideales Gemeinde-Zentrum. Allmählich zogen die Fürste, Könige und Bevölkerung der Nachbarstaaten nach Jetavana um bei Buddha und seiner Lehre Zuflucht zu nehmen.

Als die Nachricht kam, daß sein Sohn Siddharta sich zur Zeit bei Savatthi, unweit von Kapilavatthu aufhielt, ordnete Suddhodana einem seiner Minister an, den Königssohn einzuladen.

Als der Minister den Hof verließ, hatte er seine Tracht noch angehabt, aber als er zurückkam, erschienen er vor allen Hofleuten in Gestalt eines Asketen mit gelber Kutte und kahlem Kopf. Er berichtete dem König, daß er sich von dem tugendhaften Buddha bekehren lassen hatte, und daß sein Meister innerhalb sieben Tagen seine Heimatsstaat besuchen würde. Erfreut gab der König den Befehl für die Vorbereitung des Empfang seines Sohnes .



Während das Volk sich auf die Heimkehr des ehemaligen Prinzen freute, plante Devadatta bereits auf einen neuen Anschlag auf Buddha. Er ließ von seinen Dienern mehrere Nashorne in einem am Straßenrand verstecktem Käfig sperren, um Buddha zu töten, wenn er vorbei kam.

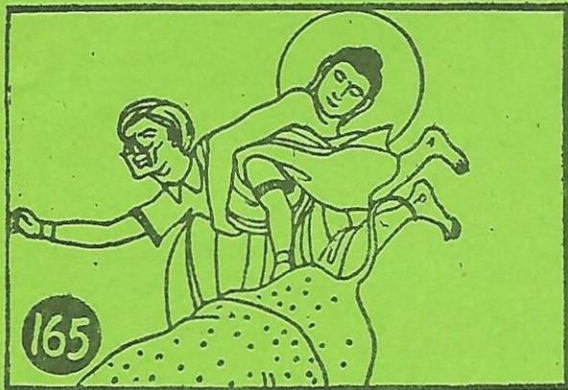


Dann kam der Tag der Rückkehr von Siddharta. Das Volk stand an beiden Straßenseiten zur Begrüßung. Jeder hielt in der Hand einen Blumenstrauß. Devadatta mischte sich unter den Wartenden und ging unbemerkt außerhalb der Stadt, wo die wilden Tiere im Käfig gehalten worden waren. Beim Wiedersehen mit Siddharta lachte er ganz laut. Plötzlich kam von allen Seiten ein Tumult.

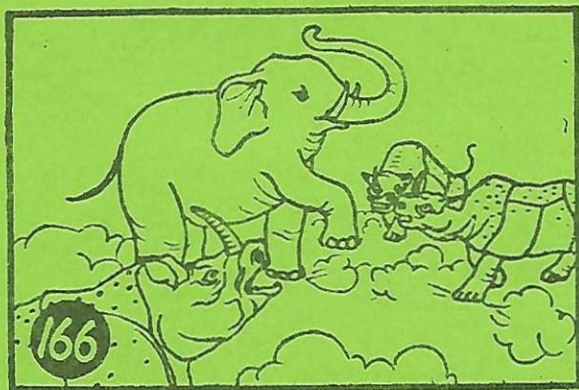




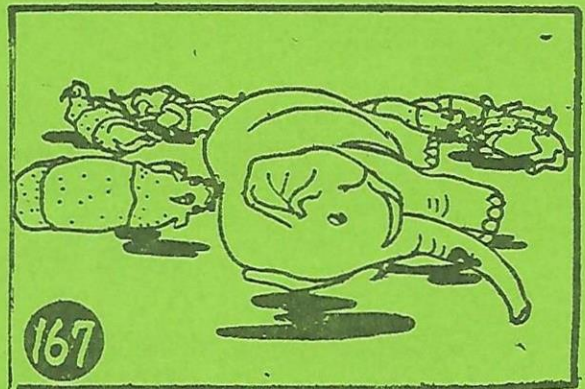
Devadattas Diener hielten das Lachen ihres Herrn für das Zeichen und ließen die Tiere frei, die dann das Chaos verursachte.



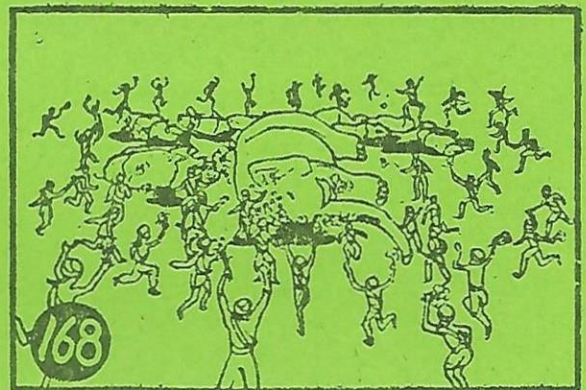
Während des Massendurcheinanders lief ein Nashorn direkt auf Devadatta zu. Mit einer geschickten Schnelligkeit rettete Buddha den Mann aus der Gefahr. Dieser erröte- te vor Scham. Denn er hatte sich selbst eine Falle gestellt und ohne Intervention des zuermordeten wäre er das Opfer.



Plötzlich erschien ein riesenelefant und verjagte die Nashorne. Alle Leute schauten zu mit gemischtem Gefühl. Sie fühlten sich erleichtert und machten sich Sorge um den Elefanten.



Als der Kampf vorbei war, legte sich der Elefant flach vor Müdigkeit auf dem Boden.



Buddha und die Anwesenden bestreuten Blumen und Obst auf dem Körper des Retters, als Zeichen der Dankbarkeit.  
Fortsetzung folgt

Fortsetzung von Seite 32

was ein Mimrod er doch war. Dies war unser Wissen das einzige Mal in jüngster Zeit, dass sich ein Tiger in diese Umgebung verirrt, hoffentlich war es auch das letzte Mal! Das Raubtier hatte sonst keine Menschen angefallen, wenigstens hörte man nichts darüber, wohl aber verschwand Katzen und Hunde und es ist nicht ausgeschlossen, dass auch mein armer Kater Fritz und andere meine Katzen dem Tiger zum Opfer fielen. Im allgemeinen gibt es Tiger, sowie auch Elefanten, nur in den Dschungelgebieten in der Nähe Kambodschas und Laos, letztere Tiere wurden von den Guerillas als Transporttiere benutzt, wenigstens teilweise, obwohl die amerikanische Luftwaffe viele dieser lebenden Panzer erschossen oder durch Bomben und Napalm vernichtet hat.

(Fortsetzung folgt)



# DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH  
VON  
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt  
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-  
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -  
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-  
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri  
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.



---

## ERWACHEN IN PFLAUMENDORF

---

Unsere Sozialarbeiter brauchen nicht nur einen Tag in der Woche, sondern sie brauchen einen Monat im Jahr. Ich bin sicher, daß Du Dich an den Brief erinnerst, den ich an Thây Châu Toan über das Projekt 'Pflaumendorf' schrieb. Pflaumendorf sollte ein spirituelles Heim für Sozialarbeiter sein, genauso wie in der Vergangenheit Phuong Bôi für uns ein spirituelles Heim war.

Wir brauchen ein Pflaumendorf, wohin wir nach Monaten der Arbeit zurückkehren, einen Ort, um Gemüse zu pflanzen, Kräuter zu züchten, um spazierenzugehen, um mit den Kindern zu spielen, die in dem Dorf leben, und um uns in Achtsamkeit und Meditation zu üben. Thây Châu Toan hatte mir von diesem Projekt geschrieben und dafür den Namen 'Schule-der-Jugend-für-den-Sozialdienst-Dorf' vorgeschlagen. Er sagte, daß er hoffe, für seine Errichtung im Hochland einen Platz zu finden, wo das Klima auch geeignet sein könnte, um dort Pflaumen zu züchten. Deshalb schlug ich als hübscheren und freundlicheren Namen für diese geistige Heimat 'Pflaumendorf' vor.

Weil Thây Châu Toan ein Künstler war, sah ich die Schönheit des Dorfes voraus, das er planen und bauen würde. Ich bat ihn, jeden Felsbrocken, den er an dem Ort fände, liegenzulassen, sei es in den Bächen oder auf den Hügeln, und zu versuchen, soviele Bäume wie möglich, große und kleine, stehenzulassen. Das Dorf müßte ein Gemeinschaftshaus, kleine Gehölze und viele Pfade zum Gehen haben. Und es müßten Pflaumengärten dazugehören, von denen es den Namen hätte. Du wirst über mich lächeln, Quang, weil ich in der Zukunft lebe. Und das tue ich, aber ich lebe auch in der Gegenwart. Hier in Frankreich ziehe ich auch verschiedene Kräuterarten. So habe ich schon eine Art Pflaumendorf, und ich weiß, daß Pflaumendorf auch bereits in Dir angefangen hat zu existieren.

Quang, Du und Deine Freunde müssen das Projekt, Pflaumendorf zu bauen, vorantreiben. Pflaumendorf, auch eine physische Wirklichkeit, wird eine erfrischende und erwärmende Vorstellung sein, die in unseren Herzen lebt. Alle Sozialarbeiter, die heiraten und Kinder haben, müssen auch weiterhin mit ihren Familien jedes Jahr nach Pflaumendorf zurückkehren. Pflaumendorf wird uns zusammenbringen. Wir werden uns um unser Dorf kümmern, wir werden für die Kinder Aktivitäten organisieren und eine Atmosphäre der Liebe und der Erneuerung für jeden Menschen schaffen. Jeder Sozialarbeiter wird, wenn er zum Dorf zurückkehrt, sofort fühlen, daß er willkommen ist. Während des Monats der Zurückgezogenheit in Pflaumendorf wird ein Sozialarbeiter die Möglichkeit haben, mit Kindern zu spielen, zu lesen, in der Sonne zu sitzen,

Gemüse zu ziehen, zu meditieren, sich von der Last der Sorgen und Ängste, die sich aufgestaut haben, zu befreien und sie durch Verstehen und Liebe zu ersetzen.



Warum sollte man meditieren? Zunächst, um imstande zu sein, völlige Ruhe zu verwirklichen. Du weißt, Quang, daß selbst eine Nacht des Schlafes keine völlige Ruhe bringt. Das Drehen und Wenden, die Muskelspannungen im Gesicht und das dauernde Träumen - dies alles kann kaum als völlige Ruhe angesehen werden. Auch ist das Hinlegen solange keine Ruhe, wie Du weiterhin Ruhelosigkeit empfindest und Dich deshalb drehst und wendest. Auf dem Rücken liegend, dabei die Arme gerade, aber nicht steif, den Kopf nicht durch ein Kissen abgestützt: Dies ist eine gute Stellung, um die Atmung zu üben und um alle Muskeln zu entspannen; aber auf diese Weise fällt es einem auch leichter, einzuschlafen. Im Liegen kannst Du in der Meditation nicht so weit kommen wie im Sitzen. Aber es ist möglich, in der Sitzstellung völlige Ruhe zu finden und dadurch andererseits Fortschritte in tieferer Meditation zu erzielen, um die Sorgen und Nöte, die Dein Bewußtsein durcheinanderbringen und blockieren, abzulösen.

Ich weiß, daß unter uns viele sind, die in der Lotusstellung sitzen können, bei der der linke Fuß auf dem rechten und der rechte Fuß auf dem linken Oberschenkel liegt. Andere können in der halben Lotusstellung sitzen, den linken Fuß auf den rechten Oberschenkel oder den rechten Fuß auf den linken Oberschenkel gelegt. In unserer Pariser Meditationsklasse gibt es Menschen, die sich in keiner der beiden obigen Stellungen wohlfühlen, und deshalb habe ich ihnen gezeigt, wie sie auf japanische Art sitzen können: die Knie eingeknickt, auf beiden Beinen ruhend. Indem man ein Kissen unter seine Füße legt ist es möglich, in dieser Stellung länger als eineinhalb Stunden zu sitzen. Obwohl jeder lernen kann, in der halben Lotusstellung zu sitzen, mag diese zu Beginn ein wenig schmerzhaft sein. Aber nach einer Übergangszeit von ein paar Wochen wird die Stellung allmählich ganz behaglich. Während der Anfangszeit, wenn der Schmerz lästig werden kann, ändere die Beinhaltung oder wechsle in eine andere Sitzstellung über. Wenn man die Lotus- oder halbe Lotusstellung einnimmt, ist es notwendig, dabei auf einem Polster zu sitzen, so daß beide Knie den Fußboden berühren. Die drei Punkte körperlichen Kontakts mit dem Boden, die durch diese Haltung bewirkt werden, sorgen für eine äußerst stabile Stellung.

Halte Deinen Rücken gerade! Dies ist sehr wichtig. Der Hals und der Kopf sollten mit der Wirbelsäule in eine Linie gebracht werden. Sie sollten gerade sein, aber nicht steif oder hölzern. Fixiere Deine Augen auf einen Punkt, der ungefähr 2 Meter vor Dir liegt. Behalte das Halblächeln bei.

Fange jetzt an, auf Deinen Atem zu achten und alle Deine Muskeln zu entspannen. Konzentriere Dich darauf, Deine Wirbelsäule aufrechtzuhalten und auf Deinen Atem zu achten. Wie alles andere auch, laß ihn los! Laß alles los! Wenn Du Deine Gesichtsmuskeln entspannen willst, die aus Sorge, Furcht oder Traurigkeit angespannt sind, dann laß das Halblächeln auf Deinem Gesicht erscheinen. Während das Halblächeln in Erscheinung tritt, fangen die



Gesichtsmuskeln an, sich zu entspannen. Je länger das Halblächeln beibehalten wird, um so besser ist es. Es ist das gleiche Lächeln, das Du auf dem Gesicht des Buddha siehst, Quang.

Lege Deine linke Hand, mit der Handfläche nach oben, in Deine rechte Handfläche. Entspanne alle Muskeln in Deinen Händen, Fingern, Armen und Beinen. Laß alles los, so wie die Wasserpflanzen, die mit dem Strom schwimmen, während das Flußbett unter der Wasseroberfläche bewegungslos bleibt. Achte auf nichts anderes als auf Deinen Atem und das Halblächeln.

Für Anfänger ist es besser, nicht länger als 20 oder 30 Minuten lang zu sitzen. In diesem Zeitraum muß Du imstande sein, vollkommene Ruhe zu gewinnen. Die Technik zur Erreichung dieser Ruhe liegt in zwei Dingen - im Beobachten und im Loslassen: im Betrachten Deines Atems und im Loslassen von allem übrigen. Gib jeden Muskel in Deinem Körper frei. Nach ungefähr 15 Minuten ist es möglich, eine tiefe Stille zu erreichen, die von innerem Frieden und Freude erfüllt ist. Halte diese Stille und den Frieden aufrecht.

Manche Menschen betrachten die Meditation als eine Mühsal und haben den Wunsch, daß die Zeit schnell vorübergehe, damit sie sich hinterher ausruhen können. Solche Menschen wissen noch nicht, wie man sitzen muß. Wenn Du richtig sitzt, ist es möglich, völlige Entspannung und Frieden direkt in der Sitzstellung zu finden. Oft rate ich solchen Menschen, über die Vorstellung eines Kieselsteins zu meditieren, der in einen Fluß geworfen wurde, damit sie Freude und Ruhe in der Sitzstellung finden.

Wie benutzt man die Vorstellung des Kieselsteins? Setze Dich in der Stellung hin, die Dir am besten gefällt - im halben Lotussitz oder im Lotussitz, den Rücken aufrecht, das Halblächeln auf Deinem Gesicht. Atme langsam und tief, folge jedem Atemzug, wobei Du eins mit dem Atem wirst. Dann laß alles los. Stelle Dir vor, Du seist ein Kieselstein, der in einen Fluß geworfen worden ist. Der Kieselstein sinkt ohne Anstrengung durch das Wasser. Losgelöst von allem sinkt er langsam auf dem kürzestmöglichen Weg nieder, schließlich den Grund erreichend, den Punkt vollkommener Ruhe. Du, der Übende, gleichst einem Kieselstein, der sich selbst in den Fluß hat fallen lassen, wobei Du alles losgelassen hast. Im Zentrum Deines Seins ist Dein Atem. Du brauchst die Zeitspanne nicht zu wissen, die notwendig ist, bis der Punkt vollkommener Ruhe auf dem feinen Sandbett unter dem Wasser erreicht ist. Wenn Du Dich genauso im Ruhezustand empfindest wie ein Kieselstein, der das Flußbett erreicht hat, dann hast Du den Punkt erreicht, wo Du anfangen kannst, Deine eigene Ruhe zu finden. Du wirst nicht mehr von irgend etwas anderem gestoßen oder gezogen. Du weißt: Wenn Du in eben diesen Augenblicken des Sitzens keine Freude und keinen Frieden finden kannst, dann wird die Zukunft selbst nur vorüberfließen, wie ein Fluß vorüberfließt. Du wirst nicht imstande sein, sie zurückzuhalten. Du wirst unfähig sein, die Zukunft zu leben, wenn sie Gegenwart geworden ist. Freude und Frieden sind die Freude und der Frieden, die in eben dieser Stunde des Sitzens möglich sind. Wenn Du sie hier nicht finden kannst, wirst Du sie nirgendwo finden. Jag nicht Deinen Gedanken nach, wie ein Schatten seinem

Lesen Sie bitte auf Seite 56

# Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name : Thị Chơn

Aryasatya	: Tứ Diệu Đế Die vier Edlen Wahrheiten	Himsa	: Sự ươn hèn, suy nhược Die Trägheit und Schwäche
Arya	: Bậc Thánh Nhân Edel, Ehrwürdiger, Heiliger	Hinayana	: Tiểu Thừa Das kleine Fahrzeug
Bodhyganga	: Giác Chi Erleuchtungsglied	Hiranyavati	: A Tỳ La Bạt Đề, Bạt Đề Hà Goldbächlein
Bràhma	: Cao quý, thiêng liêng, cao thượng. achtbar, heilig, erhaben	Ineyàvarana-vimukti	: Sự giải thoát các sở tri chướng. Befreiung allen Hindernissen für Wissenobjekte.
Bràhmacarya	: Đời sống phạm hạnh, thiêng liêng. ein erhabenes-, heiliges Leben.	Isipatana	: Xứ chủ thiên đóa xứ (núi có vườn Lộc Uyển) Ort bei Benarès heute Sâr- nath.
Cāganussati	: Phép quán lòng quảng đại Betrachtung über die Frei- gebigkeit.	Jataka	: Sanh, có nghĩa là sự sống (Những kiếp sống trong vòng sanh tử luân hồi) Geburt.
Candraprabha	: Nguyệt Quang Mondlicht.	Kāma	: Tham dục, dục lạc Verlangen, Lust
Caksuh-Vijnāna	: Nhãn thức Sehbewußtsein	Kshānti	: Nhẫn nhục die Belèidigung (ruhig, gelas- sen) hinnehmen.
Citta Dharmas	: Tâm pháp Erscheinungen von Geist	Lobha-Carya	: Ngưỡng có tánh tham Der eine begehrlische Natur Besitzende.
Dharma-ayatna	: Pháp nhập (sự sát nhập các tứ tướng vào ý). verbindliche Aufnahme von Gedanken.	Loka	: Cảnh giới, thế giới. Die Welt des Universums.
Dharmaratna	: Pháp Bảo Zweiter Juwel in Drei Juwelen (Tisarana)	Mahavibhāshana	: Đại trí, Đại huê Die große Weißheit
Dharmavaja	: Pháp trãng Như Lai (tên một Đức Phật ở Hạ Phương thế giới). Name eines Buddha-Buddha Banner der Lehre-in der unteren Welt.	Mahayānabhidharma-Sutra	: Kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma. Sutra über dogma- tischen Abhandlungen des großen Fahrzeuges.
Garuda	: Kim Sĩ Điểu Wunderbare Vögel	Naisvasamnān	: Phi tướng phi phi tướng thiên. Weder-Wahr- nehmung-Noch-Nicht-Wahr- nehmungsphäre (gehört zu der Unkörperlichen Sphäre).
Gadgadasvara	: Diệu Âm Bồ Tát Bodhisattva Wundertone.	Nirodha	: Diệt. Aufhören, Erlöschen.
Gotra	: Chúng tánh menschliche Charaktereigen- schaft.	Tantra	: Mật Kinh, Okkultes Buddhismus- Sutra.

-ENDE-



## NGÀY PHẬT ĐẢN

Giới hương, định hương, tuệ quang hương  
Ba thức hương lòng, tỏa bốn phương  
Chữ pháp "văn từ" khai nhịp mõ  
Câu kinh "vô tự" lắng hồi chuông  
Niết Bàn Từ Phụ, không ngăn ngại (1)  
Cõi thế môn đồ, thật đáng thường  
Vạn pháp duy tâm, tâm tức Phật  
Chân thành hướng Phật, nguyện theo đường.

11

Nói theo giáo lý Đức Như Lai  
Hết nghiệp, rồi lên chôn Phật đài  
Lục đồ trau dồi, tâm sáng láng  
Tam bánh lulu luyện, trí mở phai  
Tứ Bi hàng tướng, thân an lạc  
Trí tức không màng, dạ thành thời  
Coi nhẹ việc đời, không vướng mắc  
Sen vàng Cội Lạc, thấy hoa khai (2)

### \* TÔN NỮ CHUNG ANH

- (1) Câu kinh ở bài Bát Nhã.  
(2) Một bông sen nở tại ao Liên Trì Cội Lạc, báo hiệu có một người tu thành đạo.

## DALAI LAMA

Một lần quay lưng  
Trăm lần quyền luyện.  
Hỏi vì sao ta mãi nhớ tên người...  
Như đêm này, nơi đất lạ mù khơi  
Người bắc đầu, soi hồn ta lữ khách.  
Người tôn quý như vầng trăng thanh bạch  
Ta biết tìm đâu ra những cánh sao vàng  
Mà thắp lên cho rực rỡ trần gian  
Tô điểm căn khôn để mỗi Người lên ngọ?  
Ta muốn biến thành những viên cát nhỏ  
Bám chân người theo từng bước liên hoa  
Ta phàm phu nhục thể, mít mỗ  
Lấy gì đâu làm phước điền dâng hiến...  
Người là ai?  
Và từ bao giờ hiển hiện  
Cho ta ngỡ ngàng đánh mất cả cuồng nông  
Của thi nhân trong cuộc lữ mạn nông...  
Nhưng từ đây  
Thế gian này đã đủ

\* NI CÔ THỊ NGUYỄN  
Đài Bắc tháng 10 năm 1983

## XỨ LẠC BANG

Vẫn có nơi nào tại chốn đây  
Thanh nhiên như thật, lá, hoa say  
Sát na, trần lụy tiêu tận sạch  
Võn chẳng buồn vui, chẳng với đây.

Xuân sang... rồi lại Hạ, Thu, Đông  
Luân chuyển thiên miền tự vô chung  
Thủy lặng, mây ngưng, tâm vắng bật  
Thời gian không để vết lưu hành.

Vạn nẻo đường ai chõi ánh vàng  
Lưu Đâm bật nở ngập hào quang  
Thành hiền xuất hiện nơi bùn bãi  
Tướng hảo quang minh đẹp ngổ ngang.

Chẳng cần rào dậu, chẳng cần xây  
Nơi đó ai ca suốt tháng ngày  
Chẳng có chìm thân vui mùa hót  
Pháp mẫu buông giũ, giữ chỉ đây?

Tự tại chừ sao nhẹ tợ hương  
Thâm nhuần đạo lý viêng mới phương  
Mang tâm hoan hỷ lòng an tịnh  
Chiếu mái nhân gian sáng vạn đường.

Nơi đó đâu còn sóng biển khơi  
Ai về nơi ấy chỉ vui cười  
Tình thương tràn ngập, hồn tươi sáng  
Như nhất an hòa khắp mọi nơi...

Nói đó làm gì có đầu tranh!  
Vĩ chúng vô trú có chi danh  
Vô ngôn, vô ngã, vô phân biệt  
Vô hữu, vô vô để tranh phần!

Nơi ấy an hòa chỉ có vui  
Mà sao không đến đó cho rồi?  
Tranh chi danh nghĩa, đồ huyền mộng!!!  
Đọa khổ trăm luân vạn kiếp rồi...

Còn biết làm gì giữa thế gian  
U mê, sanh tử sống mở màng  
Trăng lên ai thấy vầng màu nhiệm  
Thấy đề quy về chôn LẠC BANG.

\* THÍCH NỮ GIÁC HẠNH



# NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

## HỒ TRƯỜNG AN



Sau ngày 30.4.1975, tôi cũng như bao nhiêu người viết báo khác, thất nghiệp dài dài. Vốn kém bươn chải, tôi chỉ đứng bán c h ợ trời một thời gian rồi nằm nhà. Một hôm, tôi đến thăm nhà văn Vũ Hạnh, gặp phê bình gia Lữ Phương, trước năm 1968 là một nhà khảo luận văn nghệ khá nổi danh nổi danh trên các tạp chí Bách Khoa, Tin Văn. T ạp chí Tin Văn vốn là tờ báo của Cộng Sản, hoạt động trong thời gian 1966 đến năm 1968 do Trần Bạch Đằng và nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, (Bộ Trưởng Bộ Thông Tin Văn Hóa của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) chủ trương. Họ nhớ anh Nguyễn Ngọc Lương (tức là nhà văn Nguyễn Nguyên) và Vũ Hạnh đứng ra lèo lái, chăm nom. Lữ Phương trong thời gian đó là Cộng Sản năm vùng. Tôi cộng tác tờ Tin Văn từ số 2, rồi bị động viên. Trong Tết Mậu Thân (1968) nội vụ đổ bể, Vũ Hạnh và Hà Kiều (thủ quỹ) bị bắt giam. Lữ Phương, nữ sĩ Vân Trang, giáo sư Thiên Giang sợ bị c h í nh quyền Tổng Thống Thiệu bắt cầm tù nên bỏ vào mật khu.

Cuối Xuân năm 1975, Cộng Sản đại thắng, công việc xâm chiếm miền Nam. Lữ Phương và giáo sư Thanh Nghị trở thành Thứ Trưởng Bộ Thông Tin Văn Hóa. Ngày trở về của Lữ Phương trong chuyến này cơ quạt, võng lọng hơn, nổi danh nổi danh hơn. Vì trước kia tôi có viết truyện ngắn cho Tin Văn nên anh Lữ Phương nghĩ rằng ít ra tôi cũng là "nhà văn tiến bộ" nên nghĩ chút c ụ tình hứa giúp đỡ tôi. Anh giới thiệu tôi làm việc trong Thư Viện Quốc Gia, giúp phân đánh giá các tác phẩm văn nghệ. Dù sao tôi kh ế bao giờ quên ơn anh. Vũ Hạnh, Lữ Phương, Ngô Huy Khánh là các cán bộ văn nghệ Cộng Sản nhưng họ có nhiều cảm tình với tôi, c h o tôi nhiều đặc ân và không nhớ tổ cáo tôi là sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị khi tôi không đi đăng ký học tập cải tạo.

Khi tôi đến làm việc ở Thư Viện thì công việc đánh giá các tác phẩm đã đi đến nửa phần đương rồi. Lúc đó, Vũ Hạnh và giáo sư Huỳnh văn Tông (tác giả quyển "Nghề l ả m báo ở Việt Nam") được bầu làm tổ trưởng tổ đánh giá các tác phẩm biên khảo. Kỳ g i ả Châu Anh được bầu làm tổ trưởng đánh giá các tác phẩm văn nghệ. Cùng làm việc với họ đã có một vài nhà văn, ký giả quen thuộc như nhà văn nữ Minh Quân (tác giả q u yển "Những Ngày Cạn Sầu"), nhà thơ Tường Linh (tác giả tập thơ "Nghìn Khuya"), dịch giả Nguyễn Sĩ Nguyễn, nhà báo Giang Tân, nữ ký



giả Thu Mai, chị Tố Oanh (vợ của anh Trịnh Đình Ban, một sinh viên Cộng Sản năm vùng trước kia) và hai giáo sư trường Đại Học Đà Lạt một người tên Oanh, một người tên Lê Kim Ngự.

Tiêu chuẩn để đánh giá sách văn học, văn hóa, văn nghệ được phân định như sau:

HẠNG A :

tức là những quyển sách của ông Cộng dưới bất cứ hình thức nào. Chống Cộng theo ý thức hệ như: Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Đoàn Quốc Sỹ, Vũ Khắc Khoan, Xuân Vũ Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Ngô Xuân Phụng, Kim Nhật, Duyên Anh, Pearl S. Buck, Athur Ko-esler, Alexander Soljenytzin. Chống Cộng theo lối Tâm Lý Chiến như Nguyễn Vũ, Phan Nhật Nam, Hà Huyền Chi, Cao Tiêu, Văn Quang Kỳ, Văn Nguyên, Lưu Kiếm. Chống Cộng theo lối lãng mạn đề cao mối tình giữa chiến binh tiền tuyến và các em gái hậu phương như trường hợp các nhà thơ nữ Lệ Khánh, Hoài Linh Phương, Lý Thụy Ý, Ngô Kim Thu.

HẠNG B :

tức là những quyển sách được Cục R gán cho hai tiếng "Đôi trụy". Dấu hàng đầu ở các sách dịch đã có Jean Paul Sartre, Henry Miller, Françoise Sagan, Elia Kazan, Eskine Cadwell. Các tác giả "đôi trụy" Việt Nam có: Lê Xuyên, Trần Đức Lai, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Lệ Hằng, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Đức Sơn, Thế Uyên, Lan Phương. Nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng dù không diễn tả những màn làm tình cụp lạt, nhưng đã dệt ra những mối tình éo le giữa cô giáo và cậu học trò, cũng bị gán cho là vô luân, đôi trụy. Duyên Anh và Nhã Ca tuy diễn tả mối tình học trò bằng bút pháp trong sáng và thơ mộng cũng bị liệt vào hàng tác giả đôi trụy. Theo anh Lý Phương những tác giả đề cập tình học trò cũng làm bại hoại và nhu nhược lứa tuổi thiếu niên không nhằm nâng cao tinh thần và ý chí phấn đấu của tuổi trẻ, như thế cũng là một tác giả của cái thứ văn chương dâm ô, đôi trụy.

HẠNG C :

tức là các tác phẩm lãng mạn, khóc gió than mây như các cuốn tiểu thuyết "Tuyết Hồng Lệ Sứ" của Tử Trầm Á, "Tố Tâm" của Hoàng Ngọc Phách. Về văn có: Eric Segal, Quỳnh Dao, Tử Túc, Quách Lương Huệ, Nguyễn Thị Vinh, Tử Thế Tướng, Hoàng Ngọc Tuấn, Đinh Tiến Luyện, Mương Mán, Tuấn

Huy, Ngọc Linh, Dương Trứ La, Tùng Long, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Linh Bảo. Về thơ có: Nguyễn Sa, Trần Dạ Từ, Đỗ Quí Toàn, Trần Thị Tuệ Mai, Lê Thị Ý, Hoàng Hương Trang, Phố Đức, Nguyễn Thanh Cầm.

HẠNG D :

tức là thứ văn chương nghiêng về đạo giáo hay những vấn đề siêu hình như các tác phẩm thơ của Rabindranath Tagore, thơ các Thiền Sư Việt Nam, thơ của Trụ Vũ Phạm Công Thiện, Nhất Hạnh, Phạm Thiên Thư, Võ Chân Cứ. Thơ diễn tả bằng ngôn ngữ ngoéo ngoét, tối tăm của Bùi Giáng, hoặc tập thơ "Hoa Nắng" của Thi Vũ cũng bị liệt vào hạng này. Ngoài ra, các tác giả như Trúc Thiên, Tâm Tấn hướng thi ca vào tư tưởng Phật Giáo, cũng bị liệt vào hạng D, và theo người hướng dẫn cuộc đánh giá, chỉ làm bại hoại tinh thần tranh đấu của độc giả mà thôi, dù thơ có khuyến khích làm lành lánh dữ đi nữa.

HẠNG E :

tức là các tác phẩm "lành mạnh" đề cao lao động, đề cao nếp sống dân quê (các tác phẩm của Vũ Hạnh, Văn Trang, Phi Vân, Minh Quân), đề cao cuộc đấu tranh giai cấp (Nguyễn Thị Thụy Vũ với tác phẩm "Khung Rêu", Vũ Mai Anh với tác phẩm "Bóng Tối", Nguyễn Văn Xuân với "Bão Rừng") hoặc những tác phẩm bài Mỹ, chống đối chính quyền Việt Nam Cộng Hòa bất cứ dưới mọi hình thức nào như các tác phẩm của Lý Chính Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Thái Lăng v.v...

HẠNG F :

tức là hạng tốt nhất, đứng về hàng ngũ "Cách Mạng" rõ rệt trong công việc kháng Pháp, chống Mỹ cứu nước. Đó là tác phẩm "Hương Máu" của Nguyễn Văn Xuân, "Lửa Rừng" và "Bút Máu" của Vũ Hạnh, tập thơ "Đất Mẹ" của Phương Đài, "Phân Nội Hương Đông" của Mặc Khải và nhất là "Tuyển Tập Mùa Thu" gồm các truyện ngắn của Lưu Kiếm Xuân, Biên Hồ, Dương Trứ La, Vũ Duy, Nguyễn Nguyên đã từng đăng trên tạp san Tin Văn

Trong thời gian làm việc thanh lọc văn nghệ phẩm miền Nam, tôi không có cơ hội nào nói chuyện riêng với Thứ Trưởng Thông Tin Văn Hóa của M.T.G.P.M.N. tức là anh Lý Phương. Tôi thường gặp anh ở quán cóctrước phủ Quốc Vụ Khanh (tức là khám lớn cũ) nghĩ để gì mới anh một cốc cà phê nhỏ. Luôn luôn, anh bị hai tên chính ủy đi kèm theo

Hai tên chính ủy đó mệnh danh là "gạc dờ co" nhằm bảo vệ an ninh cho ông Thứ Trưởng nhưng thật ra để giám sát nhất cử, nhất động của ông. Những "ông gạc dờ co" này có tuổi đảng lớn hơn tuổi đảng ông Thứ Trĩ.

Trong Thư Viện, thỉnh thoảng có tổ chức các cuộc học tập chính trị. Lữ Phương khoe rằng anh đã từng đi viếng các nước Đông Âu, cho rằng mức sống ở các nước đó rất cao máy móc thay thế sức lao động chân tay. Thanh niên ở các nước đó được để tóc dài uống rượu whisky, trong khi máy cày tự động thay thế họ làm tất cả. Nhưng theo anh, muốn tiến tới mức sống đáng mơ ước ấy, ngay từ bây giờ, ta phải hăng hái lao động vì sau cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước nước ta hãy còn nghèo.

Cũng trong thời gian đó, tôi có dịp gặp Thiếu Tướng Trần Bạch Đằng (tức là nhà thơ Hương Triều), tay đầu não trong ngành Tuyên Huấn. Trong cuộc học tập chính trị, ông ta cho chúng tôi biết:

- Các nhà văn miền Nam dù viết các tác phẩm tốt với Cách Mạng, cố gặp nhiều sơ hở họ đáng được thưởng ba cái bánh, nhũ cũng đáng bị đánh ba roi.

Rồi ông quay qua nhà văn Vũ Hạnh, bảo:

- Cả các tác phẩm của anh Vũ Hạnh nữa, anh ấy chưa dám thông tư tưởng Các Mác và đường lối văn nghệ của Đảng, nên viết quá nhiều sơ hở, nhiều trống trải trong tác phẩm. Cũng cần thưởng cho anh ba cái bánh và đánh anh ba roi luôn. Hồi năm 1967, trng khi viết bản tuyên ngôn cho tờ Tin Văn, anh viết năm, sáu lần mà vẫn không xong, tôi phải viết thay cho anh, rồi ký tên anh cho gọn.

Sau đó, danh sách các tác giả bị cấm lưu hành toàn bộ tác phẩm được đem dán ở phở Thông Tin Văn Hóa khắp các phường xóm trong đô thành Sài Gòn: Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Kim Nhật, Xuân Vũ, Nhã Ca, Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Thảo Trường, Hồ Hữu Tường, Lưu Kiếm, Nguyễn Đình Toàn, Cao Tiểu, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Liên, Văn Quang, Nguyễn Vũ, Phan Nhật Nam, Thế Uyên, Túy Hồng, Nguyễn thị Hoàng, Minh Đức Hoài Trinh, Hoàng hương Trang, Lê Khánh, Lê Xuyên, Trần Đức Lai, Nguyễn Đạt Thịnh, Hoàng Hải Thủy...

H E T

## TRỜI XA ĐẤT LẠ

Đời ta ta chờ thấy ta  
Vì trong cát bụi hàng sa có mình  
Bởi còn nặng kiếp phù sinh  
Cho nên giờ phải chịu nhìn thế gian  
Biết bao nhiêu cảnh bể bàng  
Biết bao nhiêu chuyện tương tàn thâm thường  
Không nhờ chư Phật mười phương  
Cõi này nay chàng biết đường về đâu  
Chắc còn mãi thật lâu  
Trong niềm vinh nhục vạn sâu cổ đôn  
Ngày xưa xa đó túi hồn  
Cho đời nhi nữ như đôn không dây  
Tháng năm nghiệp tội sâu dày  
Bao giờ mình được thân này thành thời  
Nhìn trời nhìn đất chiều mới  
Chung quanh đây đó là nơi vô thường  
Có tu nên mới có thương  
Cho người lưu lạc phố phường bốn ba  
Năm dài tháng rộng đường xa  
Trời cao đất lạ cầu qua vũng bèn  
Bây giờ đời đã không tên  
Mang danh của Đạo làm nên mới là  
Bồ Đề Phật giống trong ta  
Gió xuôi gió ngược gió xa gió gần  
Cũng là gió nghiệp hồng trần  
Giới thì bên vũng đờ lẩn chìm sâu  
Cho dù gặp cảnh bể dâu  
Nhu hòa nhân nhục là đầu mối dây  
Gỡ cho sạch nỗi với đây  
Mới mong an ổn cõi này mình tu

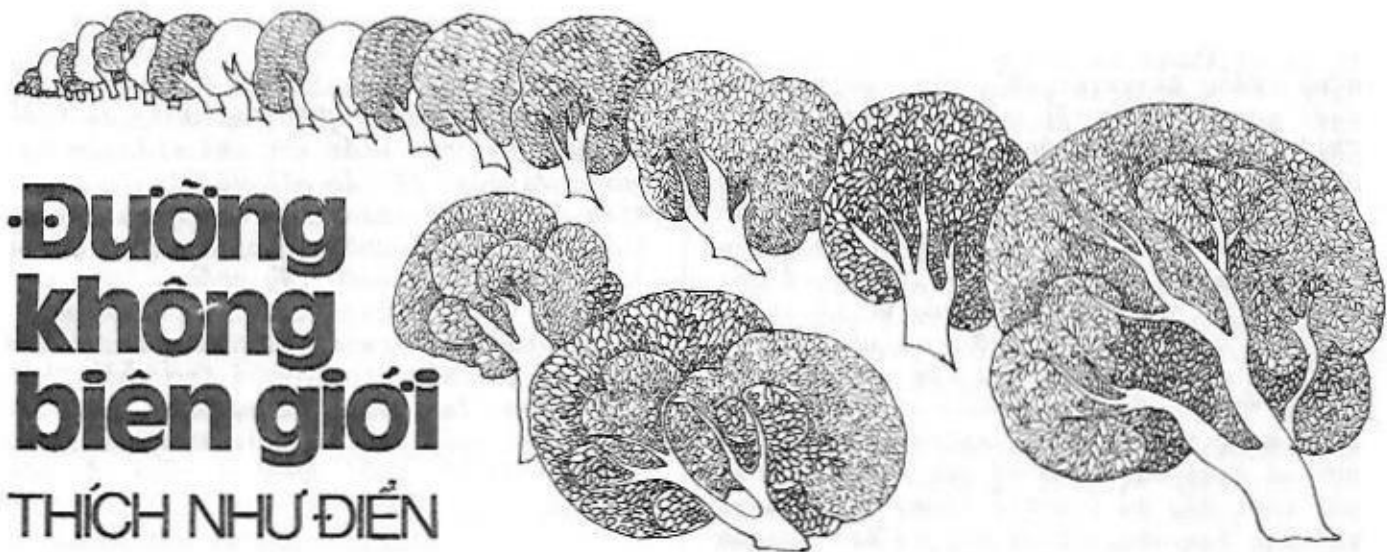
\* THÍCH NỮ DIỆU AN

## DỨT ÁO RA ĐI (Tập Kiều)

Quyết lòng dứt áo ra đi,  
Quan san ngàn dặm, thế nhi một đoàn.  
Nổi riêng, riêng những bản hoàn,  
Biết đâu hạc nổi, mây ngàn là đâu?  
Dòng Thu như đội cơn sầu  
Chân mây, mặt nước một màu bao la...  
Tứ nay bốn biển không nhà,  
Tâm lòng thường nhớ biết là có người!  
Cánh hồng bay bóng tuyết vôi,  
Nghĩ thân mà lại ngấm ngùi cho thân,  
Cũng liêu nhảm mắt đưa chân  
Riêng mình nào biết có xuân là gì?

\* BAO VĂN - MONTREAL - CANADA





# Đường không biên giới

## THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ thứ 13)

Câu châm ngôn của Pháp nói rằng: "Con mắt là cửa sổ của tâm hồn"; nhưng nếu nói đúng hơn "Ngôn ngữ là cửa ngõ của tâm hồn" mới hợp với hoàn cảnh của người tị nạn Việt Nam chúng ta trong hiện tại. Ngôn ngữ dùng để diễn tả những gì mình muốn biểu lộ, để đối phương hiểu được điều mình muốn nói. Ngôn ngữ là một gạch nối, nối liền giữa 2 dân tộc với nhau; 2 nền văn hóa khác nhau hoặc 2 tư tưởng khác nhau v.v... Một người biết được nhiều ngôn ngữ, người ấy sẽ thoải mái trong vấn đề giao tế hằng ngày; nếu không; ngôn ngữ sẽ là một bức tường kiên cố ngăn chia đôi ngã giữa dân tộc này và dân tộc khác, vững chắc hơn là Vạn Lý Trường Thành.

Có nhiều loại ngôn ngữ tương đối dễ học; nhưng cũng có lắm loại rất khó. Nói dễ, vì nó là tiếng được nhiều người dùng đến, không có phức tạp câu kỳ. Thật ra, bất cứ một ngôn ngữ nào, muốn học cho đến nơi đến chốn không phải là chuyện dễ. Các loại ngôn ngữ khó nhất nhì trên thế giới như tiếng Đức, tiếng Hòa Lan, Na Uy, Nga, Tàu, Nhật v.v... Các loại ngôn ngữ tương đối dễ học như Anh, Pháp v.v... Tiếng Nhật và tiếng Đức khá giống nhau về cách kết cấu và phạm vi; nhưng không giống nhau về âm thanh. Ngược lại tiếng Tàu và tiếng Việt khá giống nhau với tiếng Nhật về âm thanh; nhưng phạm vi lại sai khác rất nhiều. Các ngôn ngữ Âu Châu đa số từ âm nhiều hơn mẫu âm; nên người đọc phải cần nhiều dấu giọng; lúc lên lúc xuống; nhưng tiếng Nhật thì không cần - vì mẫu âm nhiều hơn từ âm - nên chúng ta có thể học và nói

tiếng Nhật một cách rất dễ dàng.

Lần đầu tiên đến Nhật - tôi nhìn đâu cũng thấy toàn là chữ Hán và chữ Hiragana hoặc Katakana, hầu như không có một mẫu tự La-Mã nào được dùng ngoài đời sống thường, ngoại trừ trong trường Nhật ngữ dành cho những sinh viên ngoại quốc lúc ban đầu.

Người Nhật viết chữ Hán, nhưng đọc âm Nhật cũng giống như chúng ta hoặc Đại Hàn viết chữ Hán nhưng đọc âm Việt và âm Đại Hàn. Dầu cho người Nhật nào có giỏi tiếng Anh hay tiếng Pháp đi chăng nữa - nếu ai đó hỏi họ bằng tiếng Anh thì họ sẽ tận tụy trả lời bằng tiếng Nhật. Một mặt vì tự hào - mặt khác vì người Nhật nói ngoại ngữ rất dơ - cách phát âm cũng như động tác, thua người Việt Nam và người Ấn Độ rất nhiều, nên họ ít muốn nói. Tuy nhiên trên lĩnh vực nghiên cứu thì hầu như không có sinh viên ngoại quốc nào qua mặt nổi người Nhật cả.

Những lúc ban đầu, thấy ngôn ngữ quá phức tạp. Nó là một bức tường thành ngăn chia đôi ngã - tôi vẫn thường hay nghĩ rằng: Loài thú - dầu là con trâu, con bò, con chim sẻ, chim bồ câu, con gà, con vịt v.v... ở đâu nó cũng kêu hình như chỉ có 1 âm thanh duy nhất. Tại sao loài người lại đặt ra quá nhiều ngôn ngữ làm gì? Không biết một nhà Bác học nào đó muốn tìm một "thế giới ngữ" cho loài người bao giờ mới thực hiện được? Nếu thực hiện được điều đó có lẽ loài người sẽ đỡ bận tâm nhiều như trong hiện tại.

Ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế Ngài

dùng tiếng San Crist để giảng đạo; n h ứng Ngài có thể hiểu tất cả tiếng của C h ú Thiên, rồng, dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La và những loài chúng sanh khác nữa. Quả thực bậc đã chứng được thiên nhi thông và thiên nhãn thông thì không cần học, chỉ cần t u cũng đủ biết rồi. Lúc đó là lúc tu vô nhị tu, hành vô nhị hành và chứng vô nhị chứng nên mới được biến tài vô ngại như thế. Vì thế cho nên có nhiều bậc tôn túc bảo tôi rằng: "Có nhiều người mong đi khắp nơi để biết được tất cả; nhưng không bằng ở một nơi mà biết được tất cả mới hay hơn". Câu nói thật đầy đủ ý nghĩa trong việc tu đạo và hành đạo; nhưng thời nay, vì chúng sanh phước mỏng, nghiệp dày, chướng nhiều, h u ệ ít, nên khó có thể ngồi một nơi để b i ết được, như trước đây các vị Phật và các vị Bồ Tát đã biết, nên cần phải đi.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có lời nguyện d i tuần khắp tam thiên đại thiên thế giới để cứu độ chúng sanh; nếu nơi nào có c h ứng sanh niệm đến danh hiệu Ngài. Trong khi đó - ngày nay dẫu xã hội loài người có văn minh đến đâu đi chăng nữa cũng chỉ có thể đi concorde, phản lực hoặc phi thuyền l à cùng - thời gian quá tốn kém; nhưng chi đi được có một đoạn đường.

Ở Nhật, nếu ra ngoài đường không biết lối đi - điều đầu tiên là hỏi cảnh sát, n ếu u không gặp cảnh sát, nên hỏi đàn bà và kh ộ nên hỏi đàn ông. Vì đàn ông Nhật rất lãnh đạm và đàn bà Nhật thì tử tế không có chút mực nào diễn tả được. Vì thế cho nên d ặc có nhiều người sinh viên Việt Nam chịu ở lại Nhật luôn, không về nước hoặc không đ i nước khác - chỉ có một điều duy nhất là m ến đức hạnh của người đàn bà Nhật.

Theo Không Giáo thì đàn bà phải đủ c á c phương diện tam tông (có chồng theo chồng, ở nhà theo cha, chồng chết theo con) và tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh); nhưng ngày nay ảnh hưởng của Không Giáo không còn mạnh như thuở xa xưa nữa đối với người đàn bà Á Đông nói chung hay Nhật Bản nói riêng. Người đàn bà Nhật trước khi đi lấy chồng điều kiện bắt buộc là phải biết Cắm hoa (Ikebana) và biết cách rót trà (Chado). Cắm hoa và rót trà là những nghệ thuật k h á điều luyện được phát xuất từ Thiên tông của Phật Giáo. Hình ảnh cắm một cành hoa hoặc rót một ly trà, có thể nói lên h ết đ ược tâm niệm của một con người, động hay

tĩnh, chơn chánh hay là lối. Vì thế chôn - nếu người đàn bà Nhật nào đó chưa biết cắm hoa và chưa biết rót trà thì ngày cưới hỏi chưa được đề cập đến. Vô hình c h ứng điều đó đã trở thành một tập quán và một luật lệ khá phổ thông cho bất cứ n g ười đàn bà Nhật nào muốn lấy chồng.

Người Nhật sinh ra ở tại nhà - lớn l ẻ n dùng vợ gả chồng thì ở Nhà Thờ hoặc Thần Xã, chết đi lại vào chùa. Họ quanh quẩn chỉ có vậy và ngày nay việc đi Thần Xã hoặc đi Chùa là một thói quen và cũng là một tập tục.

Một đám cưới sang trọng hay một đám cưới bình dân hầu như cô dâu nào cũng phải mặc áo Kimono cả - cũng giống như Việt N a m chúng ta - nếu một đám cưới mà cô dâu kh ộ mặc áo dài thì đám cưới đó không còn giữ đúng phong tục và lễ nghi của người Việt Nam nữa.

Kimono là một loại áo dài được mặc thành 3-5 lớp rất công phu và văn gọn. Vì quá đắt tiền cho một chiếc Kimono ngày cưới; nên ngày nay các cô dâu và chú rể thường đ i thuê nhiều hơn là may sắm.

Đám ma da số để tại tư gia hoặc đem v ề chùa để làm lễ. Thông thường người N h ật ngày nay hay thiêu nhiều hơn là chôn . Thiêu ở tôn ch ộ và hợp vệ sinh hơn - đó là điều chính phủ vẫn thường hay khuyến khích.

Trong vườn chùa nào cũng có nghiã địa dành cho việc chôn cất những hài cốt đã thiêu của tín đồ. Mỗi một gia đình có một ngôi mộ chung - người mới mất - sau khi thiêu để đến 49 ngày - đem vào để chung trng mộ với những thân nhân quá vãng cũ.

Nếu tang chủ hữu sự, mời một vị Thầy đến để hướng dẫn buổi lễ cầu siêu. Lần t ụ ng niệm trước khi đi thiêu gọi là Otsuya (thông dạ) đến sáng hôm sau đưa linh cứu vào hỏa lò - có thân nhân đi theo, và sau 1 tiếng đồng hồ thiêu xong - chính thân nhân sẽ gấp xương của người thân mình bỏ vào hộp rồi mang về chùa. Một đám h ộ a thiêu được cử hành sớm nhất là sau 24 tiếng đ ộ hồ. Vì Phật Giáo cũng như khoa học q u an niệm rằng: Chết chưa phải là hết - mà chết là chỉ một số phần nào trong cơ thể chết thôi - chết tứ tứ - có thể trong vòng 24 tiếng đồng hồ có nhiều người sống lại vì một số tế bào còn hoạt động. Nên bắt buộc phải sau 24 tiếng đồng hồ mới được thiêu



hoặc chôn. Phật Giáo đã có mấy ngàn năm nay - khoa học thì mới phát triển trong những thế kỷ gần đây; nhưng nhận t h ấ y rằng quan niệm của khoa học cũng rất gần với Phật Giáo, và mong rằng khoa học càng ngày càng tiến bộ thì giáo lý của Phật Giáo càng được triển khai nhiều hơn nữa.

Việc cúng dường ma chay thì tùy tâm của tín chủ; nhưng ngày nay Phật Giáo N h ậ t Bản chủ trương nhiều chuyện khó tin mà ít có nước Phật Giáo nào trên thế giới thực hiện cả.

Pháp danh là một tên trong đạo khi người Phật Tử thọ Tam quy ngũ giới được Thầy Bốn Sư truyền cho trong lúc còn s ố n g. Trong khi đó Phật Tử tại Nhật Bản lúc sống không có pháp danh mà lúc chết mới cho. Pháp danh đẹp hay thông thường - cư sĩ, hay tín sĩ, tín nữ v.v... theo đó mà giá cả có lên có xuống.

Tu sĩ không phải là một nghề nghiệp như bao nhiêu nghề nghiệp khác mà ngày nay Tu sĩ Nhật Bản đã bước vào một cái nghề như bao nhiêu nghề khác mà thế giới bên ngoài vẫn chưa biết được.

Khi người Nhật vào nhà hay vào chùa phải để giày dép trước hành lang, xếp h ầ n g ngay ngắn và thuận chiều để lúc đi ra để xỏ chân vào. Khi bước lên trên nền n ằ n g người khách sẽ được chủ thận trọng mang vào cho khách một đôi dép đi trong nhà, mời khách ngồi - trà nước và tiếp chuyện. Người Nhật thường quý khách và tiếp khách rất tận tâm, niềm nở. Cái cười, cái n ắ m, cái duyên dáng, cái bộ điệu của họ. đàn bà Nhật lúc tiếp khách của mình ở nhà hoặc khách hàng ngoài cửa tiệm chưa c ó người đàn bà nào trên thế giới chu toàn bằng.

Nhà của người Nhật rất chật chội, n ằ n nhiều nhà phòng khách cũng là phòng ngủ, phòng làm việc, học hành cũng chỉ chung một phòng. Đồ dùng của Nhật Bản kỹ công kênh như đồ dùng của Âu Châu. Ban ngày họ bày biện ra thành gian phòng khách, ban đêm họ thu xếp lại để thành phòng ngủ. Người đàn bà Nhật lo chu toàn mọi việc trong nhà nên gọi là gia nội. Ngoài cái nhà ra là bốn phận của người chồng, không còn là bốn phận của đàn bà nữa. Bởi thế cho nên có nhiều chính khách Nhật Bản đi đâu cũng chỉ đi có một mình, ít khi mang

gia nội theo. Trong khi đó, người Âu Mỹ đi đâu cũng có nội tướng đi theo - có thể để giúp đỡ đấng lang quân - mà cũng có khi đi dòm ngó - xem thử chồng mình có nhỏ to gì đây. Vì đàn bà ở đây được coi trọng.

Nhưng theo Đức Phật và Đức Chúa cũng như những vị Giáo Chủ của các Đạo khác v ẫ n tôn trọng giới nữ; nhưng chưa được b ằ n h đẳng cân xứng với đàn ông. Vì họ có nhiều nghiệp lực cần phải tu sửa nhiều hơn nữa.

Người Nhật ăn sáng 10 phút, ăn trưa 15 phút và ăn tối khoảng 20 phút là nhiều. Họ làm gì cũng có tính cách vội vã; nhưng rất chu đáo, kỹ lưỡng và sạch sẽ nhất nhì trên thế giới. Tôi đi khắp năm châu, đọc ngang qua bốn bề không biết bao nhiêu lần chỉ đ ể biết rằng người ăn ở sạch sẽ nhất thế giới là Thụy Sĩ, nhì là Nhật và Đức, ba, tư, năm, sáu là các nước khác ở Úc, Âu và Mỹ Châu. Ngôi chùa đã sạch còn phải được sạch hơn nữa. Có một lần một vị sư Nhật bảo t ớ i rằng: "Nếu mình lau cái nhà không sạch, làm sao lau cái tâm mình cho sạch được". Tôi búng tỉnh về câu nói ấy, mãi cho đến bây giờ hay cho đến tương lai xa với câu nói ấy cũng sẽ là đề tài thiền quán của tôi khi tham thiền cũng như lúc tụng niệm. Người Việt Nam chúng ta nếu thấy nhà sạch cứ để đến đờ nhớp mới lau chùi, trong khi đó Người Nhật vẫn lau chùi hằng ngày mặc dầu nhà rất sạch. Hai hoàn cảnh và 2 thái cực khác nhau - nhưng nếu chúng ta l ầ m được như người Nhật có lẽ chúng ta đã kỹ có ngày hôm nay, cam phận lưu dầy ngoài quốc như thế này.

Người Nhật chỉ biết có làm việc và l ầ m việc - lúc nào cũng chăm chú vào việc làm. Họ chỉ cần 1 đến 100 người giỏi là cả nước đều giỏi - nhưng nếu 100 người đứng đầu đó đi sai thì cả dân tộc ấy cũng sa l u ồ n. Tốt cũng không ai bị như trong hiện tại mà xấu cũng không ai bằng như chiến tranh Đại Đông Á hồi đệ nhị thế chiến (1939-1945). Trong khi đó Việt Nam chúng ta quá nhiều nhân tài nhưng chúng ta không chịu đầu phục, nên vận nước mới suy vi. Người Nhật hiểu được như vậy là nhờ vào tinh t h ầ n dân tộc và mạch sống tâm linh của P h ậ t Giáo. Còn chúng ta - dân tộc vẫn có - nh ằ ch chỉ là dầu mỡ chót lưởi - Phật Giáo vẫn còn đây - nhưng không có nhiều người phụng sự và hết lòng - Rất thờ ơ với niềm tin vào Tôn Giáo và rất dễ dãi với chính mình

xem tiếp trang 58

# Văn chương nhân đạo

NGUYỄN VIỆT QUANG

Bạn mến, bạn đã từng bảo tôi rằng một tác phẩm văn chương phải có một trong ba yếu tố: nhân tính, nhân đạo và nhân bản mới xứng đáng là một tác phẩm văn chương. Tôi không có điểm nào mà không đồng ý với bạn. Đúng nên một nhân vật rất người, có nghĩa là không siêu phàm như tiên thánh, mà cũng không xấu xa tàn nhẫn như ác quỷ, và cho nhân vật đó sống một đời sống tầm thường như đời sống đa số bằng dân thiên hạ. Đó là văn chương nhân tính. Nhân vật và đời sống, trong tác phẩm rất sống thật (authentique) không dự ng nên bởi phùng biến cố do óc tưởng tượng của tác giả là một việc khó làm. Bạn mà đọc loại tiểu thuyết diễm tình của Barbara Cartland, của Quỳnh Dao, của Bà Tùng Long, của Sĩ Trung, của Ngọc Linh và của An Khê, bạn sẽ thấy đời sống trong đó thật sôi nổi, đầy gây cảm, éo le. Các nhân vật đứng ở hai bình diện tương phản rõ rệt: một thứ thì hiền như Bụt, một thứ thì dữ như ác quỷ để tranh chấp nhau, tạo nên những mâu thuẫn, những hấp lực. Nhưng đó là loại diễm tình, rất được lớp bình dân ngưỡng mộ, nhưng đó không phải là những tác phẩm văn chương vì nó chỉ phản ánh óc tưởng tượng của tác giả, mà không phản ánh được đời sống. Nhưng khi bạn đọc các tác phẩm của Katherine Mansfield, của Bùi Hiền của Trần Tiêu và nhất là bộ trường giang tiểu thuyết "Jalna" của nữ sĩ Mazo De Laroche, bạn sẽ thấy tác giả dựng nên nhân vật rất sống thực, có cá tính, có đời sống dộc đáo mà chẳng cần những gây cảm, những biến cố éo le, những nghịch cảnh...

Đi lên trên tuyệt đỉnh tư tưởng Tây Phương, văn chương nhân bản do Henry Miller chủ trương, bắt đọc giả nhìn vào ý nghĩa cuộc đời để cùng ngậm ngùi cho kiếp nhân sinh. Điện ảnh gia Elia Kazan sau này lại xoay qua viết tiểu thuyết, và là một cây bút nhân bản được các tư tưởng gia Hoa Kỳ tán thưởng, điển hình nhất là cuốn "The Arrangement"

Những bạn ạ, đã là một cây bút nhân bản, tức là hàm chứa tư tưởng nhân đạo rồi. Con người, từ bấy lâu sống như mù quáng, chưa từng tra vấn về thân phận con người, chưa từng thấy được kiếp phù sinh thế tạm, một nhà văn nhân bản là phải giống lên một tiếng chuông báo động. Đó cũng là một hành vi nhân đạo, phải không bạn? Biết xót thương cuộc đời, há không phải biểu lộ được tấm lòng từ bi hay sao?

Ở bài này, tôi có dịp nói với bạn về văn chương nhân đạo mà thôi. Victor Hugo đã đem lòng thương xót lớp người nghèo khổ để viết lên cuốn "Les Misérables". Bà Beecher Stove đã thương xót lớp dân nô lệ da đen bị bọn chủ da trắng bóc lột, ngược đãi nên Bà đã viết lên cuốn "La Case de l'Oncle Tom" tức là "Căn lều của chú Tom". Đó là hai tác phẩm tiêu biểu lòng nhân đạo sáng giá nhất. Ở trong văn chương Việt Nam từ thập niên 50 đã có Nhật Tiến qua các tác phẩm "Những Người Áo Trắng", "Chuyện Bé Phương", "Chim Hót Trong Lồng", "Tay Ngọc" nói lên nếp sống đáng thương của các em cô út lạc loài. Đã có Lê Tất Điều viết lên cảnh sống lớp người mù lòa trong quyển "Đêm Dài Một Đời". Lên trên mức độ diễn tả cao hơn, nhà văn Võ Phiến đã nói lên những lớp người gượng gầy nạn nhân của chế độ Cộng Sản qua các cuốn "Người Tù", "Chữ Tình", "Mùa Đem Cuối Năm", hay lớp dân quê sống xa ánh sáng văn minh trong các quyển "Về Một Xóm Quê", "Thư Nhà" ... Đến Dương Nghiễm Mậu thì cuộc sống của các nhân vật thật bị dật hơn, luôn luôn bị đe dọa bởi thời cuộc, chiến tranh, nghèo đói qua "Cũng Đành", "Tuổi Nước Độc"... Lê Tất Điều, Nhật Tiến khi diễn tả một cảnh tượng thương tâm, lối văn họ trở nên tha thiết bày tỏ bộc trực trách nhiệm cảm bút và khuynh hướng của mình một cách rõ rệt. Trường hợp Võ Phiến thì khác hẳn. Ông sử dụng lối văn đùa bỡn, dĩ dìm để về chân dung nhúng



nhân vật đáng thương trong tác phẩm của mình. Người đọc có thể cười từng chập với ông nhưng khi đường sự xếp sách lại, tâm hồn tràn ngập thương xót, ngậm ngùi khổ tã. Đường Nghiễm Mậu cũng vậy, lối diễn tả của ông đôi lúc sắc bén, tương chừng như lạnh lùng độc ác. Vậy mà độc giả vẫn bất gập ông sự ưu tư, niềm khoắc khoải đối với lớp người thiếu may mắn ở cuộc đời, lớp người nạn nhân của chiến tranh, nạn nhân của các cuộc phong ba lịch sử, nạn nhân của thế hệ sụp đổ cả niềm tin.

Nếu bạn đọc "A.Q.Chính Truyện" của Lỗ Tấn, một văn hào vào đầu thế kỷ 20 của Trung Hoa bạn sẽ thấy ngòi bút của ông tàn nhẫn, châm chọc, bén nhọn lột trần những hèn yếu, nhũg xỏ lá của một nhân vật bị cuộc đời không chế, hất hủi và bạc đãi... Đọc xong q u y ến sách, bạn sẽ thấy hình nhủ mình cũng có vài điểm giống như nhân vật đó. Nhưng ai cũng phải nhìn nhận rằng Lỗ Tấn là một cây bút nhân đạo. Ông muốn mỗi cá nhân chúng ta nhìn ngậm lại mình, để thương xót, hòa đồng vào lớp người bất hạnh. Ai cũng có vài điểm hèn yếu, độc ác mai phục ở bên trong, ta phải nhìn ngậm lại ta để mơ lòng bao dung với k e hèn yếu. Tôi còn nhớ cuốn phim "La Strada" của Frederico Fellini, Zampo là một tên cục súc, bẽ mặt có vẻ khô khan tàn nhẫn. Hắn xuất thân từ giai cấp nghèo đói, dốt nát chuyên nghề hát xiếc dạo. Zampo đến một làng gần ven biển mua một cô gái dân dòn tên Gelsomi-na để cùng đi trình diễn dạo với hắn. Hắn huấn luyện cô ta bằng roi vọt, nhưng trong thâm tâm hắn không hề ghét bỏ gì cô ta. Hắn cứ tưởng cho cô ta ăn no, dạy cho cô ta biết đánh trống là tốt lắm rồi vì Gelsomina khi sống ở làng cũng nghèo đói, thiếu ăn, thiếu mặc. Gelsomina tuy bị Zampo hà khắc, nhưng lại yêu hắn ta, vì tự thâm tâm cô nghĩ mình là kẻ vô dụng, chẳng biết làm gì nên thân. Nhưng một hôm, Zampo và Gelsomina gặp một tên nghệ sĩ làm trò xiếc trên dầy. Gelsomina qua, lúc tâm sự với hắn, mới hiểu đôi chút, l à một viên sỏi tâm thường cũng có một vai trò, một ý nghĩa trong đời sống. Zampo n h ậ n thấy tên nghệ sĩ dụ dỗ Gelsomina bỏ mình ra đi, hắn giết tên nghệ sĩ kia rồi cùng Gel-somina dẫn thân trên đường lưu diễn dài thăm thẳm. Tình thương mến đã nảy n ó t r ong lòng Zampo, nhưng vốn dốt nát, cục súc, hắn đâu biết bày tỏ tình cảm của mình cách nào. Đọc đường Gelsomina ngã bệnh nặng. Nhận thấy mình không còn cách nào đem G e l somina theo, Zampo bỏ nàng ở dọc đường, đem hết số tiền còn lại tặng hết cho nàng.

Ít lâu sau, có dịp trở lại nơi mà mình đã bỏ Gelsomina, Zampo chợt nghe một người đàn bà nhà quê đang phới ào hát bài hát mà hắn đã dạy cho Gelsomina. Zampo tiến lại người đàn bà hỏi thăm xuất xứ của bài hát. Người đàn bà kể rằng có cô gái tên Gelsomina bị bệnh nặng nằm ở trên lễ đường, được cơ quan tư thiện trong làng đem về săn sóc. Cô t a bình phục, nhưng không bao giờ thêm nói năng với ai, suốt ngày chỉ hát bài hát đó, và sầu khổ cho tới chết.

Zampo nghe qua, lặng cả người. Trong tâm hồn nghèo nàn tình cảm của hắn bỗng dỗi mới. Hắn uống rượu cho tới say khướt, chạy lang thang trên bờ biển rồi ngã quỵ, bên tai vẫn nghe văng vẳng tiết điệu bài hát mà hắn đã dạy cho Gelsomina.

Phim "La Strada" đâu phải chỉ là một kiệt tác phẩm của nền điện ảnh Ý Đại Lợi, mà n ó là tác phẩm siêu tuyệt chung cho cả thế giới, cả nhân loại. Nó gợi ca niềm tin về giá trị của con người vì trong đời sống này, chính tình thương yêu giúp cho ta tìm giá trị ở tha nhân. Nhưng ngày đồng cam cộng khổ với Gelsomina, Zampo mới nhận thấy nàng thủ l ị vai trò rất quan trọng trong đời sống tình cảm của hắn và luôn cả cuộc đời lưu diễn của hắn. Nàng vẫn có một giá trị ít ra đối với hắn, chứ không phải là cô bé báo cô hắn sống hoàn toàn nhờ hắn. Cái chết và tình yêu của Gelsomina giúp cho Zampo tìm đ ư ợ c tình thương xót, sự rung động của trái tim và ánh sáng thiên lương. Cuốn phim gợi c a tình người, giá trị ở mỗi con người và ít ra cũng dạy cho chúng ta một bài học về s ự nhân đạo.

Tôi sẽ kể luôn cho bạn nghe cuốn phim "Barberousse" của Arika Kurasawa. Một y sĩ Nhật Bản thuộc loại tân học đã từng du học ở Hòa Lan, khi trở về nước đến giúp đỡ một bệnh viện mà người giám đốc chỉ là một thầy lang (guérisseur) trị bệnh cho bệnh nhân b ấ n g khoa học đông y cổ truyền. Lúc đầu, viên y sĩ có vẻ khinh thường thầy lang râu hoe đ ố

ấy. Nhưng dần dà, viên y sĩ cảm thông sự tận tụy, lòng bác ái của lão thầy lang râu hoe đó kia. Chẳng có dịp săn sóc một em bé gái mười tuổi ở một kỹ viện đau nặng. Em nghi kỵ mọi người, luôn luôn có âm ảnh bị mọi người lợi dụng, ngược đãi, đánh đập vì ở kỹ viện em đã từng là nạn nhân những cảnh đó. Lúc đầu, em nghi kỵ viên y sĩ, sau đó sự chán thành của chàng cảm hoá được em. Em lơ lảm mất cái chén của chàng; hồi hận quá, em bỏ bệnh viện đi ăn xin để có tiền mua một cái chén khác. Viên y sĩ đi tìm em, hỏi em tại sao bỏ bệnh viện, hay là chàng có làm điều gì để em buồn lòng. Lần đầu tiên em khóc vì cảm động, ôm chầm lấy chàng. Giọt nước mắt đầu tiên sau bao năm ở kỹ viện giúp em tìm được ánh sáng thiện lương, sự rung cảm về tình người. Khi chàng ngã bệnh vì quá tận tụy với chức vụ, chính em là kẻ hầu hạ bên giường chàng và săn sóc cho chàng. Bên ngoài, tiết trời đông dần tàn, mùa xuân đến, đổi mới vạn vật, và đổi mới tâm hồn của em và của người y sĩ tây học kia. Họ quyết gửi liều cuộc đời họ vào bệnh viện, bên cạnh lão thầy lang râu hoe đó kia.

Trong phim "Barberousse" có nhiều cảnh thương tâm khác như cảnh cô gái điên loạn vì bị hãm hiếp, cảnh ông già cộc dòn bị vợ phụ rầy, đứa con gái bị mẹ quá ghép lấy d ư ợng, ghê, cảnh người đàn ông khổ sở vì mối tình ngang trái, cảnh mô xe theo ngành y học c ố truyền khiến cho bệnh nhân đau đớn, quằn quai, cùng các cảnh nghèo đói khác... Tất cả về lên từng cuộc đời bị d ấ t, kết hợp thành tấn thảm kịch lớn của kiếp phù sinh. Và trên những cảnh ấy, tình nhân loại chan hòa tuổi mới, làm cho khán giả rung cảm trước l ờ i ngòi ca thâm viễn nhất, tha thiết nhất của tình người.

Đó là một cuốn phim nhân đạo, bạn ạ. Vậy bạn hiểu thế nào là một tác phẩm văn c h ường nhân đạo đây?

Văn chương nhân đạo không phải chỉ diễn tả cảnh nghèo đói, áp bức của lớp người kém may mắn. Nó không phải chỉ đơn thuần là những bài học luân lý mà chúng ta đã học q u a ở chương trình tiểu học. Nó phải vượt lên trên những quan niệm thông thường về lòng nhân đạo. Nó còn phải đưa con người vào ý niệm đập vỡ những đau khổ, mù quáng vây chặt tâm linh để tìm về ánh sáng thiện lương, về cái căn bản thánh thiện đã sẵn có của con người.

Đôi lúc, văn chương nhân đạo còn vượt qua khỏi thành kiến của con người, vượt qua những nguyên tắc luân lý khô cứng để đưa con người đối diện với cái hạnh phúc nhân t i ền. Chẳng hạn như cuốn "L'Amant de Lady Chatterley" của D.H. Lawrence. Tác giả tả cảnh đời cô đơn, thèm khát nhục dục của một phu nhân quý tộc sống bên cạnh người chồng tàn tật bất lực về sinh lý. Nàng tình cờ gặp một người coi giữ thú săn trong lãnh vực rừng tư hữu của chồng mình. Nàng thêm khát h ấ n, tìm cách gần gũi với h ấ n và cảm thấy mình hạnh phúc với h ấ n. Sau cùng nàng từ bỏ địa vị quý tộc để theo tình nhân, giúp cho h ấ n tìm l ỗ ở làm ở h ấ n m ỏ. Phần cuối truyện là bức thư người tình nhân gửi về, hứa hẹn và hy vọng cuộc sống lứa đôi tốt đẹp mai sau... Trong truyện, tác giả có diễn tả khá nhiều cảnh làm tình với những động tác khá trắng trợn. Cuốn sách ra đời vào năm 1939, vào cái thời kỳ mà Xã hội Tây phương còn úy kỵ về chuyện bày tỏ sự giao hợp một cách lộ liễu. Dĩ nhiên, cuốn sách bị đình bản, tác giả bị lôi ra tòa. Nhưng mà, đọc kỹ lại, ta có thể nhận ra đây là tác phẩm văn chương, không rơi vào loại dâm thủ hạ cấp. Người đọc cũng có thể tìm ở tác phẩm sự kích thích dục vọng; nhưng nếu bạn có một trình độ hiểu biết về văn chương về quan niệm sống, bạn sẽ thấy tác giả ca tụng hạnh phúc nhân tiên ở cuộc sống mặc khai tình yêu một cách chân thành. Đây là một tác phẩm nhân đạo, theo quan niệm của người Tây phương. Nó bày tỏ quan niệm của một người đàn bà khước từ địa vị vàng s ố n lạnh lẽo, một cuộc sống lứa đôi già đời, để chấp nhận cảnh nghèo với tình yêu chân thành. Do đó, tác giả thắng kiện, cuốn sách tiếp tục cho xuất bản nhiều lượt.

Luôn tiên, tôi giới thiệu bạn cuốn "Tim" của nữ sĩ Colleen Mc Cullough, một tác giả ăn khách hiện đại của Hoa Kỳ. Tim là một chàng thanh niên thân xác là trai 24 tuổi, nhưng khớ khạo, trí thông minh nẩy nở như trí thông minh đứa trẻ. Tim được cha mẹ và em gái yêu thương vì trong tình thương của họ có ẩn một sự xót xa, sự chơ chơ đối với kẻ tật nguyền về phương diện tâm trí. Tim khớ khạo, ngốc nghếch, nhưng đẹp trai và thánh thiện



Tim gặp cô gái già Mary rất thành công trên đường đời, nhưng hơi thất bại về tình yêu. Thế là tình yêu này nở giữa chàng ngọc và cô gái già. Tim khó khăn nào biết ai đẹp, ai xấu, chỉ biết Mary tử tế với mình. Còn Mary yêu Tim vì Tim đẹp, khuôn mặt thanh khiết, không nhiễm một mưu toan, một sự sân hận nào. Mẹ của Tim bị bạo bệnh và chết thình lình. Cha Tim già yếu quá rồi, trước cái chết của vợ như mất điểm tựa lo âu, chỉ đợi ngày theo vợ xuống mồ. Em gái Tim thì đi lấy chồng. Cha Tim lo sợ rồi đây Tim không có chỗ tựa nương, đâu Tim vẫn làm thợ hồ, thợ cắt cỏ, nhưng ai là người chịu săn sóc, nâng đỡ Tim. Sau nhiều lần đắn đo, sau nhiều lần được người bạn chân thành khuyên nhủ, Mary g u yết định kết hôn với Tim dù tuổi tác hai dằng chênh lệch, không thuận nhận với người thế tục. Quyển sách không hẳn là mô tả một cuộc tình, mà nêu lên một điểm tựa tinh thần của những kẻ lạc loài về phương diện tình cảm. Cuốn sách còn nêu lên sự mâu thuẫn của tình yêu. Tình yêu đã xóa nhòa địa vị trong xã hội, sự đẹp hoặc sự xấu về dung nhan. C u ô n sách làm cho độc giả thêm yêu cuộc đời, mặc khải lên sự tin tưởng vô biên về tình yêu. Nó gạt rửa những bi quan, những sự làm dang trí thức cổ tình bôi đen cho cuộc đời thêm bi đát.

Vậy, một tác phẩm nhân đạo là song song với niềm thương xót kẻ bất hạnh, thương x ó t kiếp phù sinh còn phải đưa độc giả tìm về sự giải thoát những đau khổ tinh thần, những bóng tối tâm linh để tìm về ánh sáng thiện lương, về niềm vui sống.

Thường xót tha nhân, thường xót kiếp phù sinh... đó là con đường đưa vào nền văn chương nhân đạo. Văn chương hiện sinh, văn chương nhân bản cũng nằm trong văn chương nhân đạo. Tự thiên trường ca lục bát "Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh" của thi hào Nguyễn Du cho tới cuốn "Buồn Nôn" (La Nausée) của Jean Paul Sartre, cho tới cuốn "Roy" của Royer Pey-refitte với biết bao cuộc làm tình trạng trọn cũng đều hàm nhuần tư tưởng nhân đạo. Chúng đều phản ánh sự thương xót, sự tha thiết của tác giả chứng trước cảnh ngộ thường tâm của kiếp phù sinh với từng lớp người tiêu biểu, với từng nhân vật điển hình...

Bạn là người tu pháp môn Tứ Vô Lượng Tâm (Tứ, bi, hỷ, xả), khi cầm một tác phẩm văn chương lên, bạn sẽ thấy ngay tác giả có chân thành đi vào con đường văn chương nhân đạo hay không? Nền văn chương qua thế giới Cộng Sản cũng chống cường hào ác bá đây, cũng bình vực lớp người nghèo khổ đây... Nhưng bạn ạ, họ không có chân thành thương xót lớp nghèo. Kém may mắn đâu. Họ dùng văn chương nhân đạo để tuyên truyền chủ nghĩa của họ. S o n g song với vụ bài xích tệ đoan xã hội, những cây bút văn chương Cộng Sản còn gây cho độc giả sự cam phân, sự hận thù, những mâu thuẫn trầm trọng để dựa tới cuộc đấu tranh giai cấp... Một cây bút nhân đạo thì không thể vì trong tác phẩm của họ hàm chứa sự b a o dung, thâm mật và tràn trề chất lượng tư bi nữa. Cộng Sản còn lợi dụng các tác p h â m nhân đạo nổi danh, rồi cho dịch lại bằng tiếng của nước họ, để tựa tuyên truyền cho chủ nghĩa họ. Bạn là kẻ sáng suốt, chắc chắn bạn sẽ thấy tác phẩm thì lúc nào cũng tốt cả, nhưng bài tựa thì nguy hiểm và độc hại vô cùng, phải gạt bài tựa qua một bên.

## Bài thơ cuối năm

Từ thuở ban đầu đã có xuân  
 Có hoa, có bướm, có giai nhân,  
 Mà sao cứ báo xuân là mới.  
 Ta thấy mùa xuân đã héo dần.  
 Gió đây thảng lộn năm tàn,  
 Màu xanh chưa trở, màu vàng đã phai.  
 Nhìn đâu đâu, nhớ ai ai...  
 Lại nghe những tiếng thơ dài cỏ cây.  
 Xác xơ vườn cũ đấng mai gầy,  
 Đá mốc mở màng giấc ngủ say.  
 Mấy bạc thêm rêu năm, chết lịm  
 Mà nghe ngày thảng cứ dần bay.  
 Không gian còn một góc này.  
 Biển trời đâu? Tâm lòng say thưở nào?  
 Đo chiều sâu, ước chiều cao,

Đêm đêm lúng túng đi vào tâm tư.  
 Còn tác gang mà nghiền lối ư?  
 Sớm sương, chiều gió nào lòng chứa?  
 Nghe mùa xuân cửa trong lòng đất,  
 Ta chẳng mong ta chẳng đợi chờ.  
 Từ khi lạc bến xa bờ,  
 Bâng khuâng thu đến, hững hờ xuân sang.  
 Buồn vui đành đã dờ dang,  
 Nhớ khi chợt nhớ, quên càng vội quên.  
 Chiều hôm lúng túng áng mây hiền,  
 Ta ngoảnh trông về neo cổ viên.  
 Chợt thấy vàng bay rơi một lá,  
 Sững sờ ta tưởng bóng người quen.  
 Lá đã trút nhiều tâm sự  
 Gửi cho gió lạc sương rơi.  
 Buồn sao buồn thế ai đi.  
 Kia mùa xuân đến: Hoa rơi, lá vàng!  
 HÀ NGỌC DÙ (KREFELD)

# TẠP GHI VỀ NGÀY LỄ SONG THẬP

Đài Bắc rực rỡ ánh đèn màu. Những ngày trước đó và sau đó, Thủ đô thật vô cùng lộng lẫy và ngoạn mục - nhất là về đêm - Phủ Tổng Thống và những đại lộ bao phủ bởi đèn màu. Đèn dây tưởng, đèn lấp lánh trên từng nhánh lá. Đèn bao phủ những công viên. Tưởng chừng cả thành phố được làm bằng đèn muôn sắc!

Ngày 10.10. Ta đứng trên lầu thứ 7 - Viện Phật Học Linh Sơn - nhìn xuống đoàn diễu hành lộng lẫy đủ màu đủ vẻ. Người Đài Loan từ các nơi về thăm phục thủ đô và Tổng Thống họ. Tổ niềm tri ân và đoàn kết. Nam phụ lão ấu, các đại diện tôn giáo và tусi cả sắc dân sơn cước nữa. Âm nhạc từng bừng xe hoa nườm nượp. Lân và rồng uốn lượn trên những đường phố tự do. Chim bồ câu thật và chim bồ câu sắt mang bong bóng và k h ói màu thả dây trời. Ban đêm thì pháo bông rực rỡ!...

Ta ngậm ngùi nhớ đến nước non và dân tộc Việt Nam. Đài Loan thật là một hòn đảo bé tí teo, nhưng thật là gan dạ và tốt phước. Ôi Tây Tạng cheo leo. Ôi Việt Nam hùng vĩ đứng.

... Rồi buổi sáng đi về khu Đại Học  
Mắt cay cay mình cứ nhớ Sài Gòn  
Những đại lộ bóng mềm như lụa bọc  
Nắng thắm, mướt và gió mát trường đường

Thì ra những gì đã học trong kinh sách, những tháng ngày ngồi thiền quên ăn bỏ ngủ chưa làm tâm hồn này rắn lại, chưa làm con tim này đứng vững!

Những lần đi hành hương mấy chục cây số đường bộ, những lần leo núi thoát mồ hôi giữa trời tuyết phủ trên ngọn Hy Mã Lạp Sơn cao 4-5 ngàn thước. Những lần tắm nước ngọn sông Hằng vừa tan ra từ đá lạnh trên đỉnh tuyết cao, cho đến tưởng máu tim đông lại, vẫn chưa làm đồng đặc giòng máu ở trong da vàng!

Đạo sư hỏi "Tại sao con xuất gia".

Bạch Thầy vì muốn làm tròn lời nguyện năm xưa - "Nguyện gì?" Về phục vụ cho người Việt Nam hải ngoại đang thiếu tu sĩ - Đạo sư lạnh lùng: "còn thể giới thì sao?" im lặng ...

Ở Đài Loan hầu như động đất đều đều. Ta nằm trên giường từng thứ hai nên cảm thấy rất thật. Có những lúc động đất mạnh như trời long đất lở. Có những lúc động đất nhẹ như vồng mẹ ru con. Ta thấm thía cái vô thường của vạn hữu... Nhưng dân Đài Loan vẫn sống hân hoan, vẫn phồn thịnh và se sua dài các. Thủ tục hành chánh và nhập trường vẫn rất khắc khe. Ngồi ghi tên vào hồ sơ ở Đại Học, giữa một cơn động đất bất ngờ. Sáu tiếng lâu rung rinh. Ta mỉm cười im lặng lẽ. Rồi có thể một ngày - những bàn giấy và những lăm lăm hành chánh này sẽ chìm lịm với khối đất liêu yếu của Đài Loan chăng?

Trời tháng 10 ở Đài Loan nắng còn chang chang. Thế mà đã chùng chần đông dày k í n mít. Khoác áo len áo ni dày người. Tối ngủ thì cứ đóng bùng hết cửa lại. Cả ban ngày cũng vậy. Hễ có tí gió là ho hen, là bé quan tòa càng! Này cô ơi! Mở cửa ra cho thoáng "Sợ lạnh quá!".

Phật Học Viện của Thầy Tịnh Hạnh d ự ợ c chiếu cố hơi kỹ nên sinh viên ghi tên khá đông và số "nội trú" nhiều hơn số phòng. Thế nên có nạn năm "giường lậu". Lẽ ra ta đi tu rồi không được nằm giường cao. Nhưng mà khổ nỗi ai cũng muốn nằm giường dưới. Thôi thì nhường chứ sao. Chắc Phật không có phạt. Trường hợp đặc biệt mà! Có nhiều khi nằm ở trên ngộp và nóng quá ta b ề n leo xuống nằm đất cho tròn với câu "ăn chay...". Nằm từng trên thì hễ động đất thiệt là biết liền. Vì ta ít khi ngủ sớm. Mà nếu ngủ thì cũng giật mình thức dậy ngay. Có khi lại động đất giữa nửa. Đó là khi cô bé bự (hay còn được Sư cô ở đây tặng biệt danh là lão Trư) trở mình phía



đời không hiểu đang thi triển chướng lỵc (=chí công) học ban ngày với ai trong giấc mộng? Gọi là lão Trư vì cô bé núc na núc ních trông thật giống... và thật ngộ. Tuy vậy mà lão Trư rất tốt bụng và chịu khó học đạo cũng như ngồi thiền, nên lão Trư hiền khô. Đã hơn 23 tuổi mà lão Trư trông như em bé 12. Tính tình cũng ngây thơ lắm Ai cũng thương lão Trư. Cho nên khi nào mệt thì để cho lão Trư ngủ dù là trưa cũng không đánh thức. Vì chùa Linh Sơn cũng là giảng đường nên công việc bận rộn luôn. Lão Trư cũng phải giúp, nhiều khi không ngủ trước 1 giờ đêm. Đồng Sư thì t h ường nhau vậy mà. Ngoài ra mới đây còn thêm 1 nàng nữa, cũng thuộc hàng lão Trư nhũ cái môn ngủ thì vô địch!. Ngủ quên ăn quên học quên cả lễ Song Thập và pháp bông! Nhưng được cái là ai cũng hiền khô. Thấy T i nh Hạnh phước dày đạo trọng. Để tử hiền lành ít ai bì! Rất mừng được tá túc nơi đây. Thấy cho tiến đi học tiếng Tàu n ữ a nếu không cũng ...mù (Tiếng Tàu khó, từ học lâu lâu). Bây giờ mới thấy mình có phước. Nghĩ lại nhiều lúc xưa không được t r ợn đạo với quý thầy cô (khi mình còn làm c ư sĩ) lòng ngậm ngùi ăn năn. Hướng về các vị ở phương xa, thành tâm xám hối.

Nếu có ai xét về đức hạnh, chắc tới già ta chưa dám mặc áo tu. Nhưng thôi cũng ráng. Nếu có phạm tội thì chỉ có mình ta đũa ngọc. Còn nếu may mà giữ tròn giới h ạ nh thì trăm họ được nhờ. Vì nghĩ thế nên đánh liều nhắm mắt. Ở bên Miến Điện và Thái Lan chẳng hạn, Đạo Phật cường thịnh dường ấy, thế mà có lắm vị Sư ăn trâu bóm bẻm thì sao! Nhưng quý vị vẫn dắc đạo như thường dạy thiền học trò dù cờ đồng vô số kẻ! Cái thân bên ngoài và cái tâm bên trong chắc là như nước với dầu. Thế nên ở Bohđ-Gaya (nơi Phật thành Đạo) dù các môn phái và tông giáo, đều sát vai nhau mà thờ Phật Cùng nhau trùng tu và gìn giữ "Chùa Chung" Thật là đẹp lòng người lữ khách h à n h hướng. Ta cầu mong khắp nơi đều trở thành Bohđ-Gaya vậy.

Nhớ lại sự tích Ngài A Nan và 500 nữ tín đồ Phật giáo bông con ra đón Ngài, và để con xuống cho chúng khóc, hầu thức t i nh tâm Ngài A Nan, nhân đó hàn gắn sự r ạn nứt giữa ngài và A Thủ, khiến không k h i Phật Giáo trong thành ấy trở lại hòa hoãn như xưa.

ta sẽ để bài học này trên đầu, trong tim để luôn luôn không bao giờ làm lỗi. Luôn luôn kính trọng các bậc tu hành, dù làm môn phái nào cũng vậy. Rộng hơn ta sẽ k í n h trọng tất cả những vị tu hành và các tôn giáo khác...

- "Còn thế giới thì sao?"
- "Bạch Thầy, cho đến khi thành đạo, c o n chỉ có thể làm bốn phận nhỏ bé của mình!
- "Vậy hãy thành đạo trước đã".
- Mô Phật!

ĐÀI BẮC Tháng 10-83  
Ni cô THỊ NGUYỄN

## Sách mới về



Một số sách mới vừa về đến chùa Viên Giác do Phật Học Viện Quốc Tế tư Hoa Kỳ và chùa Khánh Anh tại Pháp ấn hành. Xin giới thiệu cùng với quý độc giả xa gần. Quý vị nào muốn có sách xin gửi thư về chùa, chg tôi sẽ gói hầu Quý vị.

Kiên Thức Căn Bản Phật Giáo-510 trang - 25DM. - Thế Giới quan Phật Giáo 115 trang 8,50DM. Góp nhặt cát đá 116 trang 7DM. Thiên Căn Bản 200 trang 9DM. Niệm P h ậ t Thập Yếu 16DM. Thiên Đạo Tu Tập 20DM. Câu Chuyện Dòng Sông 14DM. Phật Học Phổ Thông tư khóa 1 đến khóa 12 gồm 10 cuốn 120DM. Tổ Thiên Tông 13DM. Cốt tủy Đạo Phật 10DM. Lịch Sử Gia Đình Phật Tử 13DM. Phật và Thánh Chúng 13DM. Lịch Sử Tranh Đấu Phật Giáo Việt Nam 16DM. 2.000 năm Việt N a m và Phật Giáo 16DM. Đường về Cực Lạc 21DM. Phật Học Tinh Hoa 21DM. Con Người S i ê u Việt 13DM.

Sách biếu: Tại Sao ta ăn chay; Bạch y Thân, Chú Quan âm Cửu Khố, Địa Ngục Ký, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại.



# Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thù

(tiếp theo)

Công Chúa hỏi: "Anh được trọng thưởng những bảo vật gì?". Chu Ngột nhìn vợ âu yếm trả lời: "Trọng thưởng thứ nhất là được em, ngoài ra thì không đáng kể". Công Chúa nghe chững đáp rất vui dạ. Một buổi nọ vợ các Vương Tử hội họp với nhau, cô nào cũng khoe về tài đức của chồng mình có lực hùng mạnh tuổi đẹp. Cô vợ của Chu Ngột cũng tự khoe chồng mình trẻ trung xinh lịch lại có công dưới giặc đánh ngoại bang giữ yên nước nhà. Các thiếu phụ nghe vậy lắc đầu lè lưỡi nói: "Thôi cô đừng nên nói nữa, chồng cô xấu lắm người chẳng phải người, thân hình thô kệch, nếu ban ngày cô nhìn thấy cô sẽ thất kinh hoảng hồn co giò mà chạy"...

Vợ Chu Ngột nghe nói khí sắc biến đổi, vừa nhục vừa thẹn. Những cố nhân lẳng lẳng gườm gườm nhìn vào tâm. Trở về tư thất, cô giấu một cái đèn, ở nơi kín, chỗ tối chồng đến nghỉ xong. Cô dựa đèn soi xem mặt, quả nhiên thấy hình tướng đáng sợ hãi, xấu thật, thực là trên đời chưa có một ai xấu đến như vậy. Cô chớ chồng ngủ mê giữa đêm khuya thanh vắng ra xe trở về nước nhà. Trời vừa tảng sáng Chu Ngột thức giấc không thấy vợ chạy trước nhìn sau tuyệt nhiên không thấy bóng dáng một ai. Biết vợ mình đã bỏ đi trong lòng buồn tức, giận dẫu nổi lên, âm âm vác cung cầm bỏi lên ngựa đuổi theo. Thối ấy có sáu ông vua nước bên cạnh, biết vua láng giềng có người con gái đẹp. Nay hay tin cô đã trở về nước nên sáu ông đồng thời đem quân sang biên thùy, đưa thư cho vua xin cầu hôn...

Thấy Công Chúa trở về nhà vua rất phiền não nay lại thêm sáu vua lân cận xin cầu hôn Trong lòng Ngài, bối rối, vì không biết phải giải quyết thế nào? Nhà vua lâm tư vấn triệu tập tất cả các triều thần văn võ bá quan đến thảo luận. Ngài nói: "Công Chúa hiện đã về tới bản quốc, ta lại vừa tiếp được sáu phong thư của sáu vương quốc xin đính hôn cùng Công Chúa. Nếu ta thuận lòng với một ông, thì đối với năm ông kia làm thế nào cho khỏi gây lòng oán giận, gió dấy bá quan giải quyết thế nào cho đẹp lòng cả thì hôn?". Có một quan Đại thần đứng lên tâu rằng: "Tâu Bệ Hạ! Bấy giờ Bệ Hạ hãy ra một tờ cáo thị như sau: Nếu ai có tài đánh đuổi được quân giặc thì sẽ gả Công Chúa và chia nước cho một nửa, ngoài ra còn ân thưởng rất nhiều vàng bạc". Vua đồng ý viết bản cáo thị. Đa La Hầu Đà (Chu Ngột) vừa đến nghe tin liền giắt bảng cáo thị, mang cung cầm bỏi xuất trận, thối, cỡi giường cung bản, các quan quân của sáu ông vua kia đều kinh sợ chạy tán loạn mất cả. Chu Ngột tiến vào hạ thủ sáu ông vua kia thu bắt rất nhiều binh sĩ. Nhà vua hay tin Chu Ngột đã chiến thắng ngự giá ra ngoài thành đón tiếp, và biết rằng chính Chu Ngột con vua Ma Ha Xa Cửu Lợi, anh hùng đã nổi tiếng, hôn nửa lại là con rể của Ngài, nhà vua rất hoan hỷ. Sau khi về hoàng thành xong mở tiệc yến tiệc ăn mừng thắng trận, nhà vua và bá quan suy tôn Chu Ngột làm Đại Vương thống trị bảy châu thiên hạ, Chu Ngột thăng diện nhậm chức bảo lãnh chính quyền, đặt lại các việc triều chính, sửa đổi chánh sách cai trị. Mỗi mang văn hóa đặt các lễ nghi theo chánh giáo dạy dân ăn ở đạo đức, phế bỏ hủ tục và những tà thuyết mê dân xếp đặt các công việc xong xuôi rồi cùng vợ kéo quân về nước...

Hay tin Thái Tử Chu Ngột trở về, vua cha cùng các quan thân hành ra ngoài biên cương đón con. Khi về tới hoàng cung, nhà vua biết con mình là người dù tài đức, nên cất làm Đại Vương. Chu Ngột không chịu tâu rằng: "Muôn tâu Vương phụ! xin ở lại ngôi việc ấy



chứa tối lúc". Nhà vua đành chịu ý Thái Tử ở lại ngôi. Xong cuộc lễ ăn mừng quan quân đều giải tán dẫu về đây. Chu Ngột Thái Tử đưa vợ về cung an nghỉ, lúc đó trách vợ ăn ở bạc tình, có ý phản nản không thật giao kết lương duyên trăm năm trọn đạo. Công Chúa nghe chồng trách móc bèn thưa rằng: "Thưa Thái Tử! vì Thái Tử xấu quá nên khi em coi mặt chàng rất kinh sợ nên mạn phép trốn về". Nghe vợ nói, Chu Ngột lấy gương soi thấy mình quả nhiên xấu thật, trông chẳng khác gì quỷ tự nghĩ rằng: "Thân hình mình xấu ác sống với vợ dễ nằng mải sợ hãi cũng không nên". Tự phát tâm chán ghét không muốn cớ thân ấy nữa ra nói rừng xanh để tự sát.

Khi sắp buộc dây treo lên cành cây, vua Đế Thích ở xa ngó thấy liền bay đến tận nơi hội duyên sự. Chu Ngột đáp: "Tôi bị thân hình quá xấu xí nên muốn tự sát ở nơi đây cho rồi". Vua Đế Thích khuyên can và ban cho hạt minh châu dặn rằng: "Xin dâng tặng Ngài hạt minh châu này để lên đầu, sẽ được thân hình đoan chánh tuổi đẹp như tôi". Chu Ngột cảm tạ nhận lấy hạt minh châu để trên đỉnh đầu quả nhiên thân thể đổi xấu thành đẹp. Khi trở về nhà, không kể cho vợ hay, đi luôn vào bảo tàng lấy cung và bói. Công Chúa thấy chàng thanh niên tuổi trẻ tự do vào lấy cung và bói nàng lấy làm ngạc nhiên hỏi: "Anh là ai mà dám tự tiện vào lấy cung và bói của chồng tôi?". Chu Ngột mỉm cười đáp: "Anh là chồng của em đây!". Công Chúa Đào Liên Thanh tức giận nói: "Anh này điên đảo, chồng ta lẽ ra ta không biết sao? Anh là kẻ nào dám vô lễ tự xưng là chồng ta..."

Chu Ngột tức cười đưa tay lên đầu lấy hạt minh châu xuống, hiện lại nguyên hình xấu xí như xưa. Thấy sự biến chuyển lạ Công Chúa nữa mừng nữa lo hỏi tiếp: "Tại sao lại có sự lạ như vậy? Xin nói cho em rõ". Chu Ngột nói rõ câu chuyện được hạt minh châu và đưa cho Công Chúa xem, Công Chúa vui mừng tin thực đem chuyện này trình lên cho vua cùng Hoàng Hậu hay. Nhà vua cùng Hoàng Hậu rất vui mừng và hãnh diện, khi ấy hoàng đế Ma Ha Xa Cửu Lợi nhóm họp tất cả các quan đại thần trong triều đình mở yến tiệc linh đình và mời cả vua Luật Sư Bạt Ta đến dự. Hôm đó Thái Tử cùng Công Chúa ăn mặc thật chỉnh tề sang trọng, vẻ mặt Thái Tử trông thật khôi ngô tuấn tú và hùng dũng oai vệ, còn Công Chúa thì yếu điệu với bộ xiêm y màu hoàng yến viền vàng và xâu kim cườm óng sáng chói. Nhà vua và Hoàng Hậu của hai nước rất đẹp dạ, tất cả các quan võ trong triều đều tấm tắc khen ngợi đôi uyên ương trai tài gái sắc.

Tự đó vợ chồng yêu nhau rất mặn nồng không còn sự ngang trái nữa, và bỏ tên Chu Ngột đổi lại Tu Đà La Phiến. Ít lâu Công Chúa hạ sanh được một hoàng nam, trông giống Thái Tử như khuôn đúc. Sau một thời gian Tu Đà La Phiến muốn xây cất một thành trì lớn tìm nơi đất bằng phẳng cao mát rộng rãi, sắc lệnh cho nhân dân kiến lập tại đó. Khi ấy có bốn ông Long Vương hóa hình làm người tâu với nhà vua rằng:

- Tâu Bệ Hạ thần nghe biết Bệ Hạ muốn xây thành, vậy Ngài dùng vật gì để hoàn thành. Nhà vua đáp: Tôi làm bằng đất.

Long Vương thưa: Sao Ngài không dùng bằng sắt bảo mà kiến thiết thành trì.

Đáp: Sắt bảo là thứ quý báu nhất, và ít, vì thành thì to lớn quý Ngài tính lấy ở đâu mà ra. Long Vương thưa: Tâu Bệ Hạ việc ấy xin Ngài cho lo để chúng tôi cung cấp cho Ngài làm. Long Vương nói xong, bốn bên khu vực ấy liền biến thành bốn cái suối lớn.

Long Vương chỉ vào bốn cái suối ấy thưa rằng:

- Muốn tâu Bệ Hạ, dùng nước suối bên phương Đông xây cất thì thành này hóa ra ngọc lưu ly. Dùng nước suối phương Nam xây cất thì thành này hóa ra vàng, dùng nước suối phương Tây xây cất thì thành này hóa ra bạc, còn dùng nước suối phương Bắc xây cất, thì thành này hóa ra pha lê.

Nhà vua nghe nói, mừng khôn xiết cảm tạ Long Vương. Bắt đầu khởi sự, quả nhiên đúng như lời nói của Long Vương. Thành ấy quy vương bốn trăm dặm, trong thành làm các cung điện bằng lâu các, mỗi cung quy vương bốn mươi dặm. Cung điện, đường đi, nhà lớn, nhà nhỏ, rừng cây, ao tắm, trường thành thuận bằng ngọc lưu ly pha lê và vàng bạc cực kỳ trang nghiêm đẹp đẽ, chẳng khác Thiên Cung. Ngày hoàn thành này được bảy thứ báu ngọc tự nhiên đầy khe cạn. Tu Đà La Phiến ngự trị tại đây và bắt đầu dạy dân chúng tu theo mười điều lành (Thập Thiện).

Nói tới đây Phật nhắc cho vua Bình Xa biết, rằng: Này Bình Xa ông nên biết vua Ma Ha Xa Cửu Lợi thứ đó nay hiện là Vương phụ của ta (Tinh Phan Vương), bà mẹ sinh Chu Ngột thứ đó nay là thân mẫu của ta (Ma Gia Phu Nhân), Vương Tử xấu (Chu Ngột) thứ đó chính là tiên thân của ta, vợ Vương Tử xấu lúc đó chính là bà Cù Di ngày nay, ông thân của vợ Vương Tử lúc đó nay là ông Ma Ha Ca Diếp. Sáu ông vua lúc ấy dùng binh si áp bức để lấy Công Chúa của vua Luật Sư Bat Ta, chính là Lục Sư bảy giờ. Thời ấy bọn ông đó đã tranh sắc tài với ta, nhưng bị thất bại. Ngày nay cũng do lòng tham danh trục lợi, đòi dẫu sức thần thông, không đủ sức lực chống đỡ cùng đường đâm dẫu xuống sông tự sát còn chín ức đồ quay về theo ta làm đệ tử.

Vua Bình Xa lại bạch Phật: "Kính lay đức Thế Tôn, Thái Tử Chu Ngột đời trước trông nhân lành gì được sinh làm con vua, có sức lực hùng mạnh và tại sao bị thân thể xấu xa cúi xin chỉ dạy cho chúng con được rõ". Phật nói: "Đó là một nhân duyên tử đời quá khứ, tính đến nay đã vô lượng kiếp không thể nhớ được, thứ ấy cũng châu Diêm Phù Đề có một nước lớn tên là Ba La Nại, nước đó có một ông tiên, tu trong núi tên là Luật Sư. Trong núi đó có một vị Tích Chi Phật, người bị chứng bệnh phong, một hôm nọ ngài đến hàng dẫu xin một ít dẫu để trị bệnh". Người chủ nhà hàng dẫu phật lòng nóng giận, lớn tiếng la mắng nói: "Dẫu anh như Chu Ngột (gốc cây cụt), như cục gỗ, tay chân ghê tởm khổ, khổ ở khoảng khoảng chỉ thích rình ròm xin người chớ không chịu mang tiền đến mua, chỉ muốn lấy không?".

Tuy trong lúc giận anh ta nói thế, nhưng anh hàng dẫu cũng cho một ít dẫu cần, song Ngài cũng không buồn giận vì lời nói vô lễ kếm dao đức của anh hàng dẫu. Khi ra khỏi nhà gặp vợ ông hàng dẫu đi chợ về, bà ta mừng rỡ cung kính hỏi han một lòng tôn trọng nói: "Bạch Ngài, chẳng hay Khoái Sĩ từ dẫu đến đây, và xin dẫu cần để dùng vào việc chi". Đáp: "Tôi dùng để chữa bệnh phong". Bà ta tiếp lời: "Thưa Ngài, xin hoan hỷ trở lại để con dâng cúng dẫu thứ dẫu tốt cho Ngài dùng trị bệnh".

(còn tiếp)

(Fortsetzung Seite 39)

Gegenstand folgt. Renn nicht Deinen Gedanken nach, wie eine gestohlene Seele dem magischen Amulett nachrennt. Schiebe es nicht auf, sondern finde Freude und Frieden in genau diesem Augenblick.

Dies ist Deine eigene Zeit, dieser Platz, auf dem Du sitzt, ist Dein eigener Platz. Auf genau diesem Platz und in genau diesem Augenblick kannst Du ein Buddha werden, aber ganz gewiß nicht unter irgendeinem Bodhibaum in irgendeinem späteren Leben. Übe auf diese Weise ein paar Monate lang, und Du wirst anfangen zu verstehen, was die 'Wonne des Dhyana' ist. Dhyana-Wonne ist die Freude, die man erfährt, während man in der Meditation sitzt.

Du weißt, die Behaglichkeit des Sitzens hängt davon ab, ob man die Achtsamkeit jeden Tag ein bißchen oder ob man sie viel übt. Und sie hängt davon ab, ob man regelmäßig sitzt oder nicht. In der Phap-Vän-Pagode sollten wir für die Sozialarbeiter ein ein-stündiges Sitzen organisieren, sagen wir jeden Abend von 22 bis 23 Uhr. Wer den Wunsch hat, könnte herkommen, um eine halbe Stunde oder, wenn er es mag, die ganze Stunde zu sitzen.

(Fortsetzung folgt)



# Lễ Quy Y Tam Bảo

Thích Nhu Điển

Thế nào là quy y Tam Bảo? - Tam Bảo là 3 ngôi báu trong Đạo Phật. Đó là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Phật là đấng tối ỏ ân giác, toàn tri, toàn năng có lòng từ cứu độ mọi loài chúng sanh. Pháp là những lời vàng ngọc phát xuất từ kim ngôn của Đức Phật hay chư vị Tổ Sư. Tăng là những người sống thành đoàn thể, xa gia đình thân thuộc, cắt đứt sự ái ân ràng buộc của cuộc đời - là người thừa truyền giáo pháp của Đức Phật để hoằng hóa độ sanh.

Thế nào nghĩa là Quy Y? - Quy ở đây có nghĩa là trở về, Y là nương tựa. Người thế gian có gia đình - nương tựa vào nhau. Vợ nương vào chồng, con cái nương vào cha mẹ, anh em nương vào nhau để sống - hoặc loài người nương vào xã hội để được bảo tồn. Nhưng những sự nương nhờ trong thế gian ấy không có tính cách vĩnh cửu. Một hôm kia nếu cha, mẹ, anh em, bà con bầu bạn hết đi thì chúng ta có thể nương vào ai được. Những gì của thế gian có, chỉ có tính cách giả đoạn và không vững chắc. Nên người Phật Tử Quy y Tam Bảo tức là trở về nương tựa với 3 ngôi báu ở trên. Thế gian có ích hay đời; nhưng chân lý vẫn bất diệt. Con người sẽ bị luân hồi sanh tử cuốn trôi đi. Nhưng Phật pháp sẽ trụ thế ngàn đời để hướng dẫn chúng sanh đi vào cõi thiện.

Có nhiều người lầm tưởng rằng quy y là xuống tóc. Chứ xuống tóc đi tu có nghĩa là lễ "thê" phát xuất gia" chứ không phải lễ quy y Tam Bảo. Nhiều người sợ rằng tâm mình còn xanh và còn nhiều tội lỗi nên không dám quy y. Người đó hiểu quá lắm. Nếu báo để sửa hết lỗi mới quy y thì lúc đó chắc cũng không cần quy y nữa. Vì chân tâm và thân tâm đã sạch nghiệp rồi. Chúng ta phải quy y ngay từ bây giờ. Giới luật là mô-típ gương chiếu hậu, chúng ta nương theo đó mà thực hành. Nếu không có giới luật ràng buộc, thì người Phật Tử tu không thể

tiến bộ được. Cũng giống như người bộ hành ra đi không định hướng. Vì chưa giữ giới được nên mới tập để giữ giới. Cũng như người chưa biết lái xe phải tập và học luật để lái xe. Nếu đã biết luật và có bằng cấp lái xe rồi thì học lại để làm gì?

Vì thế cho nên, người Phật Tử tại gia cần phải quy y Tam Bảo và thọ trì năm giới căn bản của Đạo Phật. Đó là không sát sanh không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Năm giới trên đây nếu giữ hết được thì tốt; nếu cảm thấy giới nào chưa có thể giữ tròn, lúc thọ lãnh giới pháp, xin nguyện cố gắng giữ. Giới là một chiếc thuyền đưa hành giả qua sông một cách an toàn. Giới là pháp vị thanh lương làm cho con người được giải thoát. Đức Phật có dạy rằng: "Giới sinh ra định, định phát sinh ra trí tuệ". Thật thế, người có giới đức trang nghiêm - những người chung quanh đều cung kính, kiêng nể. Từ đó sinh ra đứng đắn. Từ sự chân chính định tĩnh đó trí tuệ lại phát sanh. Trí tuệ là một pháp bảo của nhà Phật - mà ai muốn tự giải thoát cũng phải cậy nhờ vào trí tuệ. Vậy muốn có trí tuệ, phải định tĩnh, muốn định tĩnh, điều căn bản là phải thực hành giáo pháp, thọ trì giới luật của Đức Phật.

Lễ quy y được tổ chức tại chùa hay tại tư gia khi có lễ lớn như Tết Nguyên Đán, rằm tháng Giêng, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, rằm tháng Mười hay các ngày vía Phật trong năm. Phật Tử có thể chọn bất cứ một vị Thầy nào đã thọ giới Tỷ Kheo, nếu thấy mình hợp với Thầy đó - đến chùa xin một lễ quy y - và xin lễ có thể là từ đứa trẻ mới sinh cho đến người lớn hoặc già. Tất cả đều được khuyến khích và chấp nhận. Thân của chúng ta già đi với thời gian; nhưng tâm không già. Tâm của người Phật Tử tại gia có thể già với thế gian pháp; nhưng Phật pháp thì chưa già. Khi lễ quy y xong quý Phật Tử sẽ

nhận được một phái quy y có ghi rõ những điều cấm giới và kê từ đây, người đã quy y sẽ có một pháp danh (tên trong đạo) do Thầy Bôn Sư truyền trao giới pháp đặt cho. Pháp danh bắt đầu có thể là chữ Minh, chữ Quang, chữ Chơn, chữ Như, chữ Thị, chữ Nguyên, chữ Tâm, chữ Thông v.v... sơ dĩ có sự khác biệt đó là do sự truyền thừa của các vị Tổ Sư của từng tông phái một đã được truyền tại Việt Nam từ mấy ngàn năm nay.

Những người sắp quy y sẽ đến một nơi trước chánh điện đã định sẵn trong chùa. Vị truyền giới sư sẽ giảng cho quý vị nghe thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Tăng và ý nghĩa cũng như sự lợi ích về việc thọ trì năm giới cấm đồ. Những vị quy y lắng lòng nghe thật kỹ và sau từng câu từng đoạn tự mình lập theo và phát lời nguyện trước Tam Bảo để trở thành một Phật Tử chơn chánh của Đạo.

Có nhiều người tự xưng là Phật Tử nhưng suốt đời không đi chùa, chưa biết lay Phật như thế nào thì chưa gọi là Phật Tử được. Phật Tử là những người con Phật, sống thành đoàn thể, hòa hợp và thực hành cũng như xiển dương giáo pháp của Như Lai mới gọi là Phật Tử. Nhiều người bảo rằng tôi chỉ cần tu tâm và tu tại gia chứ không cần đi chùa nữa. Đây là một quan niệm sai lầm quá lớn, vì bị ảnh hưởng bởi tục lệ cổ truyền của người xưa. Nếu bảo rằng: "Tôi không cần đến trường để học, vì ở nhà tôi học đủ rồi. Bằng cấp không cần thiết đối với tôi nữa". Lại là một chuyện sai lầm quá lớn nữa - trường học mở ra cốt để tạo người thực tài, thực dụng có thi cử, có bằng cấp hẳn hoi. Chùa chiền xây dựng lên để đào tạo lớp người thực tu, thực học và thực chứng - không phải dựng chùa lên để làm cảnh du lịch cho khách thập phương. Vì thế việc đi chùa và học đạo, tu đạo của Phật Tử là cần thiết. Nếu bảo rằng không khi cần thiết cho đời sống mình bao nhiêu thì môn ăn tinh thần, hưởng vị giải thoát của Đạo Phật sẽ không thế nào thiếu trong đời sống hằng ngày của người Phật Tử bấy nhiêu.

Đức Phật dạy rằng: "Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đáng sách". Người chỉ biết tu thân, làm điều lành lành điều dữ - chúng ấy chưa đủ - mà cần phải học hỏi giáo pháp của Đức Phật nữa. Người mà chỉ biết giáo pháp, nói, giảng thao thao

bất tuyệt, nhưng không thực hành theo chân lý của Đức Phật cũng chẳng khác nào cái đũa đứng sách. Vì thế cho nên tu và học phải luôn luôn đi đôi với nhau như nước với sóng, củi với lửa. Không thể thiếu một trong hai thứ đó được. Vì vậy người Phật Tử điều cần bản là phải siêng năng đi chùa lễ Phật, học hỏi giáo lý, thực tập những hạnh lành, quy y Tam Bảo, thọ trì những giới cấm là điều cần thiết hơn mọi sự cần thiết trên thế gian này.

Ta sinh ra từ chỗ không mà đến - Đến để đi - đi để trở về không. Lúc chết đi, của cải, tiền tài, danh vọng, địa vị, vợ đẹp, con ngoan, không một ai có thể theo ta được; ngoại trừ nghiệp lực chiêu cảm của ta bắt buộc phải theo ta mà thôi. Vì thế nghiệp lành hay dữ, thiện hay ác trong quá khứ có liên hệ rất nhiều trong hiện tại và có ảnh hưởng đến vị lai rất nhiều.

Vậy điều cần yếu của người Phật Tử là cần phải quy y Tam Bảo và thọ trì giới cấm của Đức Phật để cho Đạo Phật được phát huy, con người càng ngày càng thân thiện - không hận thù, không chiến tranh và không tạo cảnh chém giết với nhau trong tình thương yêu đồng loại nữa.



### tiếp theo trang 47

- nếu còn như vậy thì 3 hay 500 năm sau nữa - cứ đà này mà đi xuống thì kỹ cách nào mà tiến bằng Nhật Bản như ngày hôm nay được.

Viết về một dân tộc - trên mọi bình diện không phải là dễ - mà điều khó hơn nữa là làm sao bắt chước được những cái đáng làm và nên làm mới là điều đáng lưu tâm. Hy vọng rằng "Đường không biên giới" sẽ còn đi mãi và kỳ sau sẽ về tận quê hương yêu dấu của chúng ta - Việt Nam trở về.

(còn tiếp)



# CÔNG ĐỨC

## THỌ TRÌ CHÚ ĐẠI BÌ

### NIỆM QUẢN THỂ ÂM BỒ TÁT

Hồi ký T. NGUYỄN TRÍ

Cách đây gần hai mươi năm, khi tôi còn là một tăng sinh, được sự chuyển chuyên của Phật Học Viện đưa tăng sinh đi tông học ở các Phật Học Viện trên toàn quốc. Vào năm tôi học Trung đẳng được đưa từ Phật Học Viện Bảo Quốc (Huế) vào Phật Học Viện Liễu Quán (Nha Trang). Khi vô đến nơi thì còn một tuần lễ là đến ngày An Cư Kiết Hạ mỗi năm ba tháng, từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy.

Một hôm nọ đến giờ công tác toàn thể chúng phải ra khu vườn sau chùa dọn dẹp vệ sinh và trồng rau cải; riêng tôi làm tri khách phải lo nước nấu phòng ốc, tiếp khách trong nhà. Ấm nước vừa sôi tôi xách ra pha trà, xảy có tiếng động bên ngoài, nhìn ra tôi thấy một vị Tăng từ từ đi vào phòng khách tôi nhìn kỹ coi cô phải quý thầy mà tôi quen không nhưng vị Tăng này rất lạ, trên vai mang một cái bị màu nâu đã bạc được và bởi nhiều miếng vải chồng lên nhau, đội chiếc nón lá không vành, đỉnh nón đã mất đi vì trải qua nhiều năm tháng thay vào đó là miếng vải ka ki bạc màu, chân mang đôi dép Nhật cũ kĩ.

Tôi bước ra cửa phòng khách chào Thầy. Thầy ngược nhìn tôi, lúc đó tôi có một cảm giác rất lạ, với những ý phục Thầy y như là một vị Sơn Tăng, với khuôn mặt đầy đặn đôi lông mày dị biệt và nhất là đôi mắt đầy thần lực của Thầy, khiến càng nhìn thấy càng kính phục. Tôi mời Thầy vào trong nhà, pha trà Thầy dùng, qua vài lời thăm hỏi:

- "Bach Thầy con mới đến đây chưa được hạnh diện kiến Thầy, hôm nay con mới gặp Thầy lần đầu tiên. Thầy cho con biết pháp danh?"

- "Tôi là Đông Hải."

- "Bach Thầy, Thầy ở gần đây?"

- "Gần đây nhưng sự thật ứng vô sở trụ."

- "Bach Thầy, Thầy đến đây lễ Phật và thắm viếng hay có duyên sự gì cần đến Hòa Thọ giám đốc không, con đi mới."

- "Không có gì, tôi nghe nói các Thầy sắp nhập hạ thành tôi cũng xuống kể cho vui vậy mà."

Tôi nghe thật lạ, giọng nói thanh, khác với người cùng tuổi với Thầy và tôi chưa bao giờ nghe quý Thầy nói như vậy, chỉ trừ quả thân thiết hay đối đáp về thiền mà thôi. Tôi bưng tách trà mời Thầy, dùng Thầy chẳng nói chi, gương quã tôi để tách trà xuống và theo dõi cử chỉ khác thường của Thầy. Thầy chẳng quan tâm là có tôi đứng bên, độ hai mươi phút sau Thầy mới ra lấy một cái quạt làm bằng mocau Thầy ngồi quạt phe phẩy hình như là không để tâm vào ngoại cảnh và có lẽ Thầy đang thiền định trong cái hành động. Tôi chợt nhớ lại khi Thượng Tọa Nhất Hạnh dạy về Quán niệm tư thể và tác động thân thể. Trong kinh Quán niệm dạy: Khi đi hành giả ý thức rằng mình đang đi, khi đứng ý thức rằng mình đang đứng, khi ngồi ý thức rằng mình đang ngồi. Bất cứ thân thể mình đang được sử dụng trong tư thể, hành giả cũng ý thức được tư thể ấy của thân thể, cứ như thế hành giả sống trong sự thương tiếc quán niệm thân thể. Kinh Quán niệm còn nói ta phải ý thức về mọi hơi thở, mọi động tác mọi hiện tượng, sinh lý, vật lý, cảm giác và tư duy liên hệ tới bản thân nữa.

Ngày làm lễ Kiết giới, Thầy và tôi cùng ở chung một phòng, từ đó tôi có dịp gần Thầy và tiếp chuyện rất nhiều. Thầy cảm thấy như với tôi và thương tâm sự việc đời sống như việc đạo và ngay cả phương pháp tu trì của Thầy, Thầy cũng đều chỉ dạy thêm cho tôi. Một hôm sau giờ thọ trì kinh buổi sáng, Thầy và tôi ra ngồi trên băng đất trong khu vườn sau chùa. Thầy kể cho tôi nghe về câu chuyện đời tu của Thầy.

Khi Thầy còn nhỏ, sống trong một gia đình khá giả, thuần túy đạo Phật, song thân Thầy sinh được hai người con trai, Thầy là con út. Lúc Thầy được sáu tuổi, thân phụ c h o đến nhà một cụ đồ ở quận Phú Cát t i n h Bình Định. Năm Thầy mười tuổi thân p h u hằng đêm thọ trì chú đại bi và niệm danh hiệu Quan Thế Âm. Ông thường hướng dẫn dũa con cưng của mình cùng thọ trì. Còn người anh của Thầy quả hoang lung lớn hơn Thầy năm tuổi khô thể dạy được nên song thân không mấy là thương, bao nhiêu hy vọng đều nghĩ đến cậu út.

Nguyệt mãn, năm tàn thắm thoát như t h o i đùa năm Thầy lên mười bảy tuổi thân phụ mất đi, thân mẫu vì thế đau buồn và l q i mang thêm bệnh nan y, tài sản trong n h ã bắt đầu đem bán lo thuốc cho mẹ thêm vào đó người anh hoang phí tiêu xài cỡ bạc. Chẳng bao lâu gia cang tài sản coi n h ư tiêu tan, Thầy đành nghĩ học lo tảo tẩn nuôi mẹ. Nhờ sự hiếu thảo an ủi của Thầy đối với mẹ, một thời gian sau sức khỏe của mẹ Thầy dần dần bình phục.

Một hôm có người cậu tử Phan Rang về thăm thấy hoàn cảnh quá bi đát, là lúc nào Thầy cũng tìm việc làm thuê để kiếm tiền đ ợ nhiệt và lo thuốc men bồi bổ cho mẹ. Người cậu bàn tính với mẹ Thầy là cho Thầy đi theo vào Phan Rang tìm việc làm để hơn, mẹ Thầy đồng ý, Thầy bắt đầu lên đ ư ờ ng theo cậu.

Khi đến Phan Rang, ít hôm sau người cậudẫn Thầy đến nhà một người điền chủ rất phúc hậu có danh tiếng ở trong làng xin việc làm cho Thầy. Ông điền chủ đồng ý và nhờ Thầy trông coi một đàn bò trên trăm con. Thầy rất vui mừng và nhận ngay công việc. Thầy chỉ yêu cầu người chủ hai việc:

- Thầy xin ít tiền gửi về nhà cho mẹ.
- Thầy xin ở một căn phòng riêng, chỉ che mưa, che nắng là đủ. Người chủ chấp nhận và cho Thầy vào làm việc ngay. Không có g i vui bằng ước nguyện của mình đã thành cộ "Thức đêm mới biết đêm dài, Ở lâu mới biết là người có nhân."

Trải qua mấy năm trường, tình chủ tớ y như bát nước dầy, càng lúc càng thương m ến nhau, ông chủ coi Thầy như con ruột. Từ lúc Thầy đến ở nhà ông gần năm năm trời, ông thấy Thầy có vài cái là lạ mà ông đã từng đ ề y; tại sao tiền bạc không có, được đồng

nào là Thầy gọi kết về cho mẹ. Thầy chỉ có vốn vẹn mấy bộ đồ cũ để đi làm, còn mấy bộ mới bỏ vào va-li ông chủ cất, khi nào còlê lóc hay đi chơi mới lấy ra mặc, và p h ông của Thầy lúc nào cũng khóa kín, lại m ớ i chiều chân bỏ về trên tay đều cầm một ít hoa rừng vào phòng rồi một lát đem hoa cũ ra bỏ, đi tắm và ăn cơm. Khi ăn cơm xong là Thầy vào phòng đóng cửa ngay, không đi chơi và bạn bè như bao người khác.

Một hôm no ông chủ muốn khám phá sự bí ẩn của Thầy, lúc mười một giờ đêm ông kêu cửa vào phòng coi thử như thế nào mà gần năm năm nay ông chưa hề bước chân vào p h ông Thầy. Nghe tiếng gõ cửa Thầy mở cửa, ô n g bước vào thấy cả một sự kinh ngạc mà ông không hề tưởng tượng tới y như phòng nhập thất của một tu sĩ, một cái bàn thờ nhỏ nhỏ bằng tre, trên để di ảnh của Đức Thích C a Mâu Ni và Quan Thế Âm Bồ Tát, một bình đựng bông, một đĩa trái cây, một lư hương đ a ng cháy, một ngọn đèn dầu soi sáng bàn thờ và cũng là ngọn đèn dùng để học bài, bên cạnh giường nằm là một chõng sách chữ Hán. Ông quan sát căn phòng xong rồi ngồi xuống tự sự hỏi thăm.

- "Tại sao con còn nhỏ mà biết thờ phượng như thế?"

- "Thưa Bác từ khi con bắt đầu khôn lớn đêm nào con cũng theo cha con đi lễ Phật v à thọ trì chú đại bi và niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát và từ đó đến nay con coi như đó là môn ăn tinh thần căn bản của c o n thành không thể nào con quên được."

- "Con niệm Phật trì chú như vậy, thầy có lợi ích cho bản thân thực tại của con không?"

- "Thưa Bác, đó là điều phải cô, chính bản thân con ngày nay biết ăn hiền ở lành biết hiếu thảo cha mẹ, biết tôn ty trật tự, biết chút ít đạo đức của con người, vượt đ ư ợc các tai nạn khó khăn hằng ngày, con được khỏe mạnh luôn. Đó là nhờ công đức con hành trì thưa Bác."

- "Tại sao thân phụ con biết tu và hướng dẫn con tu mà phải mang những nghiệp quả tiêu tan cả sự nghiệp mà ngày nay con mới chia lià như vậy?"

- "Thưa Bác, đức Phật dạy: Dục tri tiên thế như kim sanh thọ giả thi. Dục tri lai thế quả kim sanh tác giả thi. Nghĩa là:

Muốn biết kiếp trước của mình như thế nào hãy nhìn những điều mình thọ lãnh quả báo giàu nghèo, sang hèn, thông minh, ngu dại... Muốn biết kiếp sau mình như thế nào h ã y



nhìn và xem xét những hành động minh đàng  
lành, thiên hay ác...

- "À! có một điều này, có ông thầy bùa người  
Chàm mà theo Bác biết ông ấy là  
danh sư yếm thuật ở Phan Rang đến tìm cháu  
chẳng hay có việc gì vậy?"

- "Thưa Bác, cách đây mấy tháng con đi chăn  
bò ở trên núi Cầu buổi trưa con chắt lú  
nướng củ mì ăn, rồi giỡn với mấy bạn, con  
lấy cây củ lú gõ trên đầu thặng bạn họ  
Chàm cũng chần bô với tụi con. Tháng ấy  
nổi lên hung dữ chửi mắng và nói là con  
định giết luôn cả gia tộc nó, con đâu có  
biết gì chỉ đùa chơi anh em thôi. Nó nói  
người Chàm lấy cây củ đang cháy gõ trên  
đầu là tối kỵ phải làm ba heo ba bò cúng  
rồi mới cả làng đến ăn mới giải được. Con  
xin lỗi nó là con thật sự không biết, nó  
cũng khăng khăng về nói lại với cha nó, rồi  
làm heo bò cúng, rồi sau đó mới ông thầy  
bùa yếm cho con chết. Đầu tiên nhớ ông  
thầy học trò đến nhà yếm con, thương ông  
ấy yếm ai thì thương ba ngày sau là chết  
mà ông ấy yếm con một tuần chưa chết, ông  
ta nói lại với thầy ông ta; rồi thầy ông  
ta dùng chú thuật yếm con, thương ông yếm  
ai thì trong một ngày là người bị yếm  
chết, ông ta yếm con đã một tuần rồi mà  
con vẫn bình thường lo công việc giúp Bác  
ông ta mới đến đây trình bày sự việc xảy  
ra như thế và nài nỉ con có phép ăn nào  
chê dạy dùm cho ông ta, nếu được ông sẽ  
làm đồ lễ."

- "Thưa Bác, xét ra con chẳng có phép ăn  
gì, nghe ông nói mà con rùng mình, nếu con  
chết bỏ mẹ lại thì đau khổ vô cùng, con  
mới năn nỉ ông ta đừng yếm con nữa, ông  
nói con bị yếm không chết, làm ơn chỉ dạy  
lùm cho ông đừng có đầu nghê. Con nghĩ con  
chẳng có gì cả, đâu có học bùa ngãi gì đâu  
Suy đi nghĩ lại có lẽ mình nhớ phép Phật  
là mệnh thọ trừ chú đại bi và niệm Quan  
Âm. Rồi con mới tự sự nói với ông ta là  
con nhớ kinh Phật. Ông ta mới hỏi về phép  
pháp tu trừ, con hy vọng từ đây chắc ông  
ấy không làm điều gì ác nữa, vì tụng kinh  
trừ chú là phải tránh những điều gian ác  
mới có hiệu nghiệm, bằng ngược lại thì coi  
như thừa vô dụng."

- "Con biết chữ Tàu hay sao mà sách nhiều  
thế?"

- "Thưa Bác, con cũng biết chút ít, tối khi  
rảnh rảnh con học thêm và đọc lại những  
lời thánh hiền chỉ dạy."

- "Thôi Bác không có lời nào cao cả để  
khen tặng con. Bác rất mong muốn con làm

sao giữ được mãi mãi như vậy thì sau này  
con sẽ là một công dân xứng đáng trong xã  
hội."

Bỗng thời gian đã trôi qua, sự biến dịch  
của thế xác con người từ nhỏ đến lớn, từ  
trẻ đến già, rồi từ già đến chết; bùa thời  
gian đập phá thành trì của thế xác từng  
sát na, có mấy ai quan tâm đến.

Vào một hôm Thầy nhận được điện tín từ  
Bình Định đánh vào, báo tin thân mẫu bệnh  
nặng đang hấp hối. Thầy vội vã đi về đèo  
cho mẹ, đến nơi thì mẹ chỉ còn trằn trối  
ít lời cuối cùng rồi người từ già Thầy,  
ra đi vĩnh biệt. Tang lễ xong Thầy trở lại  
Phan Rang, để gặp ông chủ kính thương và  
xin từ giả ông để lên đường cầu giải thoát,  
vì hạnh nguyện Thầy đã xong, chớ  
hiếu, về thế xác đã tạm an. Bây giờ chỉ báo  
đáp song đấng bằng phúc báo Vô Lậu chỉ  
có con đấng duy nhất là xuất gia học đạo  
chơn chánh mới có thể giải thoát cho  
chính bản thân, cho tộc thuộc và cho tất  
cả chúng sanh như Đức Bồ Đề Sĩ đã chỉ dạy.

Thầy đến chùa Thiên Lâm làng Ma Nương gần  
quận Tháp Chàm Phan Rang xin xuất gia học  
đạo với Hòa Thượng Huyền Tân. Vị Hòa Thượng  
này là một vị cao Tăng ở trong hàng giới  
phẩm Hội Đồng Viện Tăng Thống.  
Thầy pháp danh Đồng Hải huỳnh đệ với Thầy  
Tọa Đồng Minh, Vụ Trưởng Phật Học Vụ kiêm  
giám đốc hãng vị trai Lá Bờ Đề Nha-Trang



# Trang Giáo lý GDPT Bắc Chánh Thiện

## Mục ngủ đồ

### I.- ĐỊNH NGHĨA

Mục Ngủ Đồ là một con đường tu hành diễn bằng 10 bước vẽ, một người mục đồng tìm bắt trâu và chăn dạy trâu ngày càng t h u ần thực, rồi trâu thướng theo người, người và trâu đều thanh tịnh, lần lần đến khi trâu và người đều dung hiệp vào một vành tròn sáng suốt, tức là Đại viên cảnh trí, là thướng trú chơn tâm. Có chỗ vẽ thêm hai bước để chỉ rõ diệu dụng của chơn tâm sau khi đã giác ngộ.

### II.- CON ĐƯỜNG TU HÀNH THEO GIỚI ĐỊNH VÀ HUỆ

Các pháp tu hành của Đạo Phật vẫn nhiều nhưng, không ra ngoài Giới, Định và Huệ. Lối tu của Mục ngủ đồ tức là đem Giới, Định, Huệ của Đạo Phật uốn dẹp các phiền não mê lầm.

A/ GIỚI : Theo lối tu về Giới, thì người chăn Tà Giới Thế, con trâu là các sự mê lầm phiền não, nhục dục. Chính các điều u phiền não, dục vọng dong ruổi trong đường luân hồi gây các nghiệp dữ, khiến che mắt giới thế. Đến khi được giáo pháp Phật dạy biết sự lầm lạc, phát tâm trí giới, thì giới thế phát hiện tức là người mục đồng Giới thế thâu phục vọng niệm, giữ thân không làm điều dữ, đến khi tập lâu thuần thực, thì thân tâm yên lặng, không còn vọng động. Dần dần, toàn thể tâm tức là giới thế, không còn chỉ ra ngoài giới thế, chỉ một mình giới thế không còn thân tâm.

B/ ĐỊNH : Theo lối tu về Định, thì trâu là vọng tưởng, mục đồng là thuyết định, là thuyết định đối trị vọng tưởng từ th ờ tưởng đến tế tướng, đoạn hết cội gốc vọng tưởng, chỉ còn trí chánh quán, rồi trichánh quán cũng tiêu diệt vào Chơn như tự tánh không còn thân tâm nữa.

C/ HUỆ : Theo lối tu về Huệ, thì con trâu là phân biệt, mục đồng là chánh trí. Là ý chánh trí thâu phục trâu phân biệt để n

khi phân biệt tức là chơn không, thì chỉ còn chánh trí. Chánh trí là Chơn như trí. Chơn như trí đối với Chơn như lý, như trí và lý không ngoài nhau, nên trí và lý đồng dung hiệp trong một tâm chơn như.

III.- GIẢI THÍCH THEO MƯỜI BƯỚC VẼ  
Mười bước vẽ Mục ngủ đồ cốt để chỉ rõ thứ bậc trong đường tu tập;

1) Bước vẽ thứ nhất. - Vị mục: chưa chăn, mở mắt lúc bắt đầu tu tập. Khi ấy con trâu lung đã lâu ngày, con người mới bắt đầu tập chăn, nên phải cố chí cương quyết tìm trâu bắt cho kỳ được.

2) Bước vẽ thứ hai. - Sơ điều: mới chăn. - Người đã xỏ mũi trâu, nhưng trâu còn lung muốn rút chạy. Người phải nắm giây cho kỹ cầm roi giữ thế mới khỏi bị trâu bạng, khỏi bị trâu dứt giây chạy trốn, lúc này là lúc khó nhất, có thể bị trâu bạng, bị trâu lôi đến vực thẳm, bị trâu dứt giây chạy trốn mất.

3) Bước vẽ thứ ba. - Thọ chế: chịu phép. - Con trâu đã chịu phép, không dám vùng vẩy nữa, cái đầu đã trắng rồi, mình thì còn đen. Nhưng con người cần phải nắm mũi trâu kỹ rồi, đi đâu cũng phải dắt theo, vì sợ thất vọng thì khó dạy bảo.

4) Bước vẽ thứ tư. - Hồi thủ: quay đầu. - Con trâu đã hơi thuần lúc nào cũng xoay đầu về chủ, một phần thân đã bắt đầu trắng. Người mục đồng cũng đã rành rang, khi cần giây cột, nhưng cần phải ngó chừng.

5) Bước vẽ thứ năm. - Tuần phục: khuất phục. Con trâu đã thuần thực, chỉ khúc đuôi và hai chân sau còn đen; mục đồng đi đâu, con trâu theo đây, mặc dầu đi ngao du sơn thủy mà trâu vẫn không rời một bên mình.

6) Bước vẽ thứ sáu. - Vô ngại: không ngại. Trâu đã khôn ngoan không phải chăn giữ,

*xem tiếp trang 76*



# GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

## Mắm và Rau

- A. VẬT LIỆU: 1 trái cà tím  
200 g nấm tươi  
1 miếng tàu hủ chiên  
1/3 cái bông cải nhỏ  
2 tép sả  
1 cây poireau  
2 trái ớt hiểm  
1/3 hủ chao nhỏ  
2 muỗng canh cà chua hộp  
200 g giá  
1 cái bắp chuối hột  
1 bó rau muống  
1 trái dưa leo, chanh  
1 cây salat  
2 củ cà rốt

GIA VỊ : Đường, muối, bột ngọt, dầu ăn

B. CÁCH LÀM: Sả, ớt, poireau băm nhuyễn. Bắc chảo thật nóng. Cho 5 muỗng dầu vào đun sôi để sả, ớt, poireau vào khử vàng kể đến cà hộp và chao vào cho thơm gia vị đường, muối, bột ngọt cho vừa mặn ngọt. Cà tím gọt vỏ, bỏ làm tư theo chiều dọc xắt miếng chừng ba phần rưỡi.

Bông cải rửa sạch, xắt miếng. Cà rốt gọt vỏ rửa sạch tỉa rặng cửa cho vào xào chung với chao.

Nấm tươi ngâm muối, rửa sạch vắt ra để ráo nước, xong cho vào xào chung với các thứ nói trên (trừ cà tím).

Gia vị cho vừa ăn rồi chế vào 3 tô nước sôi, để lửa riu riu đun cho vào 1 ít nước tương cho giống màu mắm. Xong cho cà tím vào rồi nêm nếm thêm một lần nữa cho vừa khẩu vị của mình (nhớ nêm cho nó hơi mặn ngọt để còn và chung với rau ghém).

Rau muống lặt bỏ hết lá chế con, ngâm nước. Bắp chuối hột xắt thật mỏng cho vào thau ngâm nước (nhớ cho vào một chút phen chua, hoặc chanh cho trắng). Rau sống, giá rửa sạch sẽ để ráo nước. Sả lách rửa sạch để ráo nước xắt nhuyễn. Dưa leo gọt vỏ rửa xanh trắng băm nhuyễn. Chanh, ớt xắt miếng

để sẵn.

Rau muống, bắp chuối, giá, sả lách, dưa leo trộn chung với nhau gắp vào đĩa để 1 ít trên một ít rau sống và vài miếng chanh, ít trái ớt hiểm đỏ.

(Kỳ tới : "BÚN CÀ RY KHO")

## LỜI GIỚI THIỆU KHÁNH HÒA TÂM TRẠI

Để đáp lại nhu cầu của đồng bào Phật tử ở các địa phương xa muốn tập ăn chay hàng tháng nên NIỆM PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH HÒA chúng tôi có phát hành một số đồ chay, mỗi tháng hai lần vào ngày rằm và mồng một. Quý vị ở xa có thể viết thư hoặc điện thoại cho chúng tôi trước một tuần lễ. Xin đính kèm theo ngân phiếu và gửi đến địa chỉ sau đây:

NIỆM PHẬT ĐƯỜNG KHÁNH HÒA  
Waldsiedlung 12  
8735 Rottershausen  
Tel. 09738 - 1259

Dưới đây là những món ăn chay mà chúng tôi hiện đang phát hành:

1/ Chả lụa chay	1 đòn	10,00DM
2/ Mắm thái chay	1 hủ	12,00DM
3/ Nem mắm chay	10 chiếc	10,00DM
4/ Bì chay	10 chiếc	10,00DM
5/ Chả quắn (Tôm chay)	1 con	2,00DM
6/ Chả khìa (Đùi gà)	1 cái	2,00DM

TRẦN TRỌNG KÍNH MỜI  
THÍCH NỮ ĐIỀU ẮN

mmmmmmmmmm

# Tin tức

**ĐỨC KẾT HAI BIÊN BẢN NGÀY 2 VÀ 4 THÁNG 9 NĂM 1983, VỀ SỰ THÀNH LẬP GIẢNG SƯ ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI.**

Kết quả hai biên bản của hai cuộc họp hai ngày 2 và 4 tháng 9 năm 1983 tại Hoa Kỳ, chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, nhân dịp về tham dự Đại Lễ Giới Đàn THIÊN HÒA do Phật Học Viện Quốc Tế tổ chức, nhóm họp bàn về Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại.

Phiên họp thứ nhất: diễn ra vào lúc bảy giờ (giờ địa phương) đến 9 giờ tối cùng ngày tại chùa Phật Tô Gotama, số 905 Orange Ave., Long Beach, Ca. 90813, sau một bữa cơm thân mật do Thượng Tọa Thích Thanh, Viện chủ chùa Phật Tô và Phật Tử cúng dường. Trong phiên họp này, sự hiện diện đông đủ của chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng của nhiều quốc gia:

- Hòa Thượng Thích Huyền Vi (Viện chủ chùa Linh Sơn Pháp) - Hòa Thượng Thích Thiên Định (Viện chủ chùa Pháp Hoa, Pháp) Thượng Tọa Thích Đức Niệm (Giám Đốc Phật Học Viện Quốc Tế Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Thiên Thanh (Viện chủ chùa Phật Tô Long Beach Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Trí Chơn (Lãnh đạo tinh thần Phật Giáo San Diego, Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Thắng Hoan (Giảng Sư Tổng Hội Phật Giáo VN tại Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Minh Tâm (Viện chủ chùa Khánh Anh Pháp) - Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt (ở Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Thiên Trì (Lãnh đạo tinh thần Hội PG Sacramento - CA Hoa Kỳ) - Thượng Tọa Thích Bảo Lạc (Tọa chủ chùa Pháp Bảo - Úc Đại Lợi) - Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa (Giáo Thọ Sư PHVQT kiêm Tọa chủ Tổ Đình Tứ Đàm, Dallas ở Hoa Kỳ) - Đại Đức Thích Như Điển (Tọa chủ chùa Viên Giác kiêm lãnh đạo tinh thần PGVN ở Đức quốc) - Đại Đức Thích Pháp Châu (trụ trì chùa PGVN, Orange Country, Hoa Kỳ) - Đại Đức Thích Nguyên An (Trụ trì chùa Cổ Lâm kiêm lãnh đạo tinh thần CDPGVN ở Washington State, Hoa Kỳ) - Đại Đức Thích Nguyên Trì (Lãnh Đạo tinh thần CDPG Vancouver B.C. Canada) - Đại Đức Thích Thiện Quang (Trụ trì chùa Quang Minh, lãnh đạo tinh thần Hội PG Chicago) - Đại Đức Thích Minh Mãn (Tọa chủ chùa Huệ

Quang, Orange Country, Hoa Kỳ) - Đại Đức Thích Trung (Lãnh chúng PHVQT) - Đại Đức Thích Lý (Tổng Thư Ký báo PGVN chùa VN ở Los Angeles Hoa Kỳ) - Đại Đức Thích Khế Đạo (Phổ trụ trì chùa PG, Orange Country) - Đại Đức Thích Minh Tuyên (Chùa PGVN ở Orange Country).....

Cu hội về để bàn thảo một tổ chức, đoàn Như Lai Sư Già Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại. Đã từ lâu, chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng mong muốn một sự kết hợp chặt chẽ trong hàng ngũ lãnh đạo và cán bộ Phật Giáo Việt Nam cho mục tiêu hoằng dương Phật Pháp. Sự ước mong và niềm thao thức đó nay đã cụ thể hóa qua tinh thần Đại Giới Đàn Thiên Hòa lần đầu tiên ở Hải Ngoại. Trong phiên họp ngày 2 tháng 9 năm 1983, chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng đều đồng thanh quyết định việc thành lập Giảng Sư Đoàn Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại. Sau khi thảo luận sôi nổi về những chi tiết có liên quan đến vấn đề, như: danh xưng, trụ sở, quy chế, nhân sự, những khó khăn trong việc hoằng pháp v.v...; phiên họp kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ và cuối cùng đạt tới kết quả như sau:

1/ Danh xưng lấy tên là GIẢNG SƯ ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI, là một kết hợp các thành viên giảng sư trong vai trò hoằng pháp lợi sanh; danh xưng được viết tắt là G.S.D.P.G.V.N.H.N.

2/ Nhân sự điều hành, gồm có hai ban:  
a/ Ban Cố Vấn: Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Vi và Hòa Thượng Thích Thiên Định chủ tọa trong phiên họp hứa khả ngôi vị cố vấn của GSĐPGVNHN sẽ xin cung thỉnh sau.

b/ Ban Đại Diện gồm:  
§ Thượng Tọa Thích Đức Niệm và Thượng Tọa Thích Thiên Thanh đại diện GSĐPGVNHN tại Mỹ Châu.

§ Thượng Tọa Thích Minh Tâm đại diện ở Âu Châu.

§ Thượng Tọa Thích Bảo Lạc đại diện ở Úc Châu.

§ Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh ở Đài Loan sẽ được GSĐ cung thỉnh qua sự chỉ định của Hòa Thượng Thích Huyền Vi đại diện ở Á Châu.

§ Thượng Tọa Thích Thiện Nghị sẽ được GSĐPGVNHN cung thỉnh đại diện tại Canada.

Đến đây phiên họp tạm kết thúc theo thời giờ đã trừ định.



Phiên họp thứ hai:, diễn ra lúc 8 giờ 40 phút tối ngày 4 tháng 9 năm 1983 tại chùa Phật Giáo Orange Country, cũng sau một bữa cơm đặc biệt do Đại Đức Thích - Pháp Châu, trụ trì và chủ Phật Tử' chùa Phật Giáo Orange Country cúng dường chư Tăng. Để cụ thể hóa thêm phiên họp thứ nhất trong việc nhằm tiến tới công tác hoằng pháp, chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng cũng tương tự đồng ý như phiên họp trước, đã tiếp tục thảo luận vấn đề trong một bầu không khí đạo vị, phấn khởi, đạt tới những kết quả cụ thể bất ngờ và nhanh chóng đầy tin tưởng.

§§ Một ủy viên điều hợp để thừa hành các công việc của Ban Đại Diện của GSĐPGVNH N. được đặt ra và Thượng Tọa Thích Nguyễn Đạt được Đại Tăng trong phiên họp giao phó chức vụ ủy viên điều hợp, Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa phụ tá ủy viên và Đại Đức Thích Pháp Châu giữ vai thủ quỹ.

§§ Trụ sở được chọn là chùa Phật Tổ, số 905 Orange Ave., Long Beach, California - 90813, Tel. (213) 599-5100, USA làm trụ sở tạm của GSĐPGVNH.

§§ Tài chánh: Toàn Hội Nghị quy định mỗi thành viên trong GSĐ phải đóng niên liễm là 100,00MK (mỗi năm 100 đô la Mỹ). Tất cả chủ liệt vị hiện diện trong các phiên họp đều là thành viên của GSĐ. Để có tài chánh điều hành, trong phiên họp thứ hai chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng tùy tâm đóng góp ngay trong phiên họp thứ hai này số tiền mặt là : 850,00 Mỹ Kim.

§§ Thông tin: Các hoạt động của GSĐ phải được thông tin rộng rãi đến các ĐP PGVNH N, Ban Tin "Giảng Sư Đoàn" là nhịp cầu nối liền giữa các châu và các giảng sư. Trong giai đoạn mới hình thành tổ chức, tài chánh là một điểm then chốt để phát triển nên cần phải có bài giới thiệu báo và kêu gọi sự tiếp tay đóng góp cụ thể của đồng bào Phật Tử. Đức kết hai biên bản vừa qua giới báo chí đăng tải (do Thượng Tọa Thích Nguyễn Đạt đảm trách). Ban Đại Diện của GSĐ ở mỗi châu nên thành lập danh sách các giảng sư gửi đến văn phòng GSĐ cho ủy viên điều hợp để tiện việc thu xếp các nhu cầu hoằng pháp ở các địa phương Phật Giáo. Hy vọng trong tương lai sẽ tiến tới việc thực hiện một đặc san, là tiếng nói chính thức của GSĐPGVNH, thay vì ban tin.

Ngoài ra muốn thực hiện được những công

tác hoằng pháp có kết quả, một ban soạn thảo quy chế cũng đã được hội nghị đề cử - Thượng Tọa Thích Thiện Thanh - Thượng Tọa Thích Trí Chơn - Thượng Tọa Thích Thiện Trí - Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa - Trong khi chờ đợi bản quy chế chính thức được soạn thảo và công bố, nay tạm thời giao ước với nhau:

§§ Giảng sư phải có đủ tư cách trong việc giảng diễn.

§§ Giảng sư chỉ lo thuần túy việc hoằng pháp.

§§ Giảng sư giữ thanh danh Giảng Sư Đoàn và tôn trọng tinh thần của Giảng Sư Đoàn qua kết quả của các biên bản nông cốt đều thỏa thuận.

Theo sự xác nhận của chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, thì đây có thể nói là những cuộc bàn thảo về công việc hoằng pháp có tính cách lịch sử, quy tụ được hầu hết các Giảng Sư nông cốt của PGVNH với một tinh thần vì Đạo Pháp, tự tại PGVN Hải Ngoại. Nếu chùa có thể thực hiện được những chương trình hoằng pháp to lớn rộng rãi trong giai đoạn này, thì ít ra cũng là sự chuẩn bị cho những công tác hoằng pháp sắp đến với sự đồng tâm nhất chí của chủ tôn Hòa Thượng, chủ Thượng Tọa, Đại Đức Tăng sau lần gặp gỡ Đại Giới Đàn THIÊN HOA, và Đại Hội cũng tha thiết mong mỏi chủ tôn đức xa gần vì tâm nguyện hoằng pháp lợi sinh tận tình giúp đỡ và tham gia vào ngôi nhà hoằng pháp của GSĐPGVNH này.

Buổi họp cuối cùng chấm dứt lúc 11 giờ 40 phút tối cùng ngày trong một bầu không khí huynh đệ phấn khởi, sau khi tất cả đều được nghe các vị thủ quỹ đoàn của buổi họp Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thượng Tọa Thích Bảo Lạc tuyên đọc lại hai biên bản của hai buổi họp dưới sự chứng minh của nhị vị Hòa Thượng.

Làm tại Californiana, Hoa Kỳ ngày 12/9/83

Văn Phòng Giảng Sư Đoàn Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại

Chùa Phật Tổ, 905 Orange Ave., Long Beach, California, 90813, Tel. (213) 599-5100

Thượng Tọa Thích Nguyễn Đạt  
Ủy viên điều hợp

- Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa - Tọa chủ chùa Từ Đàm tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ vừa mới ra một Ban Tin nói về ý nghĩa của chùa Từ Đàm tại VN cũng như trong hiện tại.

Viên Giác xin trích đăng lại Bản Tin trên để chú vị độc giả lãm tưởng và mọi sự tùy hy đóng góp cho công việc kiến tạo ngôi Tô Đình Tứ Đàm xin giới về: T.T. Thích Tân Nghĩa, 615 Gilbert-Irving- TX. 75061. Tel. (214) 986-1019

§§ Tô Đình Tứ Đàm nhắc nhở cho chúng ta nhiều ý niệm lịch sử, tư tưởng và môn phái Phật Giáo:

1- Tô Đình Tứ Đàm do Ngài Thượng Tể Ha DUNG húy MINH HOÀNG đứng ra đôn đốc kiến tạo vào năm 1669 dưới đời chúa Nguyễn Phúc Tần ở đàng trong (miền Trung). Ngài Minh Hoàng và Ngài Nguyễn Thiều là người Trung Hoa, và chính là những vị khai sáng ra phái Thiên Lâm Tế tại Việt Nam. Tại Nhật Bản và Trung Hoa, Thiên Tào Động và Thiên Lâm Tế là 2 giống Thiên nổi tiếng bậc nhất. Riêng về Thiên Lâm Tế, từ khi Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền thành lập, cho đến đời Ngài Bạch Ẩn thiên sư được phát triển, thì Thiên Lâm Tế đã bước đi được một bước khá dài và rất hiệu ứng. Tại Hoa Kỳ cũng thế. Chính nhà sư Soyen, Shaku và môn đệ là V.T. Suzuki, từ năm 1893, tại Chicago, cho đến nay, thì ảnh hưởng tư tưởng Thiên Lâm Tế của Ngài Suzuki dường như tỏa khắp các thiện viên, các Đại Học Đường, và các tư tưởng giới Hoa Kỳ. Như vậy, chúng tôi nghĩ, Tô Đình Tứ Đàm nổi phát xuất giống Thiên Lâm Tế tại Việt Nam đã mang một ý nghĩa vô cùng trọng đại.

Bây giờ đây, tại vùng Trung Mỹ, Tiểu Bang Texas, thành phố Dallas, có thành lập một ngôi Tô Đình Tứ Đàm Hải Ngoại cũng không ngoài mục đích là GIẤY RÁCH GIỮ LẤY LẼ một phần nào khi mang tâm trạng của một người tha hương, sống lưu đây tại xứ người.

Vấn đề kiến tạo lại ngôi Tô Đình Tứ Đàm Hải Ngoại tại nơi đây là muốn nhắc nhở một phần nào về một vài sự kiện có tính cách lịch sử đã từng xảy ra tại quê nhà. Và cũng chính Tứ Đàm là đôn đốc bắt nhịp câu thông thường giữa ba miền kẻ tử khi chành hưng Phật Giáo.

2. Tô Đình Tứ Đàm xây cất đồng thời với một số Tô Đình lớn tại miền Trung đã kể biệt là tại cố đô Huế. Trong số, phải kể đến: Tô Đình Thiên Mu, Tô Đình Quốc An, Tô Đình Thuyền Lâm, Tô Đình Thập Tháp (Bình Định); Tô Đình Chúc Thánh (Quảng Nam); Tô Đình Thuyền Tôn, Tô Đình Bảo Quốc, Tô Đình Hà Trung...

Những tô đình này đều được xây dựng và trùng tu vào hậu bán thế kỷ thứ 17, đã tạo nên một sinh khí vững chắc trong việc phát triển Phật Giáo ở miền Trung; đối đầu với thời ấy, tại đàng ngoài (ở Bắc) Chúa Trịnh không phát triển khả quan gì mấy.

3- Sau khi xây dựng Tô Đình Tứ Đàm (trước nguyên có tên là Ân Tôn), Ngài Tứ Dung lại còn giáo hóa cho Ngài Liễu Quán. Vì vậy, y đôn ngộ, và đã khai sơn Tô Đình Thuyền Tôn cũng chính là khai sinh một môn phái Thiên Lâm Tế thuần túy Việt Nam, và cũng từ đó trong Phật Giáo đã gọi là môn phái Liễu Quán. Đây cũng là một đóng góp lớn lao và độc đáo cho Phật Giáo thế giới, cách đây hơn 300 năm.

4- Tô Đình Tứ Đàm sau khi xây cất và trùng tu, đã trải qua không biết bao nhiêu là tang thương của lịch sử. Nào là những trận Nam Bắc phân tranh dằng dai 49 năm trời; nào là Tây Sơn đem quân ra Trung và Bắc để đánh nhà Nguyễn, tiêu diệt Trịnh, đánh bại nhà Lê... Chiến tranh đã tiêu hủy không biết bao nhiêu công trình nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa dân tộc, trong số đó có cả văn hóa Phật Giáo. Tuy vậy, Tô Đình Tứ Đàm, đâu bao cuộc bể dâu, đến sau này vẫn còn tồn tại. Và cũng trong chiều hướng đó tư tưởng Thiên Lâm Tế, như là một giống Phật Giáo thích hợp với phong thổ miền Trung, vẫn tỏa ra, tỏa ra không ngừng.... Hãy nhìn những lãnh tụ tài ba của Phật Giáo Việt Nam thì cũng đủ rõ.

5- Tô Đình Tứ Đàm trong những thập niên qua, đã là nơi hội tụ bao nhiêu tổ chức Phật Giáo, bao nhiêu kỳ Đại Hội PG, bao nhiêu cuộc tranh đấu bùng nổ cũng tại đây. Hãy lấy một vài ví dụ: Phong trào PH. Đức Dục, những Hội Nghị quan trọng của Gia Đình Phật Tử VN; Hội nghị năm 1948; Hội nghị 26.04.1951, Hội Nghị 1.1.1953... đều tổ chức tại Tô Đình Lịch Sử này. Tô Đình Tứ Đàm là trụ sở chính của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, là nơi phát ra tiếng nói Thông Nhất đầu tiên. Và sau này, những cuộc đấu tranh của Phật Giáo VN để bảo vệ tự do tín ngưỡng, bảo vệ nhân quyền vào những năm 1963, 1966, 1967, 1971, nếu không nói là phát xuất từ ngôi Tô Đình này, thì tại đâu?....

Tất cả ý nghĩa mấy chữ Tô Đình Tứ Đàm đã gói trọn bao nhiêu là lịch sử, bao nhiêu là ân tình, bao nhiêu hình ảnh thân thương của miền Trung nghèo nàn, những vẫn cường cường bất khuất. Nguyễn cầu đất nước sớm thanh bình, khởi nanh vút của loài quý đờ.



- Sư cô Thích Nữ Diệu Tử, trụ trì chùa Diệu Quang tại Sacramento, California, USA cũng vừa chuyển về địa chỉ mới để công việc Phật sự được phát triển khả quan, mọi sự liên lạc, cúng dường xin gửi về địa chỉ:  
Chùa Diệu Quang, 9013 Trujillo Way, Sacramento, California. 95826. Tel. (916) 366-31-99. USA.
- Chùa Nam Tuyền tại Falls Church, Virginia, USA dưới sự lãnh đạo tinh thần kiêm trụ trì của Đại Đức Thích Trí Tuệ cũng đang chuẩn bị cho một kế hoạch quy mô rộng lớn, mua đất, cất chùa theo truyền thống của Phật Giáo Việt Nam. Đại Đức có thư kêu gọi đến đồng bào Phật Tử khắp nơi. Mọi sự đóng góp cho công việc Phật sự thiêng liêng trên, xin gửi về địa chỉ Chùa Nam Tuyền, 7237 Lee Hwy (S. Washington ST.) Falls Church, VA, 22046. Tel. (703) 2284.
- Đại Đức Thích Nguyên Trí, trụ trì chùa Phước Long tại Vancouver, Canada cũng mới đổi về địa điểm mới. Giai đoạn đầu còn gặp nhiều khó khăn trên lãnh vực tài chính. Vậy kính mong Quý vị Đạo Hữu và quý Phật Tử hùn phước, cúng dường để công việc Phật sự dưới sự lãnh đạo của Đại Đức chóng thành tựu viên mãn. Mọi sự đóng góp xin liên lạc về: Đại Đức Thích Nguyên Trí, chùa Phước Long 2253 Grant Avenue - Vancouver B.C. V5L 2Z6, Canada.
- Niệm Phật Đường Quan Âm tại Montréal - Canada cũng đang trên đà phát triển. Và vì địa điểm quá chật hẹp nên Ban Trị Sự của Hội Phật Giáo Quan Âm định mua đất, cất chùa để có nơi thờ phụng kim thân Phật Tổ và chul hương linh qua vãng. Quý vị nào có hui tâm với Phật Sự trên xin liên lạc về: Niệm Phật Đường Quan Âm 25-37 rue Frontenat Apt. 6, Montréal, PQ. Canada H2K 3A2. Tel. (514) 525 3791.
- Chùa Pháp Bảo tại Sydney, Úc, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc sẽ chính thức dời về khu đất 5.000m<sup>2</sup> do chính phủ cấp vào đầu tháng 12 năm 83. Lễ đặt viên đá sẽ cử hành trong tháng 12 và lễ khánh thành ngôi chánh điện dự trù vào đầu năm 1985. Mọi sự đóng góp cúng dường của chư vị Phật Tử xa gần, xin liên lạc về: Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, chùa Pháp Bảo: CNR Edensor Bibby Rd. Bonnyrigg

Fairfiel NSW 2177 Australia.

- Ngôi chùa Pháp Hoa tại Nam Úc dưới sự lãnh đạo tinh thần kiêm trụ trì của T.T. Thích Như Huệ cũng đang có chương trình trùng tu và tái thiết. Chùa cũng được chính phủ Úc bán một miếng đất 5.000 m<sup>2</sup> giá 35.000,00 Úc kim. Ban tái thiết chùa Pháp Hoa cũng đang kêu gọi Phật Tử khắp nơi. Địa điểm liên lạc: Chùa Pháp Hoa 83 Addison Road, Rosewater SA 5013, Úc.
- Song song với việc xây dựng các cơ sở đạo tràng tại châu Mỹ và châu Úc - châu Âu - ở Pháp, vùng Lyon, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Đại Đức Thích Tánh Thiệt và sự cố vấn tinh thần của Thượng Tọa Thích M. Tâm, trong thời gian qua nhờ sự đóng góp tích cực của bà con Phật Tử khắp nơi nên đã mua được một miếng đất tại số 14 La Graviere-rue de Cuzieu, 69110 Sainte Foy Les Lyon. Lễ đặt viên đá đầu tiên để xây cất ngôi chánh điện thực thụ sẽ được cử hành vào lúc 11 giờ 30 ngày 18 tháng 12 năm 1983. Công đức nào cũng không lớn bằng việc xây chùa, đúc tượng, in kinh. Vậy kính mong chư vị Thiện Hữu Trí Thúc, chư Phật Tử khắp nơi hỗ trợ cho.
- Một ngôi chùa của Ni giới đầu tiên tại Âu châu có tinh cách qui mô dưới sự lãnh đạo tinh thần của Sư cô Thích Nữ Như Tuân (Lausanne-Thụy Sĩ) được thành lập trong thời gian qua tại Marseille-Pháp Quốc. Nhưng vì phương tiện tài chánh vẫn còn eo hẹp; nên chư Thiện Tín Phật Tử nào muốn tạo duyên lành cho công việc Phật sự trên, xin gửi về: Phở Đà Ni Tỷ, 226 Chemin-de St. Antoine à St. Joseph, 13015-Marseille-France. Tel. (91) 51-5081.
- Chùa Viên Giác tại Hannover Tây Đức trong thời gian qua cũng đã kêu gọi đồng bào Phật Tử khắp nơi về chương trình xây dựng ngôi Tam Bảo, và đã được Đại Đa số Đồng Bào hưởng ứng tích cực ở một vài địa phương. Còn những địa phương khác trên nước Đức, chúng tôi tha thiết kêu gọi quý vị Đạo Hữu, Quý Phật Tử cũng như không Phật Tử cũng dương, đồng góp hoặc cho chùa mượn Hội Thiện, để công việc trên chóng được thành tựu. Việc mua đất xây chùa sẽ lệ thuộc nhiều vào sự đóng góp của quý vị Phật Tử gần xa. Vậy kính mong Quý vị ưu tiên đỡ của Đạo Pháp và Dân Tộc, xin hưởng ứng tích cực nhiều hơn nữa.

• Ngày 29 tháng 10 năm 1983 Đại Đức Thích Như Điển cùng một số quý vị Phật Tử tại Hannover, Fallingsbottel đến địa phương Rottenburg để cư hành, tham gia buổi lễ cầu an của đồng bào tại đây tổ chức. Có khoảng hơn 50 đồng bào đến tham dự. Trong giờ thuyết pháp Đại Đức có giảng về thuyết vô thường của nhà Phật và sau phần thuyết pháp có tương trình sơ qua những Phật sự tại nước Đức, trong đó có việc xây cất ngôi chùa Viên Giác trong tương lai. Mọi người đã hưởng ứng tích cực. Buổi lạc quyên hôm đó lên trên 2000 DM. Buổi trai soạn hôm đó do nhà hàng Kim Long khoản đãi. Mọi người đều hoan hỷ và mong mỏi có những buổi lễ Phật tương tự như thế trong tương lai gần.

• Như thường lệ cứ 2 tháng một lần đồng bào Phật Tử vùng Hamburg đã quy tụ tại chùa Phật Giáo Đức để làm lễ cầu an, cầu siêu và nghe thuyết pháp. Ngoài những vấn đề trên Đại Đức Chi Bộ Trưởng Chi Bộ PG VN tại Tây Đức cũng đã trình bày với ĐB PT về dự án xây cất ngôi chùa Viên Giác trong tương lai gần. Mọi người đã hưởng ứng chứng trình trên. Kết quả sơ khởi đồng bào đã cúng dường trên 5.000,00 DM, GĐH Trần Văn Quý và GĐH Lê Đức Khang đã nguyện cúng dường Tôn Tượng và Hộ Quan Âm lộ thiêng trước sân chùa mới. Một Đạo Hữu khác nguyện cúng dường một Đại Đồng Chung, Gia đình PT Võ Xuân Khôi phát nguyện cúng dường một bộ Tam Sự. (danh sách cúng dường xin xem phía sau) Buổi lễ Phật này quy tụ khoảng 70 người đặc biệt lần này có nhiều Phật Tử từ Hà Lan và Mỹ về tham dự.

• Đồng bào tại vùng München lâu nay vẫn kính Đại Đức Thích Trí Hòa; nên mọi vấn đề nghi lễ Tôn Giáo ít có dịp đề cập hành. Nhận thấy sự cần thiết đó, nên một số quý vị Phật Tử vùng này đã đề nghị với chùa Viên Giác nên có một buổi lễ Phật công cộng cho đồng bào. Vào ngày 12 tháng 11 vừa qua buổi lễ Phật được tổ chức tuy đơn sơ nhưng rất vô cùng trang nghiêm đất dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Như Điển và khoảng 50-70 đồng bào tham dự tại trại Kirchenweg, München. Trong tương lai sẽ tổ chức nhiều lần trong năm như vậy để nơi đây đồng bào Phật Tử có cơ hội lễ bái, nguyện cầu, gặp gỡ, hàn huyên, tâm sự.

• Lễ Thọ Bát Quan Trai lần thứ hai, trong năm 1983 do chùa Viên Giác tổ chức đã được cư hành trang nghiêm vào ngày 19/11 1983. Lần này chỉ có 5 Phật Tử tham dự. Đó là Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Thị Chánh - Trương Tân Lộc, ĐH Diệu Tịnh Nguyễn Thị Khiết, Thị Chân La Phần và PT Đào Duy Hùng. Chương trình Thọ Bát Quan Trai trong 24 tiếng đồng hồ gồm có: Thọ giới, nghe giảng kinh, thọ trai, kinh hành, tọa thiền, văn đạo chấp tác, đọc sách v.v... đã làm cho mọi người hoan hỷ và mong rằng, trong tương lai còn nhiều khóa Thọ giới như vậy nữa và nhiều người tham gia để học hạnh của người xuất gia một ngày một đêm. Công đức thật vô lượng vô biên.

• Ngày 20 tháng 11 năm 1983 tại Niệm Phật Đường Khánh Hòa dưới sự chủ lễ của Đại Đức Thích Minh Phú và chủ Đại Đức Tăng Ni thuộc Niệm Phật Đường đã cùng với trên 20 Phật Tử cư hành lễ cầu an và cầu siêu rằm tháng mười cho đồng bào Phật Tử quanh vùng. Mặc dầu đường xa và hẻo lánh; nhưng đồng bào Phật Tử đã không quản ngại. Điều đó đã nói lên được mối đạo tình thắm thiết của những người con Phật sống tha hương nơi đất nước này.

#### CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT THÁNG 12 VÀ NHỮNG THÁNG KẾ TIẾP:

Ngày 4 tháng 12 lễ Phật tại chùa Viên Giác - Học tiếng Đức do Hội Phật Giáo Đức đảm trách.

Ngày 09 tháng 12 lễ Phật cho đồng bào Phật Tử tại Pforzheim.

Ngày 10 tháng 12 (Sáng 09 giờ) lễ Phật cho Đồng Bào Phật Tử tại trại St. Georgen.

Ngày 10 tháng 12 (chiều 15 giờ) lễ Phật cho Đồng Bào Phật Tử vùng Spaichingen.

Ngày 11 tháng 12 (Sáng 10 giờ) lễ Phật cho Đồng Bào Phật Tử tại trại Reutlingen.

Ngày 11 tháng 12 (chiều 15 giờ) thăm viếng Đồng Bào tại trại Tübingen.

Ngày 17 tháng 12 họp Chi Bộ PGVN tại Tây Đức để bầu lại thành phần Ban Chấp Hành niên khóa năm 1983-1985. Đặc biệt vào ngày 18 tháng 12 vào lúc 11



giờ trưa tại chùa Viên Giác sẽ có một buổi thuyết pháp của THƯỢNG TỌA THÍCH HỘ GIÁC.

Tương cũng nên nhắc lại, Thượng Tọa THÍCH HỘ GIÁC là một trong những vị thuộc thành phần Ban sáng lập Giáo Hội Phật Giáo VN TN từ năm 1963, Phó Giám Đốc Nha Tuyên Truyền Phật Giáo, và là một danh tăng của Phật Giáo Việt Nam có lối thuyết pháp lôi cuốn người nghe rất mãnh liệt. Vậy xin kính mời chư Phật Tử xa gần về chùa nhân ngày lễ trên để được nghe pháp âm của Thượng Tọa.

Trên đường du hành Phật sự của Ngài, T.T đã ghé Paris trong thời gian hơn 1 tháng qua và lần này đến Tây Đức để thăm viếng chùa Viên Giác, chư Đại Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử.

• Vào ngày 30 tháng 12 năm 1983 tại chùa VG sẽ có một số Quý vị Danh Tăng người Hoa Kỳ đến thuyết pháp. Quý vị này là Giáo sư, học giả của Đại Học Pháp Giới Phật Giáo thuộc Vạn Phật Thành gần San Francisco-Hoa Kỳ. Phái Đoàn sẽ ở lại chùa Viên Giác trong vài ngày và thuyết pháp cho đồng bào Phật Tử Việt Nam cũng như Phật Tử Đức nghe. Vì giờ thuyết pháp chưa được ấn định rõ ràng nên chùa thông báo đến quý vị được. Khi nào biết giờ chắc chắn, chúng tôi sẽ liên lạc đến quý vị Phật Tử xa gần.

• Ngày 14 tháng 1 năm 1984 là ngày lễ Phật đản kỷ cho đồng bào Phật Tử vùng Nordd-eich do ông Rohman tổ chức. Vậy xin kính thông báo đến đồng bào Phật Tử. Kính mong Quý vị tham gia đồng đủ. (Buổi lễ cư hành vào lúc 15 giờ chiều).

• Ngày 21 và 22 tháng 1 năm 1984 là buổi lễ Phật của đồng bào Phật Tử vùng Freiburg do Caritas tại đây đứng ra tổ chức. Kính mong toàn thể Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử tham gia đồng đủ.

• Tết Giáp Tý năm nay nhằm ngày 2 tháng 02 năm 84 (thứ năm) nên chùa Viên Giác dự định tổ chức Tết kéo dài đến hết ngày, c h ậ nhật (5/2/83). Chương trình chi tiết sẽ gửi đến Quý vị sau.

• Lễ Phật Đản năm tới sẽ được tổ chức vào ngày 25, 26 và 27 tháng 5 năm 1984 tại Hannover. Vậy xin thông báo đến quý vị nào

đi làm có thể lấy phép nghỉ hè vào những ngày trên để có thể về chùa tham gia Đại Lễ đồng đủ hơn. (Chương trình chi tiết chúng tôi sẽ gửi đến quý vị sau).

• Từ tháng 9 năm 1984 cho đến tháng 12 năm 1985 chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Đức sẽ đi thăm viếng, làm lễ, thuyết pháp và diễn giảng, trình bày về kế hoạch cho ngôi chùa Viên Giác trong tương lai khắp nơi trên nước Đức. Vậy Quý vị Phật Tử và Quý Đạo Hữu ở những địa phương nào có thể tổ chức được những buổi lễ công cộng trên, xin liên lạc cho chùa biết ngày giờ và nơi hành lễ để chúng tôi sắp xếp đến thăm viếng quý vị.

• Chùa Khánh Anh (Pháp) và chùa Viên Giác (Hannover) hằng năm vẫn cho phát hành hai loại lịch sách Tư'vi và lịch treo tường. Vậy quý vị nào muốn có những lịch trên, xin gửi thư hoặc điện thoại về chùa để chúng tôi phục vụ quý vị. Lịch cũ hết vào ngày 30.12 âm lịch (tức 1 tháng 2 năm 84) Vậy quý vị cứ yên tâm, khi có lịch mới chúng tôi sẽ gửi ngay đến quý vị.

Giá biểu được ấn định như sau:

15DM lịch treo tường thỉnh tại chùa  
15DM " tư'vi " "  
17DM lịch treo tường gửi qua bưu điện  
16DM " tư'vi " tại Đức.

• Chùa Viên Giác cũng cho phát hành 6 loại thiệp chúc Tết 4 màu tuyệt đẹp do nhà xuất bản Quê Hương tại Canada ấn hành. Giá ứng hộ 6 tấm + bì thư = 10DM chưa kể tiền gửi. Kính mong Quý vị chiếu cố ứng hộ cho.

• Trong thời gian qua chùa đã chỉnh trang xong các hình hương linh quá vãng t h ở tại chùa theo cỡ 7x10 cm. Vậy quý vị nào đã có hương linh thờ tại chùa xin đồng góp lệ phí 10DM để lo cho vấn đề khuôn hình và chụp lại hình. Những vị nào sắp quá vãng trong tương lai cũng xin theo một mẫu trên để được đồng như hơn. Quý vị chi cần gửi hình về chùa. Khuôn hình chùa sẽ lo giùm cho quý vị để được thống nhất. Kính mong quý vị thông cảm và hỷ thư cho.

• Quý vị nào muốn làm thẻ thư viện và mượn sách của chùa, xin xem Viên Giác số 16 và 17 để biết rõ ràng hơn.





875-923 Ky - d KỶ VŨ. Đạo làm người Nguyễn Công Trứ. Canada, Quê Hương, 1901. (79 tr.)

875-923 Khá - v C1 Khánh, Đinh Gia. Bài Duy Tân và Mai Cao Chương. Văn học Việt Nam tập 1 (từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII). Hà Nội, Đại Học & Trung Học Chuyên Nghiệp, 1978, (550 tr.)

875-923 Lon - v Long, Nguyễn Tấn và Nguyễn Hữu Trưng. Việt Nam, thi nhân tiền chiến (quyển thứ 4 và 5). Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (2 cuốn)

875-923 Pha - n Phan, Vũ Ngọc. Nhà văn hiện đại, phê bình văn học. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (gồm 3 quyển)

875-923 Pha - n Phan, Vũ Ngọc. Nhà văn hiện đại, phê bình văn học. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? , (15A, 1266 tr.)

875-923 Phu - t Phượng, Cao Ngọc. Thủ tìm dấu chân trên cát, ghi chép về thơ Thuyết Nhất Hạnh. Pháp, Là Đồi, 1961, (312 tr.)

875-923 Van - n Viện Văn Học Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Máy yển đồ về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Hà Nội, KHXH, 1969, (154 tr.)

875-923 Van - t Viện Văn Học Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Tác giả văn xuôi Việt Nam hiện đại, từ sau năm 1945. Hà Nội, KHXH, 1977, (477 tr.)

885-924 Min - c Minh Đức Hoài Trinh. Chiếm lại quê hương (Le Miracle de J'Épée). Bỉ, Thanh Long, 1976, (54 tr.) (bằng tiếng Việt và tiếng Pháp)

893- 1 Ghe - 1 Gheorghiu, C.V. Lê Ngọc Trý & Vũ th) Hay dịch. Gió thứ 25. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (gồm 20.)

893- 1 Rem - m Renard, Erich Maria. Cỏ Liêu dịch. Một thời ở Mỹ và một thời ở quê. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (426 tr.)

893- 11 Chi - d Chi, Lê Kim - sưu tập. Deutsch und vietnamesische Märchen. Tây Đức, DRK, 1981, (79 tr.) (bằng tiếng Việt và tiếng Đức)

893- 2 Har - n Hardy, Thomas. Nguyễn Đan Tâm dịch. Người tình đầu tiên, người yêu cuối cùng. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (492 tr.)

893- 3 Cas - t Castellet, André. Lê Huy Danh dịch. Tình sử Joséphine. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (255 tr.)

893- 3 Cha - b Charrière, Henri. Đanco, Papillon giảng hỗ trợ cảnh. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (556 tr.)

893- 3 Cha - p Charrière, Henri. Thái Huy Quan dịch. Papillon người tù khổ sai. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (703 tr.)

893- 3 Dum - t Dumas Fils, Alexandre. Nguyễn Sĩ Nguyễn dịch. Trá Hoa Nữ. Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, ? , (366 tr.)

893- 3 Fla - n Flaubert, Gustave. Hoàng Hải Thủy dịch. Người vợ ngoài tình. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (190 tr.)

893- 3 Hug - n Hugo, Victor. Lê Xuyên dịch. Những kẻ anh dũng. ? , ? , ? , (292 tr.)

893- 3 Tol - v Tolstoy, Leo. Văn Chí dịch. Vương quốc của những người khùng. Pháp, Là Đồi, 1977, (77 tr.)

893- 4 Dua ? ? ? Xuân, Huyền dịch. Đứa con của Bồ Giã. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1979, (259 tr.)

894 Ngh ? ? ? Lê Hoa dịch. Ngân 30 một đêm. ? , ? , ? , (1261 tr. ; trọn bộ 3 cuốn)

894- 03 Buc - n Buck, Pearl S. Vũ Minh Thiệu dịch. Người mẹ. Sài Gòn, Gió Bùn Phướm, 1967, (319 tr.)

894- 1 Mít - 9 Miller, Wade. Ngọc Thủ Lang dịch. Gái Đóm. Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981, (342 tr.)

895-911 Bơ - 1 Bồ Tùng Linh. Đào Trinh Nhất dịch. Liêu trai chí dị. ? , ? , ? , (421 tr.)

895-911 Bơ - 1 Bồ Tùng Linh. Nguyễn Hoạt dịch. Liêu trai chí dị Canada, Quê Hương, 1982, (96 tr.)

895-911 Can - n Cẩn, Tào Tuấn. Nguyễn Quốc Hùng dịch. Hồng lâu mộng. (Trọn bộ 12 cuốn, 3047 tr.)

895-911 Chu ? ? ? Tô Chấn dịch. Chung Vô Diệm. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (Trọn bộ 2 cuốn, 736 tr.)

895-911 Cu ? ? ? Nguyễn Việt Khâm dịch. Cú Linh thần chú. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (Trọn bộ 6 cuốn)

895-911 Duo - t Dương, Lâm Ngự. Vũ Hùng dịch. Tình sử Vũ Tắc Thiêm. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (345 tr.)

895-911 Hun - t Hùng, Nguyễn. Tây Thái Hậu. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (578 tr.)

895-911 Kim ? ? ? Phan Hồng Trung dịch. Kim cổ kỳ quan. Sài Gòn, Khai Trí, 1967, (281 tr.)

895-911 Kim C1 + 2 Tử Văn Trường (?), hoặc Thành Thân (?), Nguyễn Đình Diệm dịch. Kim Vân Kiều Thành Tâm Tài Tử, quyển 1 và 2. Sài Gòn, Nhà Văn Hóa VNCH, 1971, (C1 : 443 tr. ; C2 : 478 tr.)

895-911 Kim - a Kim Dung. Thượng Lan dịch. Ấm thủ kiến lục. Tây Đức, SGAL, ? , (Trọn bộ 3 cuốn, 1776 tr.)

895-911 Kim - a Kim Dung. Phan Cảnh Trung và Đà Giang Tử dịch. Anh hùng xạ điêu. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (Trọn bộ 8 cuốn)

895-911 Kim - b Kim Dung. Thượng Lan dịch. Đà hoa hiệp nữ. Tây Đức, SGAL, ? , (Trọn bộ 2 cuốn, 951 tr.)

895-911 Kim - h Kim Dung. Thượng Lan dịch. Hắc Thằng Tiểu. Tây Đức, SGAL, ? , (gồm 3 cuốn, 1679 tr.)

895-911 Kim - h Kim Dung. Thiên Trung Tử dịch. Hồng Hoa Kiếm. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (gồm 4 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Hàn Giang Nhan dịch. Lục Mạch Thần Kiếm. Sài Gòn, Trung Thành, 1965, (gồm 8 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Hàn Giang Nhan dịch. Lục Mạch Thần Kiếm. Tây Đức, SGAL, ? , (gồm 6 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Tiên Phong dịch. Thái A Kiếm. Tây Đức, SGAL, ? , (gồm 2 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Từ Khánh Phụng dịch. Thái A Kiếm. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (gồm 2 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Phan Cảnh Trung dịch. Thần Điệu Đại Hiệp. Tây Đức, SGAL, ? , (Trọn bộ 7 cuốn)

895-911 Kim - v Kim Dung. Quân Ngọc dịch. Võ Tầm Ngũ Bã. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (Trọn bộ 4 cuốn, 1263 tr.)

895-911 La ? ? ? Tô Chấn dịch. La Thông tảo Bắc. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (144 tr.)

895-911 Ngo - d Ngô Long Sinh. Hàn Giang Nhan dịch. Điệu sáo mê hồn. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (Trọn bộ 5 cuốn)

895-911 Nha ? ? ? Nguyễn Cảnh Sắc dịch. Nhạc Phi diệt nghĩa. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (Trọn bộ 7 cuốn)

895-911 Pha ? ? ? Nguyễn Văn Thành dịch. Truyền Phán Đường diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (284 tr.)

895-911 Phu ? ? ? Phong Thần. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (Trọn bộ 4 quyển, 960 tr.)

895-911 Qui - t Qui, Hồ Huyền. Bùi Kỳ hiệu đính. Truyện Trinh Thủ Bí. Thanh Long, 1980, (57 tr.)

895-911 Tai ? ? ? Mộng Bình Sơn dịch. Tái Sanh Duyên Tân Biên, sử tích Mạnh Lệ Quân. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (622 tr.)

895-911 Tan ? ? ? Trần Xuân dịch. Tân Đường diệt nghĩa. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (112 tr.)

895-911 Tê ? ? ? Tô Chấn dịch. Tiệp Đình San chính tây. Tây Đức, SGAL, ? , (559 tr.)

895-911 Tê ? ? ? Tô Chấn dịch. Tiệp Môn Quí chính đông. Tây Đức, SGAL, ? , (234 tr.)

895-911 Thi - t Thiệu, Lê Duy. Thuyết Đường diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (491 tr.)

895-911 Thi - t Thị Mai An. Trần Tuấn Khải dịch. Thủy Hử. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1978, (Trọn bộ 4 cuốn, 1406 tr.)

895-911 Tho - c Thọ, Mao Diên. Đào Hoa Nguyễn dịch. Chiêu Quân Công Hồ. Tây Đức, SGAL, ? , (191 tr.)

895-911 Van ? ? ? Thanh Phong dịch. Vạn Huê Lâu diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (342 tr.)

895-913 Quy - b Quỳnh Dao. Lâm Quốc Trung dịch. Bán tính ca muôn thuở. Hoa Kỳ, Đạm Dao, ? , (277 tr.)

895-913 Quy - c Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Cảnh hoa chòm gió ? , Khai Hòa, ? , (351 tr.)

895-913 Quy - d Quỳnh Dao. Lê Đình Nguyên dịch. Đập khúc màu xanh. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (280 tr.)

895-913 Quy - h Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Hải Âu Phi Xú. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? , (341 tr.)

895-913 Quy - m Quỳnh Dao. Bành Dũng Tôn và Hồng Phong dịch. Một chút hương tình yêu. Tây Đức, SGAL, ? , (439 tr.)

895-913 Quy - m Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Mưa thu tà bay. Tây Đức, SGAL, ? , (380 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Hoàng Hà dịch. Nắng chiều. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (343 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Chiêu Dương dịch. Nấm mốc ở vắng. Tây Đức, SGAL, ? , (456 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Trọng Nguyễn dịch. Như bông mây trời. Tây Đức, SGAL, ? , (422 tr.)

895-913 Quy - s Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Song ngoại. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (379 tr.)

895-913 Quy - s Quỳnh Dao. Vương Quỳnh Ngân dịch. Song trắng quanh què. Tây Đức, SGAL, ? , (283 tr.)

895-913 Quy - t Quỳnh Dao. Ngọc Linh và Vĩnh Diên dịch. Tương Tư Thảo. Tây Đức, SGAL, ? , (470 tr.)

895- 92 Dun - m Dung, Huỳnh. Mãi giữ phục quốc. (Tiểu thuyết dã sử). Thụy Sĩ, gtcib, 1983, (390 tr.)

895-911 Cao - 1 Cao, Ma vận. Trần Nhật Duật dịch từ tiếng Hán (đồng Bùi Mông) ra Hán ngữ. Bùi Đán dịch sang Việt ngữ. Liên Nam Đột Sĩ. Hoa Kỳ, Trầm Việt, ? , (Trọn bộ 2 cuốn, XII, 650 tr.)

895-921 Cao - 1 Cao, Ma vận. Trần Nhật Duật dịch từ tiếng Hán ra Hán ngữ. Bùi Đán dịch sang Việt ngữ. Liên Nam Đột Sĩ. Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu BGD, 1968, (342 tr.)

895-921 Lan - v Lang, Nguyễn. Văn Lang Di Sĩ. Pháp, Là Đồi, 1976, (289 tr.)

895-921 Nga - p Ngân, Lê Kim và Nguyễn Hoàng Giang - sưu tập. Phủ Đông Thiêm Vương. Canada, Lạc Việt, 1978, (24 tr.)

895-921 Ngo - t Ngọc, Nguyễn vận - sưu tập. Truyện cổ nước Nam. Tây Đức, SGAL, ? , (243 tr.)

895-921 Sơn - c Sơn Nam - sưu tập. Chuyện xưa tích cũ. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (105 tr.)

895-921 Sơn - n Sơn Linh. Nghĩa Sĩ Thành Tây Bô, đ. đ. sử tiểu thuyết Hoa Kỳ, Zieleks, ? , (480 tr.)

895-911 Kim - h Kim Dung. Thiên Trung Tử dịch. Hồng Hoa Kiếm. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (gồm 4 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Hàn Giang Nhan dịch. Lục Mạch Thần Kiếm. Sài Gòn, Trung Thành, 1965, (gồm 8 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Hàn Giang Nhan dịch. Lục Mạch Thần Kiếm. Tây Đức, SGAL, ? , (gồm 6 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Tiên Phong dịch. Thái A Kiếm. Tây Đức, SGAL, ? , (gồm 2 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Từ Khánh Phụng dịch. Thái A Kiếm. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (gồm 2 cuốn)

895-911 Kim - t Kim Dung. Phan Cảnh Trung dịch. Thần Điệu Đại Hiệp. Tây Đức, SGAL, ? , (Trọn bộ 7 cuốn)

895-911 Kim - v Kim Dung. Quân Ngọc dịch. Võ Tầm Ngũ Bã. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (Trọn bộ 4 cuốn, 1263 tr.)

895-911 La ? ? ? Tô Chấn dịch. La Thông tảo Bắc. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (144 tr.)

895-911 Ngo - d Ngô Long Sinh. Hàn Giang Nhan dịch. Điệu sáo mê hồn. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (Trọn bộ 5 cuốn)

895-911 Nha ? ? ? Nguyễn Cảnh Sắc dịch. Nhạc Phi diệt nghĩa. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (Trọn bộ 7 cuốn)

895-911 Pha ? ? ? Nguyễn Văn Thành dịch. Truyền Phán Đường diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (284 tr.)

895-911 Phu ? ? ? Phong Thần. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (Trọn bộ 4 quyển, 960 tr.)

895-911 Qui - t Qui, Hồ Huyền. Bùi Kỳ hiệu đính. Truyện Trinh Thủ Bí. Thanh Long, 1980, (57 tr.)

895-911 Tai ? ? ? Mộng Bình Sơn dịch. Tái Sanh Duyên Tân Biên, sử tích Mạnh Lệ Quân. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (622 tr.)

895-911 Tan ? ? ? Trần Xuân dịch. Tân Đường diệt nghĩa. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (112 tr.)

895-911 Tê ? ? ? Tô Chấn dịch. Tiệp Đình San chính tây. Tây Đức, SGAL, ? , (559 tr.)

895-911 Tê ? ? ? Tô Chấn dịch. Tiệp Môn Quí chính đông. Tây Đức, SGAL, ? , (234 tr.)

895-911 Thi - t Thiệu, Lê Duy. Thuyết Đường diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (491 tr.)

895-911 Thi - t Thị Mai An. Trần Tuấn Khải dịch. Thủy Hử. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1978, (Trọn bộ 4 cuốn, 1406 tr.)

895-911 Tho - c Thọ, Mao Diên. Đào Hoa Nguyễn dịch. Chiêu Quân Công Hồ. Tây Đức, SGAL, ? , (191 tr.)

895-911 Van ? ? ? Thanh Phong dịch. Vạn Huê Lâu diệt nghĩa. Tây Đức, SGAL, ? , (342 tr.)

895-913 Quy - b Quỳnh Dao. Lâm Quốc Trung dịch. Bán tính ca muôn thuở. Hoa Kỳ, Đạm Dao, ? , (277 tr.)

895-913 Quy - c Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Cảnh hoa chòm gió ? , Khai Hòa, ? , (351 tr.)

895-913 Quy - d Quỳnh Dao. Lê Đình Nguyên dịch. Đập khúc màu xanh. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (280 tr.)

895-913 Quy - h Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Hải Âu Phi Xú. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? , (341 tr.)

895-913 Quy - m Quỳnh Dao. Bành Dũng Tôn và Hồng Phong dịch. Một chút hương tình yêu. Tây Đức, SGAL, ? , (439 tr.)

895-913 Quy - m Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Mưa thu tà bay. Tây Đức, SGAL, ? , (380 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Hoàng Hà dịch. Nắng chiều. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? , (343 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Chiêu Dương dịch. Nấm mốc ở vắng. Tây Đức, SGAL, ? , (456 tr.)

895-913 Quy - n Quỳnh Dao. Trọng Nguyễn dịch. Như bông mây trời. Tây Đức, SGAL, ? , (422 tr.)

895-913 Quy - s Quỳnh Dao. Liễu Quốc Nhì dịch. Song ngoại. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? , (379 tr.)

895-913 Quy - s Quỳnh Dao. Vương Quỳnh Ngân dịch. Song trắng quanh què. Tây Đức, SGAL, ? , (283 tr.)

895-913 Quy - t Quỳnh Dao. Ngọc Linh và Vĩnh Diên dịch. Tương Tư Thảo. Tây Đức, SGAL, ? , (470 tr.)

895- 92 Dun - m Dung, Huỳnh. Mãi giữ phục quốc. (Tiểu thuyết dã sử). Thụy Sĩ, gtcib, 1983, (390 tr.)

895-911 Cao - 1 Cao, Ma vận. Trần Nhật Duật dịch từ tiếng Hán (đồng Bùi Mông) ra Hán ngữ. Bùi Đán dịch sang Việt ngữ. Liên Nam Đột Sĩ. Hoa Kỳ, Trầm Việt, ? , (Trọn bộ 2 cuốn, XII, 650 tr.)

895-921 Cao - 1 Cao, Ma vận. Trần Nhật Duật dịch từ tiếng Hán ra Hán ngữ. Bùi Đán dịch sang Việt ngữ. Liên Nam Đột Sĩ. Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu BGD, 1968, (342 tr.)

895-921 Lan - v Lang, Nguyễn. Văn Lang Di Sĩ. Pháp, Là Đồi, 1976, (289 tr.)

895-921 Nga - p Ngân, Lê Kim và Nguyễn Hoàng Giang - sưu tập. Phủ Đông Thiêm Vương. Canada, Lạc Việt, 1978, (24 tr.)

895-921 Ngo - t Ngọc, Nguyễn vận - sưu tập. Truyện cổ nước Nam. Tây Đức, SGAL, ? , (243 tr.)

895-921 Sơn - c Sơn Nam - sưu tập. Chuyện xưa tích cũ. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? , (105 tr.)

895-921 Sơn - n Sơn Linh. Nghĩa Sĩ Thành Tây Bô, đ. đ. sử tiểu thuyết Hoa Kỳ, Zieleks, ? , (480 tr.)

2 bộ

2 bộ

Tiểu thuyết Trung Hoa (hiện đại)

Văn học Việt Nam (cổ điển)

895.921 Toan Anh - sulu lapp, Việt Nam Truyền Kỳ Tập truyện Canada, Quê Hương, 7, (200 tr.)  
 895.921 Tô Văn - sulu lapp, Báo Khánh dịch sang tiếng Anh, Tô Giang Tô dịch sang tiếng Pháp, Cở tịch Việt Nam, Canada, Quê Hương, 1982, (206 tr.) (Việt-Pháp-Anh)  
 895.921 Thư, Hà văn và Vũ Quang Nhậm, Ý tiếng, Truyện ngắn các dân tộc thiểu số miền Nam Lào II, HANOI Văn Hóa, 1976, (331 tr.)  
 895.921 Văn Anh, Nguyễn thị, Cỏ Bè và con của vắng, HANOI Hà Nội, 1978, (62 tr.)  
 895.922 Thuật, Nguyễn Trọng, Quả dưa đỏ, Hoa Kỳ, Sống Mới 7, (209 tr.)  
 895.923 An Khê, Đâu đến phận giàu, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (509 tr.)  
 895.923 Bang, Vũ, Thương nhớ mười hai, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (290 tr.)  
 895.923 Côn, Nguyễn Mạnh, Tinh cao thượng, 7, 7, 7, (115 tr.)  
 895.923 Chánh, Hồ Biếu, Chút phận linh đình, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (219 tr.)  
 895.923 Chánh, Hồ Biếu, Ông cũ, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (243 tr.)  
 895.923 Chánh, Hồ Biếu, Ý nghĩa vĩ tinh, Tây Đức, SGAL, 7, (254 tr.)  
 895.923 Chúc, Phan Trăn, Hồi chuông Thiên Mục, Pháp, Đông Nam Á, 7, (216 tr.)  
 895.923 Chu Tử, Loan, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (383 tr.)  
 895.923 Chu Tử, Sống (tức Loan 1), Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7, (419 tr.)  
 895.923 Duy Lạc, Gia đình tôi, Hoa Kỳ, 7, 7, (181 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Ánh mắt trông theo, Hoa Kỳ, Việt Nam, 7, (116 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Bỏ sửa gập cổ chày, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (196 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Cây leo hạnh phúc, Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981, (477 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Chướng Cơn, Hoa Kỳ, Hồn Việt, 7, (197 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Đầu chân sỏi đá, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (128 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Điều ru nước mắt, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (142 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Giấc ô kê, Hoa Kỳ, Việt Nam, 7, (138 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Hùng mạp phiêu lưu, 7, 7, 7, (149 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Mây mùa thu, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (182 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Sa mạc tuổi trẻ, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (357 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Trường cũ, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (141 tr.)  
 895.923 Duyên Anh, Vết thù nằm trên lưng ngựa hoang, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (346 tr.)  
 895.923 Hoài Hiệp Thứ Lang (Đình Hùng), Kỳ nữ gở Ồn Khẩu Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7, (Trọn bộ 2 cuốn, 727 tr.)  
 895.923 Hoàng, Nguyễn thị, Ngày qua bóng tối, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (141 tr.)  
 895.923 Hoàng, Nguyễn thị, Tình yêu, địa ngục, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (254 tr.)  
 895.923 Hoàng, Nguyễn thị, Vực nước mắt, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (280 tr.)  
 895.923 Hoàng, Nguyễn thị, Vòng tay học trò, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (419 tr.)  
 895.923 Kim Nhật, Về R (viết về bí mật của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, 7, (557 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Bẩn khuôn, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (277 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Đọc Đường gập bụi, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (157 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Đẹp, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (278 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Gia đình, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (115 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Hồn bướm mơ tiên, Hoa Kỳ, Sống Mới, 1978, (131 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Tiếng suối reo, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (104 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Nước Chưng Xuân, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (311 tr.)  
 895.923 Khải Hưng, Thoát ly, 7, Văn Nghệ, 7, (254 tr.)

Tiểu thuyết Việt Nam (truyện dài)

2 4.

895.923 Khải Hưng, Tiểu Sơn Tráng Sĩ Sài Gòn, Sống Mới, 1979, (420 tr.)  
 895.923 Lê Hằng, Mất tìm, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (518 tr.)  
 895.923 Long, Nguyễn Thụy, Loan mất nhưng, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (623 tr.)  
 895.923 Long, Nguyễn Thụy, Trong vũng tay đàn ông, Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, 7, (477 tr.)  
 895.923 Mai Thảo, Thời Thượng, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (399 tr.)  
 895.923 Minh Đức Hoài Trinh, Giông mưa trích lịch, B1, Thanh Long, 1977, (159 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Đọc đường số 1, 7, 7, 7, (237 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Đọc đường số 1, Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7, (237 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Đầu bình lúa, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (382 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Dưa lừng nổi chết, Hoa Kỳ, Đại Nam, 7, (280 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Dưa lừng nổi chết, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (288 tr.)  
 895.923 Nam, Phan Nhật, Mưa hè đổ lửa, Hoa Kỳ, Đại Nam, 7, (236 tr.)  
 895.923 Người thứ Tám, Cạn bầy trên giông Chaochya, Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7, (326 tr.)  
 895.923 Người thứ Tám, Bắc Kinh, 72 giờ nghe thở, Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7, (394 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Bồng tối thời con gái, Hoa Kỳ, Đại Nam, 7, (125 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Đem nghe tiếng đại bác, Hoa Kỳ, Sống Mới 7, (136 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Giải khăn số chú Huế, 7, 7, 7, (523 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Hiện như mặt tìm, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (283 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Mưa trên cây sầu đông, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (333 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Ngày 301 ta mới lên, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (252 tr.)  
 895.923 Nhã Ca, Tinh đầu, 7, 7, 7, (134 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Bướm trắng, tiểu thuyết, Sài Gòn, Đời Nay, 1970, (266 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Đoàn tuyệt, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (249 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Đi Tây, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (108 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Đời bạn, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (234 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Lạnh lùng, 7, Đời Nay, 7, (176 tr.)  
 895.923 Nhất Linh, Nắng Thu, 7, 7, 7, (120 tr.)  
 895.923 Nhất Hạnh, Nẻo về cửa Ý, Pháp, Là Bối, 1977, (289 tr.)  
 895.923 Nhất Tiên, Những người áo trắng, Sài Gòn, Huyền Trân, 1968, (118 tr.)  
 895.923 Phụng, Vũ Trọng, Giông tố, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (340 tr.)  
 895.923 Phụng, Vũ Trọng, Lấy nhau vĩ tinh, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (244 tr.)  
 895.923 Phụng, Vũ Trọng, Trúng số độc đắc, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (331 tr.)  
 895.923 Sĩ Trung, Thương nhớ mặt mình, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (437 tr.)  
 895.923 Sơn Nam, B3 ChGa Hòn, Hoa Kỳ, Đại Nam, 7, (518 tr.)  
 895.923 Sĩ Doãn Quốc, Ba sinh hướng lửa, 7, 7, 7, (365 tr.)  
 895.923 Sĩ Doãn Quốc, Dòng sông bình mệnh, 7, 7, 7, (146 tr.)  
 895.923 Sĩ Doãn Quốc, Đàm thoại độc thoại, Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, 7, (195 tr.)  
 895.923 Sĩ Doãn Quốc, Người đàn bà bên kia vĩ tuyến, Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, 7, (245 tr.)  
 895.923 Sĩ Doãn Quốc, Sầu này, Hoa Kỳ, Tinh Hoa Miền Nam, 7, (255 tr.)  
 895.923 Tôán, Nguyễn Đình, Không mặt ai, Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (374 tr.)  
 895.923 Tôn, Đức, Hoa Vồng Vàng, Hoa Kỳ, 7, 7, (184 tr.)  
 895.923 Tô Hoa, Danh già, Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (290 tr.)

2 4.

2 4.

2 4.



895.923 Tu Hoa (Sài Gòn). Yao ngữ. Tây Đức. Sài Gòn Ấn Loát, 7

895.923 Thuộc Lan. Sợi tóc. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (78 tr.)

895.923 Thái, Trần Văn. Trại Đồn Đồn. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1979, (493 tr.)

895.923 Thế Lữ. Bên đường Thiên Lôi. Hoa Kỳ, Sống Mới, (217 tr.)

895.923 Vinh, Nguyễn thị. Thương yêu. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (207 tr.)

895.923 Kỹ, Nguyễn. Tuổi, chàng trai nước Việt (chúng tôi thời Đại từ 1900 đến 1970). Hoa Kỳ, Sống Mới, 7 (Tập bộ 2 cuốn, 1122 tr.)

895.923 Xuân Vũ. Đường đi không đến. 7, 7, 7, (462 tr.)

895.924 Châu, Trần Huỳnh. Những năm cái tạc ở Bắc Việt. Hoa Kỳ, Tiểu thuyết Nguyễn Sơn, 1981, (152 tr.)

895.924 Nam, Phan Nhật. Đi kỹ Phan Nhật Nam. Pháp, Ủy Ban Tranh Đấu Tự Do cho Văn Nghệ Sĩ Việt Nam, 1981, (XII, 67 tr.)

895.924 Hồ Khanh. Đời Truyện dài sáng tác quốc nội. Pháp Là Bối, 1982, (236 tr.)

895.924 Quên, Trần Trung. Ngục tù lao động Việt Nam. Pháp tỵ tá, 1977, (157 tr.)

895.927 Bình, Vũ. MÈ (chủ tập truyện). Sài Gòn, Nguyệt San Tân Văn, 1970, (123 tr.)

895.927 Cư Sĩ Dân Quyền - sưu tập. Tuyển tập thơ văn Dân Quyền 78-82. Canada, Dân Quyền, 1982, (185 tr.)

895.927 Bình, Vũ. Kỉ Sấm Sát. Pháp, Là Bối, 1980, (146 tr.)

895.927 Duyên Anh. Anh lúa đêm tà. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (199 tr.)

895.927 Duyên Anh. Kể bí xã tên trong số bụi đời. 7, 7, 7, (217 tr.)

895.927 Duyên Anh. Đêm thành võ công. Hoa Kỳ, 7, 7, (125 tr.)

895.927 Dung Sảng. Để thương. Hoa Kỳ, Tinh Hoa, 7, (161 tr.)

895.927 Hân, Dương Quảng - sưu tập. Văn Học Việt Nam. Pháp, Trùng Dương, 7, (236 tr.)

895.927 Hoàng, Nguyễn thị. Dưới vầng hoa trắng. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (124 tr.)

895.927 Hoàng Văn. Giọt mưa đầu hạ. Pháp, Khánh Anh, 1979, (124 tr.)

895.927 Hoàng Văn. Ngủ ngang. Tây Đức, Tây Đức, 1978, (22 tr.)

895.927 Hoàng Đạo. Tiếng Dân. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (150 tr.)

895.927 Huân, Đặng Trần. Ngây vui. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (164 tr.)

895.927 Institut de l'Asie du Sud Est - sưu tập. Truyện ngắn hay nhất miền Nam 1954-1975. Tập 1, 2, 3. Pháp, SUDASIE, 1975, (gồm 3 cuốn, 799 tr.)

895.927 Khải Hùng. Cái ve. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (155 tr.)

895.927 Khải Hùng. Đợi chờ. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (124 tr.)

895.927 Là Bối - sưu tập. Giọt nước cánh chim, tuyển tập truyện ngắn. Pháp, Là Bối, 1976, (158 tr.)

895.927 Là Bối - sưu tập. Một bó hoa đồng, tuyển tập truyện ngắn. Pháp, Là Bối, 1977, (134 tr.)

895.927 Nam, Phan Nhật. Charlie, tên nghe quá lạ. 7, 7, (57 tr.)

895.927 Nam, Phan Nhật. Tử binh và hỏa binh. Sài Gòn, Hiện Đại, 1974, (422 tr.)

895.927 Nhật Linh. Người quay tơ. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (90 tr.)

895.927 Nhũ Ca. Tình ca cho Huế ở núi. Hoa Kỳ, Sống Mới 7, (219 tr.)

895.927 Phiến, Vũ. Đất nước quê hương. Sài Gòn, Lửa Thiêng, 1973, (276 tr.)

895.927 Sơn Nam. Hương rừng Cà Mau. 7, 7, 7, (169 tr.)

895.927 Cơ Sở Xuất Bản Sông - sưu tập. Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta. Hoa Kỳ, Đại Nam 7, (gồm 2 cuốn : C1 & C2, 789 tr.)

895.927 Tô Hoài. Ở chuột. 7, 7, 7, (152 tr.)

895.927 Tuấn, Hoàng Ngọc. Học trò. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (293 tr.)

895.927 Trang Châu. Y sĩ tiên tuyển. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1978, (204 tr.)

895.927 Tổ Sách Văn Nghệ Dân Tộc - sưu tập. Những ngày dài trên quê hương. Sài Gòn, NHOI, 1972, (300tr.)

895.927 Văn Hữu - sưu tập. Tuyển tập thơ văn 90 tác giả Việt Nam hải ngoại 1975-1981. Hoa Kỳ, Văn Hữu, 1982, (432 tr.)

895.927 Vinh, Nguyễn thị. Hai chị em. 7, 7, 7, 7,

895.933 Miura, Ayako. Lữ Quốc Nhị dịch. Bông Diêm. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, 7, (509 tr.)

895.933 Yukio, Mishima. Ôi! Khinh Hoàn và Nguyễn Tường Minh dịch. Chiều hôm lễ chuyển. Hoa Kỳ, Zitelex, 7, (238 tr.)

895.933 Yukio, Mishima. Ôi! Khinh Hoàn và Nguyễn Tường Minh dịch. Tiếng sông. Hoa Kỳ, Zitelex, 1981, (249 tr.)

895.983 Tagore, Rabindranath. Ôi! Khinh Hoàn dịch. Tâm tình hiền đồng. Sài Gòn, Ấn Tiên, 1969, (99 tr.)

900 : S Ữ Đ Ị A

965.92 Sơn, Vương Hồng. Sài Gòn năm xưa. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (316 tr.)

965.92 Tập San Sĩ Địa - sưu tập. Địch khảo về Trường Sa và Hoàng Sa. Sài Gòn, Sĩ Địa, 1975, (350 tr.)

965.921 Ai, Vũ Văn. Nguyễn Trãi, sinh thực và hành động. Pháp, Quê Mẹ, 1981, (224 tr.)

965.921 Bình, Phan Kế. Nam Hải dị nhân liệt truyện. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (VI, 195 tr.)

965.921 Hành Sơn. Cụ Trần Cao Vân, người ĐỂ BỎ xuống Dịch Trung Thiên và BÈ cùng Hoàng Đế Duy Tân đi xuống Cách Mạng 1916. Pháp, Minh Tân, 1952, (116 tr.)

965.921 Nặng, Nguyễn Tư - sưu tập. Thẩn thoại Việt Nam. 7, 7, 7, (265 tr.)

965.921 Nguyễn, Bùi Văn. Nguyễn Trãi truyện. 7, 7, 7, (363 tr.)

965.921 Viện Sĩ Học Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Nguyễn Trãi toàn tập. Hà Nội, KHXH, 1976, (844tr.)

965.922 Thu Trang. Những hoạt động của Phan Chu Trinh tại Pháp (1911-1925). Pháp, Sudasie, 1983, (301tr.)

994.1 Việt Nam Khảo Dịch Xã. Lịch sử Hoa Kỳ (từ tập quốc đến 1965). Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (604 tr.)

995.911 ? ? ? Nguyễn Ôi! Mục đích. Đông Chu Liệt Quốc, q.1, Sài Gòn, Mộc Lâm, 1968, (213 tr.)

- 31 -

995.911 ? ? ? Mộng Bình Sơn dịch. Đông Chu Liệt Quốc tân biên. Hoa Kỳ, Zien Hồng, 7, (Tập bộ 3 cuốn, 1256 tr.)

995.911 Trung, Lê Quán. Mộng Bình Sơn dịch. Tam Quốc Chí diêm nghĩa. Tây Đức, SGAL, 7, (Tập bộ 2 cuốn, 1749 tr.)

995.92 Báo Văn. Việt Nam thông thư (những điều thông thường cần biết về Việt Nam). Canada, Quê Hương 1980, (200 tr.)

995.92 Quốc Sĩ Quân (triều Tự Đức). Đại Nam Nhất Thống Chí. Sài Gòn, Nha Văn Hóa Bộ QGGD, 1960-65. Ghi chú: Bộ sách do Quốc Sĩ Quân biên soạn. Cao Xuân Đức, Lưu Đức Xung và Trần Xuân trảng tu. Gồm: C5 : Trần Tuấn Khải dịch. Tỉnh Thanh Hóa. (159tr.) C9 : Nguyễn Tạo dịch. Tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình C10 : Nguyễn Tạo dịch. Thừa Thiên Phủ, tập thượng C11 : Nguyễn Tạo dịch. Thừa Thiên Phủ, tập trung C12 : Nguyễn Tạo dịch. Thừa Thiên Phủ, tập hạ C13 : Đông Chu Kinh dịch. Tỉnh Hà Tĩnh C14 + 15 : Đông Chu Kinh dịch. Tỉnh Nghệ An

995.92 Kim, Trần Trọng. Việt Nam sử lược, quyển 1 (lịch sử từ trước thời kỳ Nam Bắc Phân Tranh đến Pháp thuộc) Hoa Kỳ, Đại Nam, 7 (XII, 324 tr.)

995.92 Kim, Trần Trọng. Việt Nam sử lược, quyển 2 (lịch sử từ thời kỳ Nam Bắc Phân Tranh đến Pháp thuộc) Hoa Kỳ, Đại Nam, 7, (354 tr.)

995.921 Lê, Phan Huy. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427). Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977, (560 tr.)

995.921 Tân, Văn và những người khác. Thời Đại Hùng Vương lịch sử kinh tế - chính trị - xã hội. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1976, (271 tr.)

995.921 Xuyên, Lý Tế. Đình Gia Khâm dịch. Việt Điện U Linh. Hà Nội, Văn Hoá, 1979, (82 tr.)

995.922 Châu, Phan Đợi. Chu Thiên và Chương Thủ dịch. Việt Nam vong quốc sử. Pháp, 7, 1972, (88 tr.)

995.922 Khoang, Phan. Việt Nam Pháp thuộc sử (1884-1945) Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (XIII, 495 tr.)

995.922 Xuân, Nguyễn Văn. Phong trào Duy Tân, Sài Gòn, Là Bối, 1969, (375 tr.)

995.923 An, Hoàng và Thanh Liên, Thanh Khê. Sài Gòn màu lụa. Tết Mậu Thân 1968. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (193 tr.)

995.923 Diêm, Nguyễn. Miên Nam sau hội nghị Genève 1954. Pháp, Houderville, 1979, (122 tr.)

995.923 Kông, Lê Sĩ. Mắc cảm Việt Nam, The Vietnam Syndrome. Hoa Kỳ, Zien Hồng, 1981, (75 tr.)

995.923 Luận, Cao Văn (Linh Mục). Bên giống Tịch sử, 1940-1965. Hoa Kỳ, Sống Mới, 7, (455 tr.)

995.924 Hồn Việt - sưu tập hình ảnh. Cuộc đời tôi ở thăm, tài liệu bằng hình về quốc nạn 30.04.75. Hoa Kỳ, Hồn Việt, 1979, (60 tr.)

995.924 Ngã, Nguyễn Khái. Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Canada, Môn nghiên cứu Sĩ Địa, 1979, (430 tr.)

995.924 Vinh, Phan Kim. Sài Gòn (2), những tập luận về cái chết của Việt Nam Cộng Hòa. Hoa Kỳ, tỵ tá, 1981, (250 tr.)

# Phương danh quý Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

## Bất thường

(Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 1983)

ĐH Nguyễn Thị Tạo 10DM.ĐH Huỳnh Thành - (Nürnberg)100DM.PT Giang Liên(")30DM .PT Giang Lăng Mai(")30DM.PT Mã Tuấn Diệp (Hamburg)50DM.GĐĐH Tiêu Chí Hùng(Krefeld) hồi hưởn hưởn linh ĐH Quách Lệ Anh 200 DM.ĐH Quách Thị Huệ(")20DM.PT Michael - Holzapfel(Wiesbaden)20DM.ĐH Đinh Thị Hội (Aachen)150DM.ĐH Lê Huy Cát(Hannover)100 DM.ĐH Huỳnh Thị Hoàng(Haren)hồi hưởn hưởn linh Cao Tây Truyền 100DM.Freiburge Jugendliche 100DM.Jugenddorf Klinge 100DM .Đông Bào Việt Nam vùng Freiburg 200DM.ĐH Lê Văn Hiến(Düsseldorf)20DM.PT Giang Xú Há(Essen)20DM.ĐH Võ Thiệt(Ferwerd-Hoà Lan 20Gulden.PT Trưởng Thị Mai(M'gladbach)30 DM.Đông Bào Việt Nam tại Rotenburg cúng dường Tam Bảo - ĐH Trần Thành Cường. ĐH Lục Xây,ĐH Lục Cường,ĐH Đặng Phúc Minh, ĐHLý Thanh Hiến,ĐH Trưởng Kim Anh,ĐHTrần Thị Hà,ĐH Huỳnh Thị Hoa,ĐH Trưởng Thị Huệ ĐH Tạ Khánh,ĐH Lý Tường,ĐH Lý Quốc Lũng ĐH Lý Quốc Đông,ĐH Tăng Quốc Cổ,ĐH Trần Duyệt Sanh,ĐH Đỗ Hiệp Thuận 400DM.ĐH Tạ Sinh(")10DM.ĐH Nguyễn Hữu Văn(")20DM. và nhà hàng Kim Long ủng hộ việc ăn thức cho đông bào Phật Tử tham dự buổi lễ Phật vào ngày 29.10.1983.ĐH Trưởng Triệu Bắc(Albstadt)30DM.ĐH Nguyễn Thị Khiết(Hannover) 20DM.Đông Bào Phật Tử Hamburg cúng dường nhân buổi lễ Phật ngày 5.11.1983 160DM . PT Nguyễn Văn Lộc+Đỗ Thị Đương(Uden -Hoà Lan)hồi hưởn hưởn linh thân phụ Đỗ Văn Khôi 50 Gulden+20DM.ĐH Phạm Thị Nhiều (M'gladbach)30DM.GĐĐH Họ Đặng(Oldenburg) hồi hưởn hưởn linh thân phụ Đặng Đ ứ c 370DM.PT Hồ Châu(Löninge)20DM.PT Nguyễn Thị Anh(Berlin)20DM.PT Lê Văn Long(M'gladbach)50DM.Dr. Phan Huy Óanh(Bonn)250DM PT Trần Ngọc Tiên(Hannover)hồi hưởn hưởn linh thân phụ Trần Văn Ngọc 100DM.ĐH Lê Sanh(Spaichingen)20DM.PT Diệu Thu(München)20DM.ĐH Tùng Hưởn(")30DM.ĐH Trần Ngh. Đới(")20DM.ĐH Lê Thị Diệp(")10DM.ĐH Lạc Thị Ngân PD Diệu Đà,ĐH Trần Thị Lánh,ĐH Huỳnh Thiện Hoa,ĐH Nguyễn Hồng(") 50DM. ĐH Nguyễn Thị Hải(Houston-USA)50US.ĐH Lê

Khắc Châu(Augsburg)hồi hưởn hưởn linh thân mẫu Nguyễn Thị Tạo 200DM.PT Vương Cường(Lichtenstein)20DM.PT Trần Thị Năm (Troisingen)hồi hưởn hưởn linh t h ân mẫu Trưởng Thị Huệ 50DM.ĐH Nguyễn Văn Đổng(Essen)hồi hưởn hưởn linh Nguyễn Tử Thưởn 50DM.PT ân danh(Stuttgart)20DM.ĐH Hoàng Thị Bình(Böblingen)20DM.ĐH Tr a m Tiêu(Vechta)30DM.ĐH Trưởng Hồn Quyên(") 30DM.PT Trịnh Minh Tân(Bad Pyrmont)20DM. GĐĐH Huỳnh Mộc Lâm+Lâm Nga(Bad Pyrmont,) hồi hưởn hưởn linh thân mẫu Tô Tài Cẩm 250DM.Famijie Karl+Gai(Lindenscheid)200D M.ĐH La Cửu(Hildesheim)10DM.ĐH Châu Văn Đổng(Neustadt a.R.G)10DM.ĐH Diệu T i nh (Hannover)20DM.ĐH Nguyễn Thị Long(Rheine 50DM.ĐH Châu Thị Thiệp(Paderborn)10DM.ĐH Nguyễn Đăng Bút(Lausanne-Thụy Sĩ)50FrS . Ni Cô Trí Hạnh(Marseille-Pháp)50FrS. ĐH La Hai(Lausanne-Thụy Sĩ)20FrS.ĐH Nguyễn Thị Tụng(Marseille-Pháp)100FF.

## Báo Viên Giác

ĐH Phạm Văn Trạch(Stuttgart)20DM.ĐH Hồ Văn Nguyễn(Paris-Pháp)100FF.ĐH Đinh Xuân Thảo(Montréal-Canada)30Can.ĐH Ngô Kim Lang(Brossard-Canada)20Can.ĐH Lê Văn Hiến (Düsseldorf)20DM.ĐH Võ Thiệt(Ferwerd-Hoà Lan)10Gulden.Bác Sĩ Võ Vĩnh Hoa(Crêteil-Pháp)300FF.ĐH Nguyễn Trung Nghệ PD Diệu Thuật(Milpitas-USA)20US.Việtnam LadenTủn Hưởn(München)100FF.PT Mã Phẩm(München ) 12DM.ĐH Ngô Xuân Thanh(Kobenhavn-Đan Mạch 50Kronne.ĐH Tâm Anh L.Trần(Brossard-Canada)30Can.ĐH Trần Thị Hiệp(Montréal-Canada)20Can.ĐH Somphonaphakdy(Gammer -tingen)50DM.PT Phạm Ngọc Sơn(Aachen)10M T.T.Thích Nguyễn Đạt(Long Beach-USA)20US ĐH Nguyễn Hữu Nghĩa(Solingen)in kínhPháp Hoa hồi hưởn công đức đến thân mẫu Nguyễn Thị Lang 50 DM.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Cana.)20

## Hội thiện

GĐPT Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp(Hannover và Norddeich)5.000DM.PT Võ Thị Hoàng Mai - (Hamburg) 1.000DM



## Cúng dường xây Chùa

GĐPT Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp(Hannover và Norddeich)2.000,00DM.PT Ngô Vinh P h ú c (Norddeich)1.000,00DM.ĐH Lôi Thi Sáu(") 200DM.ĐH Châu Thị Khanh(")200DM.ĐH Trịnh Diệu(")500DM.ĐH Lâm Anh(")100DM.ĐH Thái Thị Thu(")200DM.ĐH Phù Phụng(")500DM.ĐH Trần Thị Bông(")500DM.ĐH Lâm Thị Lến (") 200DM.ĐH Nhâm Mỹ Anh(")500DM.ĐH Trần Văn Quang(")200DM.PT Lê Thanh Quang(")500DM. PT Nguyễn Tấn Đức(")300DM.PT Nguyễn Thị Kiều Thi(Julich)500DM.ĐH Lý Ất(Papenburg) 200DM.PT Trịnh Thủy Hưởng(Wolfhagen)300DM.ĐH Maj Xuân Diệu(Hann.Münden)100DM.Phật Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen)500DM.GĐĐH Lữ Đạt Huy,Tôn Khánh Giảng,Tuyết Anh(Oberhausen)500DM.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Québec-Canada)100Can.ĐH Nguyễn Thị Mai(Viersen)100DM.ĐH Dương Văn Phương(Essen)200DM.PT ân danh (Düren)500DM.ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe) 1.000,00DM.PT Nguyễn Bình Đông(Lünen ) 100DM.GĐĐH Trần Văn Quý và GĐĐH HuỳnhThị Khiêm(Hamburg)nguyện cúng dường Tôn Tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lợ thiêng trước Nam Liên Trì chùa mới.PT Trần PhướcThiện (Hamburg)1.000,00DM.GĐĐH Đào Hữu Chí(") 1.000,00DM.GĐĐH Thọ Tú(")500DM.GĐĐH Phạm Ngọc Hương(")500DM.GĐĐH Trần Tô Thanh(") 100DM.GĐĐH Nguyễn Văn Kiên(")500DM.GĐĐH. Nguyễn Thị Kim Hạnh(")500DM.GĐĐH Võ Toàn Trung 1.000,00DM.GĐĐH Diệp Lợi(")100DM . GĐĐH Đàng Tú Anh(")200DM.GĐPT Võ Xuân Khôi+Huỳnh Thị Tuyết(")cúng dường một bộ Tam Sư(lư đồng)ở bàn thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.GĐĐH Võ Thị Hiện(Krabbendijk- Hòa Lan)1.000,00DM.GĐĐH Đờ Chánh Dân(Sindelfingen)200DM.GĐĐH Viên Kim Huy(")100DM . GĐĐH Nguyễn Thị Tú(")500DM.GĐĐH Trần Thực Hiền(")500DM.GĐĐH Nguyễn Hữu Vĩnh(")500DM GĐĐH Lý Quốc Lương(Rotenburg)200DM.GĐĐH. Trương Nhi(")1.000,00DM.GĐĐH Nguyễn Hữu Văn(")200DM.GĐĐH Trần Thành Cường(")200M GĐĐH Trần Duyệt Sanh(")200DM.GĐĐH Tạ Đồng Khánh(")100DM.GĐĐH Tăng Quốc Cơ(")100DM.ĐH Đờ Thuận Phát(Braunschweig)1.000,00DM PT Phạm Văn Phi(Fallingsbostel)500DM.ĐH Ngô Thị Lệ(")500DM.ĐH Ngô Văn Cang+Phạm - Thị Nghi(Berlin)500DM.PT Vĩnh Bình, Vĩnh Lực,Trần Văn Châu,Nguyễn Gia Thụy(")100M PT Phạm Đàng Hiếu(")500DM.PT Ngô Đình Hiếu (")100DM.PT Ngô Thị Cơ(")50DM.PT Phan Duy Phương+Kim Bình(")200DM.GĐPT Dũng+Nguyệt (Berlin)200DM.GĐPT Thiên+Lâm(")500DM. GĐPT Huỳnh Van Biếu(")500DM.ĐH Lê Văn Hoàn(")

200DM.ĐH Vũ Hán Việt(Berlin)500DM.PT Ng . Trung Ngôn(")500DM.PT Nguyễn Song Nga(") 200DM.GĐĐH Chiêm Quách Vinh(Hamburg)nguyện cúng dường một quả Đại Hồng Chung và ở chùa mới cùng với một số quý Phật Tử khác và 1.000,00DM.Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử tại trại Reutlingen đóng góp vào quỹ xây chùa.ĐH Quách Mông Hoa(")100DM.ĐH Tất Yêu Phương 50DM.ĐH Tăng Chi Thế+ĐH Tăng C h i Đặng 100DM.ĐH Nguyễn Đình Tân 200DM.ĐH Nguyễn Hồng Khai 200DM.ĐH Tú Cẩm Hồng 10M.ĐH Lê Vương Vĩnh Toàn 50DM.ĐH Vũ Ngọc Tuấn 200DM.ĐH Phạm Trí Thức 50DM.ĐH Nguyễn Tấn Quý 50DM.ĐH Lieng Siu Denh50DM.ĐH Trần Văn Sanh 100DM.ĐH Quang Thành 20DM.ĐH Trịnh X. Dung 10DM.ĐH Lê Văn Sáu 50DM.GĐ Người Hoa tại Việt Nam 200DM.ĐH Nguyễn Thị Hoàn 20M.ĐH Bùi Nhật Tài 50DM.ĐH Vũ Ngọc Long 200DM.ĐH Phan Văn Hoa 200DM.ĐH Đờ Văn Nho 300DM.ĐH Lý Thông Phát 100DM.ĐH Vũ Thị Dương - Minh 500DM.ĐH Nguyễn Thị Sơn 100DM.ĐH Quang Thục Châu 300DM.ĐH Trần Văn Huyền 500DM.ĐH Huỳnh Ngọc Minh(Stuttgart)300DM.Một thân Hữu(")100DM.PT Trần Q.H.và Đờ.T.X(")200DM.ĐH Trần Thị Khâm(")100DM.ĐH Vương Lộc Dân 100DM.ĐH Vương Lộc Tân(")100DM.PT Trần Hữu Phúc+Huệ(")100DM.PT Nguyễn N.T.(")200DM . Gia đình họ Nguyễn(")500DM.ĐH Văn Ai Nghi +Tăng Vĩnh Lộc(")500DM.ĐH Hà Thị Lan Anh (Schorndorf)100DM.ĐH Nguyễn Văn Ân(Craislheim)100DM.ĐH Mạc Kim Anh(Schorndorf)20 DM.ĐH Phan Văn Hiệp(")200DM.ĐH Nguyễn Thị Toàn(")500DM.ĐH Trần Cẩm Vân(")200DM.ĐHBùi Khường 200DM.Vô danh 100DM.ĐH Lâm Minh Đức (Filderstadt)200DM)PT Lê Thị Dân(Stuttg - art)200DM.ĐH Trần Vĩnh Chuẩn(Freiburg) - 100DM.ĐH Huỳnh Kim Hoàng(")500DM.ĐH Trần Xìai Lái(")100DM,PT Huỳnh Văn Lộc(Stuttg - gart)100DM.PT Lý Huỳnh Dũng(")200DM.PTHoàng Thị Mông Diệu(")100DM.PT Nguyễn Tiết Dũng (Furtwangen)500DM.ĐH Đờ đình Thân(S.)200DM.ĐH Hoàng Đàng(Sindelfingen)200DM.PT Nguyễn Xuân An(S.)500DMPT Trần Văn Tuấn(S.)500DM. PT Vũ Xuân Phong(")500DM.PT Nguyễn Thị Hòa 500DM:PT Trần Văn Sanh(")500DM.ĐH Nguyễn T. Diệu Tường(")100DM.ĐH Nguyễn Thị Châu(") 500DM:PT Bùi Thanh Nhân(")200DM.PT Hoàng Thị Bình(Böblingen)200DM.PT Bùi Thị Bach Loan(")200DM.PT Nguyễn Thị Tuyết(Reutl.) 500DM.PT Nguyễn Văn Dinh(")200DM.ĐH Klaus-Walther(S.)500DM.ĐH Nguyễn Hữu Đức(S.)50M.ĐH Bạch Thiên Tường và Bạch Mạnh Dũng(S) 600DM.ĐH Trần Văn Long(S.)100DM và một số những Đạo Hữu ân danh khác. (Danh sách cúng dường xây chùa Viên Giác sẽ được đăng tiếp trong số báo 19 kỳ tới)

## Định kỳ

GĐĐH Hồ Văn Nguyên (Paris-Pháp) 300FF/7-12/83. GĐPT Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 40DM/9-10/83. PT Lai Khánh Vân (Aachen) 100DM/10-2/84. GĐĐH Dương Văn Phương (Essen) 50 DM/8-12/83. PT Lê Văn Hồng (Würzburg) 120DM/7-12/83. PT Lý Diệu Anh (Vechta) 50DM/11-12/83. Phật Tử Nguyễn Bình Dương (Lünen) 80DM/9-12/83.

\* Công việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác vẫn còn kéo dài trong nhiều năm tháng. Vì phải lệ thuộc vào việc ủng hộ của đồng - Bào Phật Tử khắp mọi nơi cũng như sự trợ lực của chính quyền. Vậy để công việc trên chóng đi đến những thành quả sơ khởi, kính xin Quý vị Đạo Hữu, Quý Phật Tử cũng như các bậc Thiện Hữu Tri Thức gần xa nhiệt liệt hỗ trợ cho. Công đức ấy thật là vô lượng vô biên.

Quý vị nào muốn xin khẩu trừ lại thười bộ Tài Chánh sơ tại; xin cho chúng tôi được biết, để đầu năm dương lịch 1984, chúng tôi sẽ gửi biên lai bằng tiếng Đức đến Quý vị.

Xin nguyện cầu công đức tài thí của Quý vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử lên ba ngôi Tam Bảo để chúng tôi cho Quý Vị. Xin nguyện cầu công đức đó cho người còn được an lạc kẻ thác được siêu thăng và nguyện cầu cho gia quyến của Quý vị được vạn sự kiết tường như ý.

\* Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có thể gửi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua 1 trong 2 số Konto của ngân hàng Deutsche Bank Hannover như sau: Chùa Viên Giác Konto Nr. 8650228. BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e. V. 865 74 70. BLZ 250 700 70.

\* Xin nhắn tin cùng với quý vị độc giả xa gần:

Quý vị nào muốn có báo Viên Giác hoặc muốn giới thiệu cho bạn bè, chỉ cần gửi địa chỉ về chùa, chúng tôi sẽ gửi báo biểu đến Quý vị. Việc ủng hộ, xin tùy tâm không có tính cách bắt buộc. Và cũng xin Quý vị nhớ cho một điều là khi nào gửi địa chỉ xin thông báo kịp thời cho nhà chùa địa chỉ mới để báo không bị trả về.

## tiếp theo trang 62

toàn thân đều thanh tịnh trong trắng. Mục đồng mặc sức tiêu điều thối sáo rong chơi, nhưng trâu vẫn không hề trái ý.

7) Bức vẽ thứ bảy. - Nhậm vận: mặc ý tự tại. - Mục đồng rành rang an nghỉ, trâu thường hầu hạ một bên, hiền lành nhu nhai không cần phải chăn nữa.

8) Bức vẽ thứ tám. - Tướng vong: cùng quên Mục đồng và trâu an vui trong cảnh thanh tịnh, không cần để ý nhau; nhưng lúc nào cũng đồng ý, cảnh vật xung quanh đều tiêu vong tròn chơn không bắt đầu hiện rõ.

9) Bức vẽ thứ chín. - Độc chiếu: riêng chiếu. - Trâu đã đồng ý với người thì trâu tức là người, người tức là trâu, nên không còn trâu và chỉ có người trơ cảnh thanh tịnh sáng suốt.

10) Bức vẽ thứ mười. - Song diệt: cả hai đều diệt. - Trâu đã không còn thì mục đồng cũng không thành mục đồng, nên tướng ngộ. cũng tiêu mất, chỉ còn một thể chơn như sáng suốt.

## IV. - KẾT LUẬN

Mười bức vẽ giản dị của Mục牛郎 đồng giới thiệu con đường tu hành của Đạo Phật, chỉ rõ những thứ bậc tu chứng, những phương tiện đối trị đến quá giải thoát. Ngươi tu hành cần phải tự biết mình, biết tánh tịnh của mình, nhận định rõ con đường phải đi, phương pháp phải theo, và luôn luôn phải khôn khéo ứng dụng mọi phương tiện để đối trị nghịch cảnh, nội ma, và tiến bước trên đường Đạo.

(Còn tiếp)

## Giới thiệu

Tập San HÀNH ĐỘNG tại Thụy Sĩ vừa rồi có cho xuất bản 2 tuyển tập truyện ngắn "THƯỜNG VỀ QUÊ NGOẠI" và "MUA XUÂN CHIM SÓN CA". Sách dày 270 trang và 218 trang. Khổ 20x14, 50cm. Quý vị nào muốn có sách, xin gửi kèm tem về địa chỉ: M. NGUYỄN C/O Hành Động - Postfach 161 - 9014 St. Gallen. Suisse. Tel. (071) 277896.



Sách mới:

## Mài Gươm Phục Quốc

"MÀI GƯƠM PHỤC QUỐC" là một quyển tiểu thuyết kiếm hiệp giả tưởng; nhưng có thật, vì dùng sách nói về giặc Hồ thời cuối triều Trần; nhưng cũng hợp với khung cảnh giặc Hồ trong hiện tại. Sách do Nguyễn Sĩ Huỳnh Dung biên soạn. Sách dày 390 trang khổ 21x14,5cm. Trình bày trang nhã, đẹp. Sách có bày bán tại chùa Viên Giác Hannover, giá 20DM. Hoặc quý vị cũng có thể liên lạc thẳng về địa chỉ dưới đây để có sách. TRÜNG SƠN Case P.70 Bremgarten 3047 SWITZERLAND (Giá bán tại Thụy Sĩ 14 FrS).

# Nhà hàng SAIGON

Nhà hàng "RESTAURANT SAIGON" vừa mới khai trương gần nhà Gare Hamburg. Khung cảnh hăm cúng, thanh lịch. Mở cửa từ 12 giờ trưa đến 24 giờ khuya. Địa chỉ: Ernst-Merckstr. 4. 2000 Hamburg 1. Tel. 040-24 79 04. Chúng tôi nhân kính mời quý vị đến để thưởng thức hương vị quê hương và nhớ về Việt Nam trong muôn thuở.

## VIETNAM LADEN TÙNG HƯƠNG



MÜNCHEN

Schwanthalerstr. 63 (Eingang Paul-Heyse Str.)

T. (089) 533298

THỰC PHẨM - SÁCH BÁO - BANG NHẠC

--- LỜI DẶN VỀ QUẢ TỰNG CỦA NHÀ HÀNG ---

- Dạy đủ các loại thực phẩm khô và đông hộp
- Nhiều thứ rau tươi
- Hải sản điện, lẩu điện, gỏi hộp v.v...
- Đồ mỹ nghệ 1-Châu làm quà cho bạn bè Việt-Liên và ngoại quốc
- Băng nhạc, tuyển tập nhạc
- Tủ sách (gia đình, sách văn học, sách kỹ năng, sách nấu ăn, kiếm hiệp, tiểu thuyết v.v...)
- Nhiều loại tự điển hữu ích (Anh-Việt, Việt-Anh, Anh, Pháp v.v...)



BẢN ĐỒ HƯỚNG DẪN  
CỬA TIỆM **Tùng Hương**

- Đi xe U-Bahn, U-Bahn xuống trạm Hauptbahnhof (đi bộ chừng 5 phút tới tiệm).
- Đi xe điện số 14, 19, 20 và xe bus số 50, xuống trạm U-Bahn Hauptbahnhof (đi bộ chừng 5 phút tới tiệm).

# REO VANG BÌNH MINH

VUI TUỔI

LỮU HỮU PHƯỚC

Reo vang reo ca vang ca , cất tiếng hát vang đồng  
xanh vang lũng . La bao la tuổi xinh tuổi ánh sáng tung bùng hoa  
lá . Cây rung cây hoa đua hoa khắp nói bình minh rạo  
reo hưởng nồng. Gió đón gió sáng chiếu sáng bình minh sáng ngập hồn  
ta Liú liú lo lo chim oanh hót say sưa hót  
lên chào mừng bình minh luôn tuổi sáng . Tang tang tang tích tang  
tang ta ca hát say sưa . Hát lên chào mừng bình  
minh sáng muôn năm . Reo vang.....